

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



“Nhờ trừ hết buông lung, kẻ trí không còn lo sợ gì. Bậc thánh hiền bước lên lầu trí tuệ, nhìn thấy kẻ ngu si còn nhiều lo sợ, như được lên núi cao, cúi nhìn muôn vật trên mặt đất.” (Kinh Pháp Cú, Câu 28)

140

THÁNG 7.2023



CHÁNH PHÁP

SỐ 140
THÁNG 07.2023

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thư quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và
văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh
Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **Shogun (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật
vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi
hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải
thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và
thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là
thuốc hay, những bệnh mà không uống thì
chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di
Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần
chót bằng những lời cảm động như sau:
"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh
Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ
còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng
một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập,
đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích,
và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới
thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong
pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua
những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy
theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận
hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không
tra nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn
thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ
"có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa
soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy
sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI**
(Điều Âm lược dịch), trang 3
- **ĐÃ HƠN BỐN MƯƠI NĂM** (thơ
ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- **NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ**
TƯỚNG DUY THỨC, t.t. (HT.
Thích Thắng Hoan), trang 7
- **CÁI CHUM ĐẤT** (Nguyên Siêu),
trang 10
- **KÍNH CHUÔNG NHƯ PHẬT**
(Thiền Tông Cổ Sự), trang 11
- **CHUNG TRÀ, DUYÊN TRẦN...**
(thơ Minh Đạo), trang 12
- **MÙA AN CƯ - NGUỒN GỐC**
NGHI THỨC CÙNG QUÁ
ĐƯỜNG... (Thích Tâm Nhân),
trang 13
- **NGÂM LỆ, EM CÓ VỀ** (thơ
Thường Tử Tâm), trang 15
- **NGƯỜI XIÊN CÁ, CÁ MÓC**
NGƯỜI (Quả Khanh – Thích Nữ
Hạnh Đoan dịch), trang 16
- **NGUYỄN... ĐẠI** (thơ TN Hạnh
Đoan), trang 17
- **THƠ HAIKU HOÀNG LONG**,
trang 18
- **CHUYỆN NGÀY XƯA** (Thích Như
Điển), trang 19
- **THIỀN VƯỜN** (thơ Trần Hoàng
Vy), trang 22
- **HOÀNG TỬ ANURUDDHA VÀ**
'CHIẾC BÁNH KHÔNG CÓ' (Huệ
Trần), trang 23
- **TỨ CÚ LỤC BÁT 'HƠI THỜ'** (thơ
TK Vĩnh Hữu), trang 24
- **THIỀN SƯ HẢI BÌNH BẢO**
TẠNG... (Thích Thánh Minh),
trang 25
- **LẤY TỪ BI THẮNG HẬN THÙ**
(Phật Pháp Thứ Năm – GĐPTVN),
trang 30
- **HỌC THUYẾT 'THƯỜNG, LẠC,**
NGÃ, TỊNH' (TN Hằng Như),
trang 31
- **CÔI VÔ THƯỜNG** (thơ Nhật
Quang), trang 33
- **LƯỢM ĐƯỢC TIỀN** (thơ TM Ngô
Tăng Giao), trang 34
- **THÔNG BÁO SỐ 3 - Khóa Tu**
Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ
10 (HT Thích Tuệ Uy), trang 37
- **THƯ NGỎ VỀ KỶ YẾU KHÓA TU**
HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ,
trang 39
- **NGÀY GẶP PHỤ VƯƠNG**
(Truyện cổ Phật giáo) trang 41
- **THỰC PHẨM VÀ HẠT PHÓNG**
XẠ (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 42
- **ĐẦU LÀ TẬN CÙNG CỦA CÔ**
ĐƠN? (Huỳnh Kim Quang),
trang 44
- **NẤU CHAY: XÀ LÁCH NẤM &**
RAU DỀN LÁ NHỎ (Hong
Hương), trang 48
- **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven
N), trang 49
- **AN LẠC TRONG TÂM** (An Tường
Anh), trang 51
- **SUP ĐỒ, VẪN BA NGÔI...** (thơ
Diệu Viên) trang 52
- **NHẢY TÀU** (Tiểu Lục Thần
Phong), trang 53
- **MÂY BAY** (thơ Quy Hồng), tr. 54
- **ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN CHÙA BÁT**
NHÃ (Thanh Huy), trang 55
- **MƯA QUA MIỀN KÝ ỨC, MÙA**
HÈ GỖ CỬA (thơ Tôn Nữ Mỹ
Hạnh), trang 58
- **THE STORY OF BHIKKHU KO-**
KALIKA (Daw Tin), trang 59
- **MƯA TRÊN SÒI ĐÁ** (thơ Hoàng
Thục Uyên), trang 60
- **CỜ TRỜI tập 1 - chương 4,**
t.t. (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- **VĂN MINH RAP CHIẾU BÓNG**
(Mã Nhược Mai), trang 64
- **NƠ ĐÒI, OÁN BÁO ĐỨNG**
HÀNG ĐẦU (TL Đào Mạnh
Xuân), trang 65
- **ĐƯỜNG THỂ NHÂN MUÔN**
THUỜ (thơ Thanh Nguyễn),
trang 66

Báo Chánh Pháp số 140, tháng 07 năm 2023, do Chùa Quang Minh (Chicago, IL) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

SOI GƯƠNG

Soi gương không phải để xem mặt mũi hôm nay có đẹp hơn mặt mũi hôm qua, mà soi là soi cái diện mạo đạo đức, kiến thức, kinh nghiệm sống ở đời của chính mình. Hôm nay có tốt đẹp, thiện mỹ hơn ngày qua hay không.

Soi gương để tự sửa mình. Biết tự sửa mình thì mới có thể làm gương soi cho kẻ khác [1].

Cha mẹ và anh chị lớn cần soi gương để làm gương soi cho con em.

Người đi trước cần tự soi gương trước khi khuyên bảo, dạy dỗ người đi sau.

Người trí thức thời xưa, lấy việc đọc sách, trau dồi kiến thức làm nền tảng cho sự hiểu biết và cách ứng xử với đời. Một ngày không đọc, không học, soi gương thấy mình xấu tệ, nói năng chẳng ra chi [2].

Người học đạo, hành đạo lại càng cần phải miên mật soi gương, nội quán trong từng giờ phút, hay ngay cả trong từng hơi thở, từng sát-na. Bởi vì, vô thường, già, chết, không hẹn cùng ai; sớm còn, tối mất, chỉ trong vòng một sát-na là đã qua đời khác [3].

Soi gương thấy mình là mình. Thấy mình, một thiếu niên, một thanh niên, một người trung niên hay lão niên.

Thiếu niên da căng mặt trắng, mắt ngây thơ vui nhìn cuộc đời; thanh niên mạnh mẽ sung sức, hăng say đập đổ, khai phá, tìm kiếm những con đường tiến về phía trước; trung niên đội đá vá trời, đâm đầu vào cửa tử để tìm nẻo sinh, thấy mình như cứu tinh của cả một dân tộc triền miên thống khổ; lão niên da mồi tóc trắng, dừng lại những thị-phi thể sự, ôn chuyện xưa cười nhẹ một thời phiêu lưu, nông nổi.

Soi gương, vẫn thấy mình là mình, nhưng thực sự bóng kia, hình này rất khác, dường như không phải mình. Năm trước, năm sau, hình hài đã đổi. Tình cảm, ý chí cũng đã đổi thay hoặc giảm đi cường độ. Có một cái tôi nào đó liên tục tồn tại trong sự biến dịch của không gian và thời gian, nên từ thiếu niên đến lão niên, vẫn được nhận dạng là một kẻ ấy, tên ấy. Cái tôi có đó, nhưng kỳ thực là không thực có. Một hiện hữu được xác lập bởi nhiều yếu tố nhân duyên, mà mỗi nhân/duyên đều không có bản chất cố định. Một hiện hữu không có tự tánh. Một hiện hữu như ảo ảnh, ảo tượng, ảo mộng. Chỉ là vay mượn một tên gọi để mặc định có một cái tôi nhất quán, thường tại. Tên thì vay mượn, hình thể và tâm ý thì bất định vô thường, cái tôi ấy chẳng phải là tôi. Cái tôi ấy là *không*, là *giả* (danh), là *trung* (đạo) [4].

Soi vào trong. Soi nơi ý căn, soi nơi những ảnh tượng nhảy múa lung linh. Soi nơi những bóng sắc chập chờn ảnh hiện theo từng ý niệm.

Soi đến chỗ nhỏ nhiệm tận cùng cực vi của không gian. Soi đến chỗ tận cùng sát-na không thể chia chẻ của thời gian.

Nơi ấy, chẳng gì chân, chẳng gì vọng, chẳng gì thiện, chẳng gì ác. Chỉ là sự trình hiện hiển nhiên, trong suốt của bản tâm.

Nơi ấy không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Không có thiếu niên, trung niên, lão niên. Không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Không có sinh, già, bệnh, chết. Không có Không. Không có Giả. Không có Trung. Không có tam đế, tứ đế. Không có năng quán, sở quán. Như như bất động. Maha Prajna Paramita! [5]

1) *"Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước hãy sửa mình rồi sau sửa người. Tự sửa mình vốn là điều khó nhất."* (Kinh Pháp Cú, phẩm Tự Ngã, câu 159).

2) Nguyên văn câu này của Hoàng Đình Kiên (1045 – 1105) thời Bắc Tống: "Sĩ đại phu tam nhật bất đọc thư, đối kính giáo diện mục khả tăng, hướng nhân diệc ngữ ngôn vô vị" – Nghĩa là, bậc sĩ phu mà ba ngày không đọc sách thì soi gương thấy mặt mũi đáng ghét, nói chuyện lời lẽ nhạt nhẽo. (Theo Thivien.net)

3) *"Vô thường lão bệnh, bất dữ nhân kỳ. Triêu tồn tịch vong, sát-na dị thể"* (Cảnh Sách Văn của Thiền sư Qui Sơn).

4) Tam quán: Không, Giả, Trung, theo Từ Điển Phật Học Online: *"Chỉ cho Tam đế tam quán do tông Thiên Thai lập ra. Lý thể của các pháp xưa nay vốn vắng lặng; gọi là Không; các pháp do nhân duyên sinh, gọi là Giả; lý thể tuyệt đối, chẳng phải không chẳng phải giả, gọi là Trung.... Không để phá tất cả pháp, Giả để lập tất cả pháp, Trung để đạt lý vi diệu của tất cả pháp."* Tông Thiên Thai do Đại sư Trí Khải (538-597) lập. Ba chân lý (tam đế) này dựa nơi bài kệ tụng thứ 18, phẩm 24 của Trung Quán Luận mà lập cước, do vậy Đại sư Trí Khải đã vọng bái Bồ-tát Long Thọ làm Sơ tổ. Bài kệ tụng như sau:

*"Nhân duyên sở sanh pháp,
Ngã thuyết tức thị Không
Diệc danh vi Giả danh
Diệc thị Trung đạo nghĩa."*
(Pháp do nhân duyên sanh
Ta nói tức là Không
Cũng gọi là Giả danh,
Cũng là nghĩa Trung đạo.)

5) Nguyên đoạn này diễn ý từ Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm kinh (Maha Prajna Paramita Heart Sutra).

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ẤN ĐỘ: Khai quật Tượng voi 2,300 năm tuổi của Phật giáo ở bang Odhisa

Vào tháng 5-2023 tại Ấn Độ, các nhà khảo cổ đã khai quật được một bức tượng voi được cho là có từ thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên.

Một nhóm làm việc cho Ủy ban Di sản Văn hóa và Nghệ thuật Quốc gia Ấn Độ (INTACH) đã tìm thấy tượng voi này khi đang làm việc ở sông Daya thuộc bang Odisha, phía đông Ấn Độ.

Bức tượng có chiều cao khoảng 1 mét (3 feet), được chạm khắc từ đá theo phong cách giống như những bức tượng voi khác của Phật giáo được tìm thấy trên khắp bang này.

Các nhà nghiên cứu Anil Dhir và Deepak Nayak đã dẫn đầu cuộc thám hiểm ở Thung lũng sông Daya, nơi Phật giáo từng phát triển mạnh mẽ. Khu vực này và nằm dọc theo Vịnh Bengal, phía nam Bồ Đề Đạo Tràng, nơi Đức Phật thành đạo.

"Khu vực xung quanh nơi con voi được tìm thấy có rất nhiều cổ vật Phật giáo, vốn được phát hiện trong vài năm qua," ông Dhir nói.

Theo ông, tượng voi này được đào từ một tảng đá duy nhất, tương tự như những bức tượng voi Phật giáo khác được tìm thấy trong khu vực.

(Buddhistdoor Global - June 13, 2023)



ANH QUỐC: Lễ cầu phước cho Vua Charles III tại Tu viện Phật giáo Luân Đôn

Sau lễ dâng quang của Vua Charles III, Tu viện Phật giáo Luân Đôn (LBV) đã thay mặt cho cộng đồng Phật giáo ở Vương quốc Anh tổ chức một buổi lễ cầu phước cho vị tân vương vào ngày 19-5.

Phó Đô đốc Ngài Anthony Johnston-Burt, người đứng đầu gia đình Hoàng gia tại Cung điện Buckingham đã đại diện cho nhà vua tại buổi lễ. Ông đi cùng với Phu nhân Johnston-Burt và 2 sĩ quan tham mưu khác từ Cung điện.

Trong số các đại diện Phật giáo tham dự buổi lễ có những người từ truyền thống Theravada Forest của Tăng đoàn người Anh Chithurst, các nhà sư Tây Tạng, các sư cô từ Chùa Phật Quang Sơn Đài Loan, Giáo sư Sato của truyền thống Thiền Nhật Bản, Thượng tọa Nagase từ Chùa Hòa bình Luân Đôn, các nhà sư từ truyền thống Nichiren của Nhật Bản, và các nhà sư Tích Lan đã tụng kinh cầu phước bằng tiếng Pali, tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hoa và tiếng Tây Tạng.

(Tipitaka Network - June 10, 2023)



Hình ảnh buổi lễ cầu phước đang diễn ra (ảnh dưới) - và Thượng tọa Bogoda Seelawimala, Trụ trì của LBV và là Trưởng Tăng đoàn Nayaka của Vương quốc Anh, bàn giao một bức tượng Phật nạm đá quý từ Tích Lan cho Phó Đô đốc Ngài Anthony Johnston-Burt (ảnh trên) để được trình lên Vua Charles III

Photos: sundaytimes.lk



THÁI LAN: 270 người Tích Lan sẽ được xuất gia ở Thái Lan để đánh dấu kỷ niệm 270 năm thành lập tăng đoàn Siam Nikaye

270 người Sri Lanka sẽ xuất gia trong thời gian ngắn tại Thái Lan trong năm nay để đánh dấu kỷ niệm 270 năm Siam Nikaye (một tăng đoàn Tích Lan được thành lập bởi Hòa thượng người Thái Upali Maha Thera).

Thượng tọa Pharsamu Pairoj Wonsomsri Thera của chùa Wat Pa Samdet ở Chiang Mai (Thái Lan) sẽ bắt đầu đợt đầu tiên gồm 50 người Tích Lan đến tu tập trong thời gian 4 tháng vào ngày 28-7-2023.

Thượng tọa Wonsomsri đã tổ chức một cuộc thảo luận với Thủ tướng Dinesh Gunawardena tại Temple Trees vào ngày 12-6 và giải thích rằng Phật tử Thái Lan



Tượng voi 2,300 năm tuổi của Phật giáo được khai quật tại bang Odhisa, Ấn Độ
Photos: livescience.com

rất coi trọng Tích Lan và truyền thống đã bắt đầu từ 270 năm trước bởi Hòa thượng Upali Mahathera, người đã thực hiện Upasampada (Lễ truyền giới cao hơn) cho một nhóm tu sĩ Tích Lan và thành lập Tăng đoàn Siam ở Tích Lan.

Hòa thượng Upali Maha Thera đến Tích Lan vào năm 1753 theo yêu cầu của Vua Rama của Siam/ Xiêm - nay là Thái Lan - để giúp Hòa thượng Saranankara Sangaraja của Tích Lan phục hồi và truyền giới cho Tăng đoàn Siam.

(dailynews.lk - June 13, 2023)

ẤN ĐỘ: Các đại biểu nhóm G20 thăm các thánh địa Phật giáo ở Sarnath

Ngày 13-6-2023, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Ấn Độ S Jaishankar cùng với các đại biểu nhóm G20 đã đến thăm di tích lịch sử Phật giáo Dhamek Stupa ở Sarnath, thuộc thành phố Varanasi, bang Uttar Pradesh.

Các đại biểu từ các quốc gia khác nhau đã đến đây để tham dự hội nghị Bộ trưởng Các nước đang Phát triển G20 kéo dài 3 ngày, bắt đầu vào Chủ nhật 11-6.

Cách thị trấn đền cổ Varanasi khoảng 12 km, Sarnath là một trong những trung tâm hành hương Phật giáo được tôn kính nhất trên thế giới. Bảo tháp Dhamek đánh dấu vị trí mà Đức Phật được cho là đã thuyết pháp đầu tiên sau khi Ngài thành đạo. Nó được xây dựng vào năm 500 sau Công nguyên để thay thế một cấu trúc trước đó do Vua A Dục Vương xây dựng vào năm 249 sau Công nguyên.

Trong chuyến thăm Sarnath của họ, các vị khách G20 cũng đã đến thăm các thánh địa khác ở Sarnath, bao gồm các tu viện Phật giáo và phần còn lại của các di tích và di tích cổ xưa của thời Mauryan.

Ấn Độ sẽ tổ chức hội nghị các bộ trưởng phát triển của các quốc gia thành viên G-20 từ ngày 11 đến 13 tháng 6 với tư cách là chủ tịch hiện tại của nhóm.

(PTI - June 13, 2023)

Các đại biểu nhóm G20 thăm các thánh địa Phật giáo ở Sarnath
Photo: PTI



HOA KỲ: Giáo sư Đại học Pháp Giới Phật giáo nhận Giải thưởng Fulbright cho Nghiên cứu tại Ấn Độ

Đại học Phật giáo Pháp Giới (DRBU) vào thượng tuần tháng 6 thông báo rằng: Giáo sư Lauren Bausch, một học giả về tư tưởng và ngôn ngữ Vệ Đà và Phật giáo sơ kỳ, đã được trao giải thưởng Chương trình Học giả Fulbright Hoa Kỳ về Nghiên cứu Tôn giáo.

Cô ấy sẽ sử dụng khoản tài trợ này để đến Ấn Độ cho năm học 2023-24. Ở đó, cô sẽ được tiếp đón bởi Khoa Nghiên cứu Pali và Phật giáo, do Giáo sư Mahesh Deokar đứng đầu, tại Đại học Savitribai Phule Pune ở thành phố Pune, nơi cô sẽ viết một cuốn sách.

Cuốn sách của Giáo sư Bausch sẽ khám phá triết lý về ngôn ngữ và quan hệ nhân quả trong các văn bản Vệ Đà thời kỳ trung và cuối, cũng như mối quan hệ của chúng với Phật giáo sơ kỳ: "Ở Ấn Độ, tôi sẽ được tiếp cận trực tiếp với một trong những truyền thống tâm linh sống động lâu đời nhất trên thế giới, được bảo tồn cả trong văn bản tiếng Phạn và giữa các tu sĩ Vệ Đà. Tôi tò mò muốn xem kết quả như thế nào!"

Bày tỏ sự hào hứng với giải thưởng, Giáo sư Bausch nói: "Thật vinh dự khi được chọn và tôi rất nóng lòng được trở thành đại sứ học thuật, đại diện cho Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và tiến hành nghiên cứu ở Ấn Độ."

Ngoài công việc cô sẽ làm trong cuốn sách sắp xuất bản, Giáo sư Bausch nói rằng cô mong muốn xây dựng mạng lưới với các học viên Vệ Đà và Phật giáo ở Ấn Độ: "Tôi mong được gặp những người bạn cũ và kết bạn mới."

(Buddhistdoor Global - June 12, 2023)



Giáo sư Lauren Bausch, học giả về tư tưởng và ngôn ngữ Vệ Đà và Phật giáo sơ kỳ

Photo: pasoroblesdailynews.com

HÀN QUỐC: Công bố Kinh điển Phật giáo thời Goryeo được phiên âm sau khi hồi hương từ Nhật Bản

Ngày 15-6-2023, Cục Quản lý Di sản Văn hóa (CHA) đã công bố: một bản thảo được chép lại từ thời Goryeo của một kinh điển Phật giáo có tên là Saddharmapundarika Sutra (Kinh Pháp Hoa), vừa được chuyển trả về Hàn Quốc từ Nhật Bản.

Bản thảo này là Tập 6 của bộ kinh Pháp Hoa. Ở Triều Tiên, bản Kinh Pháp Hoa được lưu hành phổ biến gồm 7 tập và 28 chương, do một nhà sư Ấn Độ tên là Cưu Ma La Thập/ Kumarajiva (344-413) dịch sang tiếng Hán vào thời Hậu Tần (384-417). Vào thời đó, những bộ kinh như vậy được sao chép bằng tay nhằm mục đích truyền bá giáo lý Phật giáo, nhưng chúng dần được xem là một phương tiện để thực hành việc thiện thông qua việc sao chép kinh.

Theo Bae Young-il, giám đốc Bảo tàng Seongbo ở Chùa Magok ở Nam Chungcheong, bản thảo thu được này cũng được sao chép thủ công cẩn thận trên giấy chàm, sử dụng sơn màu vàng và bạc "có lẽ bởi một nhà sư nổi tiếng với kỹ năng xuất sắc". Nó được làm ở dạng tấm màn gập. Khi mở ra, nó dài khoảng 10 mét (32.8 feet).

Theo CHA, sự tồn tại của bản thảo này được biết đến cách đây một năm - vào tháng 6 năm 2022 - khi chủ sở hữu trước đó

của nó bày tỏ ý định bán nó cho Hội Di sản Văn hóa Hàn Quốc ở nước ngoài.

(joongang.co.kr – June 15, 2023)



*Tập 6 Kinh Pháp Hoa
Photo: CHA*

THÁI LAN: Tổ chức Khyentse thành lập Chủ tịch mới về Nghiên cứu Phật giáo tại Trường Cao đẳng Phật giáo Quốc tế

Khyentse Foundation – một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập bởi Lạt ma, nhà làm phim và tác giả người Bhutan đáng kính Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche – đã công bố việc bổ nhiệm một chủ tịch mới về nghiên cứu Phật giáo tại Trường Cao đẳng Phật giáo Quốc tế ở Thái Lan.

Chức danh Chủ tịch Palyul-Khyentse về Nghiên cứu Văn bản Phật giáo này – được thành lập với sự giúp đỡ của một quỹ phù hợp từ tổ chức Phật giáo Yayasan Pema Norbu Vihara (YPNV) có trụ sở tại Mã Lai, một trung tâm Palyul chính thức của Mã Lai – sẽ thúc đẩy việc nghiên cứu và giảng dạy Phật giáo Phạn ngữ và sự truyền bá của nó đến thế giới Tây Tạng.

Tổ chức Khyentse Foundation cũng thông báo rằng chức chủ tịch mới đã được giao cho Tiến sĩ Maria Vasylieva.

Tiến sĩ Vasylieva, người gốc Ukraine, có bằng tiến sĩ khoa học chính trị tại Học viện Khoa học Quốc gia Ukraine và sắp hoàn thành bằng tiến sĩ triết học Phật giáo tại Trường Cao đẳng Phật giáo Quốc tế (Thái Lan).

Trường Cao đẳng Phật giáo Quốc tế (IBC) là một trường đại học Phật giáo phi giáo phái cung cấp các khóa học bằng cả 4 ngôn ngữ Phật giáo chính: tiếng Trung Hoa cổ điển, tiếng Pali, tiếng Phạn và tiếng Tây Tạng.

(NewsNow – June 15, 2023)



Trường Cao đẳng Phật giáo Quốc tế, Thái Lan



Tiến sĩ Maria Vasylieva, chủ tịch mới về nghiên cứu Phật giáo tại Trường Cao đẳng Phật giáo Quốc tế ở Thái Lan —Photos: KF

INDONESIA: Áp dụng việc quản lý điểm du lịch đền thờ Phật giáo Borobudur bởi một cơ quan

Chính phủ Indonesia đã công bố kế hoạch của mình về quy định của Tổng thống về một cơ quan duy nhất sẽ quản lý du lịch tại Borobudur, khu đền thờ Phật giáo lớn nhất thế giới.

“Tổng thống đã chỉ thị cho chúng tôi thực hiện ngay việc làm theo quy định của tổng thống về một tổ chức duy nhất quản lý điểm đến để quản lý hoạt động du lịch của Borobudur,” Bộ trưởng Du lịch Sandiaga Uno nói trong một cuộc họp báo vào ngày 13-6-2023.

Indonesia đã chọn Borobudur, nằm ở Magelang, là một trong những điểm đến siêu-ưu tiên của mình – cụ thể là những nơi mà Indonesia đang cố gắng biến thành Bali mới. Theo ông Sandiaga, Borobudur sẽ sẵn sàng trở thành điểm đến siêu-ưu tiên vào tháng 9-2024.

Cơ quan quản lý có thẩm quyền duy nhất được kỳ vọng sẽ giúp quảng bá khu đền thờ Borobudur đến du khách ngoại quốc.

ASEAN là nơi sinh sống của hàng chục triệu Phật tử, khiến Borobudur trở thành một điểm thu hút khách du lịch tiềm năng đối với du khách Đông Nam Á.

(NewsNow – June 15, 2023)



*Borobudur, khu đền thờ Phật giáo lớn nhất thế giới
Photo: wikipedia.org*

HOA KỲ: Thủ tướng Ấn Độ Modi gặp gỡ học giả Phật giáo Mỹ Thurman, ca ngợi đam mê nghiên cứu Phật giáo

New York, Hoa Kỳ -Trong ngày đầu tiên của chuyến thăm Hoa Kỳ (21-6-2023), Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã gặp gỡ một đoàn danh gia gồm các trí thức, lãnh đạo doanh nghiệp và chuyên gia y tế Mỹ. Thủ tướng kêu gọi họ đầu tư vào Ấn Độ và thảo luận về một loạt chủ đề: từ phát triển kinh tế và thám hiểm không gian đến Phật giáo và “khí chất khoa học”.

Thủ tướng Modi và học giả Phật giáo Mỹ Robert Thurman đã nói về việc “làm thế nào các giá trị Phật giáo cổ thể đóng vai trò là ánh sáng dẫn đường để tìm ra giải pháp cho những thách thức toàn cầu” và những nỗ lực của Ấn Độ để bảo tồn di sản của tôn giáo đó.

Modi nói rằng ông ngưỡng mộ “niềm đam mê của ông Thurman đối với nghiên cứu và học thuật” về Phật giáo.

(IANS – June 21, 2023)



Thủ tướng Ấn Độ Modi (bên phải) và học giả Phật giáo Mỹ Robert Thurman—Photo: India Education Diary



ĐÃ HƠN BỐN MƯƠI NĂM

Mới đó, hơn bốn mươi năm rồi nhĩ!
Tuổi đã già còn thủ thi làm chi?
Về không về đâu phải để nghĩ suy,
Cho lặn dận cho vương vì khổ lụy.

Bốn mươi năm, ta ôm lòng tri kỷ,
Nếu có chẳng là tình bạn cách ly,
Xa cách nghìn trùng kẻ ở người đi,
Hãy xem như đã là người xa xứ.

Người ra đi vẫn ôm lòng tư lự,
Bạn bè ơi! nay có còn đủ thứ...
Kỷ niệm xưa còn vang vọng trong nhau?
Có còn vui như những buổi ban đầu...

Hay trở thành đũa bên ni bên nớ,
Người ra đi nhưng trong lòng vẫn nhớ,
Từ đầu thôn đến cuối xóm hằng đêm...
Rủ nhau ra chùa đồng tụng lời kinh.

Rồi cùng nhau kể chuyện rất thâm tình,
Còn đâu nữa để chúng mình đùa giỡn?
Người tìm mái chùa để thành tu sĩ,
Kẻ ở lại thì tay bế tay bồng...

Một số xuôi tay về cảnh mệnh mông,
Để lại cho nhau nỗi buồn da diết.
Bốn mươi năm rồi chỉ nhớ tên nhau,
Nếu có về chỉ khêu lại niềm đau.

Kẻ ở người đi theo vắn định mệnh...
Kỷ niệm xưa khi ở tuổi măng tơ,
Chúng ta cùng đều chung lớp chung giờ,
Nay tính lại thử ai còn ai mất?

Bốn mươi năm với niềm đau chất ngát,
Thầy cũ bạn xưa còn lại bao nhiêu...
Hay chỉ để khêu lên bao kỷ niệm...
Để rồi ôm choàng nước mắt lưng tròng!

Bốn mươi năm với cuộc sống phiêu bồng,
Người ra đi, người ở lại trông nhau,
Tuổi măng tơ nay tính lại còn đâu?
Hay tất cả điểm đầu bằng tóc bạc?

Giờ chúng ta nắm tay bằng câu hát:
Và đợi chờ sáu tám ghép lại thôi,
Đó là lần gặp lại của đời người.
Lời chào cuối và là lần vĩnh biệt...

Quý mảo Quý hạ, Apr. 27th, 2023

thơ ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỚNG DUY THỨC

HT. Thích Thắng Hoan

TƯ TƯỚNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

Nghiệp tướng tập khí gồm có hai loại: một là Ngã Tướng và hai là Pháp Tướng, gọi chung là Ngã Pháp. Danh từ Ngã Pháp có nhiều thuyết giải thích giống nhau đều cho rằng, Ngã là chủ thể nhận thức và pháp là đối tượng nhận thức, gọi chung là ngã pháp. Lỗi giải thích ngã pháp này là căn cứ nơi học thuyết chủ quan và khách quan của Tri Thức Luận. Nếu đứng trên lập trường Tri Thức Luận, lỗi giải thích ngã pháp của các học thuyết vừa trình bày thì có giá trị trên lãnh vực chủ quan nhận thức và đối tượng nhận thức, nhưng đứng trên lập trường Chủng Tử Luận của Duy Thức, lỗi giải thích ngã pháp nói trên hoàn toàn không hợp lý chút nào.

Theo Chủng Tử Luận của Duy Thức Học, Ngã Pháp là chỉ cho ngã tướng và pháp tướng, gọi chung là nghiệp tướng, chính là hai yếu tố quan trọng không thể thiếu trong những yếu tố cấu trúc vạn pháp trên lãnh vực duyên sanh mà nó không phải là Chủ Thể Nhận Thức và Đối Tượng Nhận Thức hay Chủ Quan và Khách Quan. Ngã Tướng và Pháp Tướng theo Duy Thức Học khác nhau thế nào?

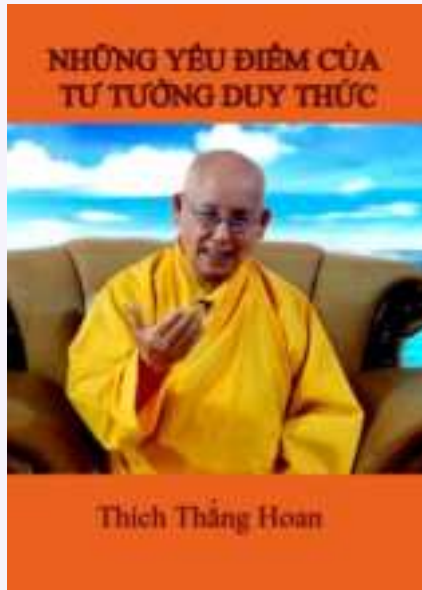
a)- Ngã Tướng là chỉ cho nghiệp tướng của chúng sanh hữu tình, là những mô hình kiến trúc của tất cả chúng sanh thuộc động vật. Chúng sanh hữu tình nghĩa là những chúng sanh có tình cảm, biết thương-ghét, biết phân biệt nhân-ngã bỉ-thử, biết phải-quấy, tốt-xấu, v.v..., theo Duy Thức Học tức là chỉ cho những chúng sanh có sáu tâm thức làm chủ phân biệt nhận thức. Ngã Tướng tại sao không gọi là nghiệp tướng? — Nguyên vì nghiệp tướng là danh từ chung nhằm để chỉ cho cả ngã tướng và pháp tướng, nhưng ở đây danh từ ngã tướng đặc biệt dành riêng cho các chúng sanh hữu tình. Sở dĩ các chúng sanh hữu tình thường chấp lấy nghiệp tướng của mình cho là bản ngã bất biến không thể thay đổi, cũng vì lý do đó để khỏi bị lầm lẫn với nghiệp tướng của chúng sanh vô tình, Phật giáo đặc biệt dành riêng nghiệp tướng của các chúng sanh hữu tình với danh xưng là ngã tướng. Đứng về phương diện chủng tử, danh xưng ngã tướng của những hạt giống là chỉ cho yếu tố cấu trúc các chúng sanh thuộc động

vật mà nó không phải là danh xưng chỉ cho chủ thể nhận thức.

b)- Pháp Tướng là chỉ cho nghiệp tướng của các chúng sanh vô tình, là những mô hình kiến trúc của tất cả chúng sanh thuộc thực vật và khoáng vật, như những mô hình kiến trúc các cô cây núi non, địa cầu, trăng sao, vũ trụ, vạn vật, v.v... Chúng sanh vô tình là những chúng sanh không có tình cảm, không biết thương-ghét, không biết phân biệt nhân-ngã bỉ-thử, không biết phải-quấy, tốt-xấu, v.v..., theo Duy Thức Học tức là chỉ cho những chúng sanh không có sáu tâm thức làm chủ phân biệt nhận thức, nhưng chúng đặc biệt chỉ có hai tâm Thức Mạt Na chủ trì sinh lý nảy nở hoa trái, v.v... và tâm thức A Lại Da chủ trì sanh tồn phát triển tăng trưởng. Đứng về phương diện chủng tử, danh xưng pháp tướng của những hạt giống là chỉ cho yếu tố cấu trúc các chúng sanh vô tình thuộc loại thực vật và khoáng vật, v.v... mà nó

không phải là danh xưng chỉ cho những đối tượng nhận thức.

Thí dụ: Chúng ta nhớ lại Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Đốc Giáo Phật Học Đường Nam Việt Ấn Quang, đường Sư Vạn Hạnh, Sài Gòn- Chợ Lớn tức thì chúng tử hình ảnh ngã tướng Hòa Thượng Thích Thiện Hoa từ trong tâm thức A Lại Da của chúng ta hiện lên ngay, và đồng thời chúng tử những hình ảnh pháp tướng Phật Học Đường Nam Việt Ấn Quang trong đó các tăng sinh, những hình ảnh pháp tướng đường Sư Vạn Hạnh Sài Gòn - Chợ Lớn có liên quan đến Phật Học Đường Nam Việt Ấn Quang cùng lúc đều hiện lên không thiếu sót để cho chúng ta tưởng niệm ghi nhớ. Hơn nữa, chúng ta nhớ đến Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Giám Viện Phật Học Viện Trung Phần Hải Đức Nha Trang tức thì chúng tử hình ảnh ngã tướng Hòa Thượng Thích Trí Thủ từ trong tâm Thức A Lại Da của chúng ta hiện lên ngay và đồng thời chúng tử những hình ảnh pháp tướng Phật Học Viện Trung Phần Hải Đức Nha Trang trong đó có các tăng sinh, những hình ảnh pháp tướng có liên quan đến Phật Học Viện cùng lúc hiện lên không thiếu sót để cho chúng ta tưởng niệm ghi nhớ. Những thí dụ trên cho chúng ta khái niệm về chủng tử ngã tướng và pháp tướng được cất giữ trong Tạng Thức để làm tư liệu mô



hình kiến trúc cho kiếp sau nếu như chúng ta đã gây tạo nghiệp báo với chúng.

Có thể nói, đứng trên lãnh vực những yếu tố cấu trúc vạn pháp, danh từ Nghiệp Tướng là chỉ cho Ngũ Tướng và Pháp Tướng gọi tắt là ngũ pháp. Ngũ Tướng là những mô hình kiến trúc những chúng sanh hữu tình chánh báo và Pháp Tướng là những mô hình kiến trúc những chúng sanh vô tình y báo mà những ngũ tướng và pháp tướng này không phải chỉ cho nghĩa chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức. Muốn biết thêm ý nghĩa ngũ tướng và pháp tướng xin nghiên cứu *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển I, trang 167 và *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển II, trang 72 cùng một tác giả.

2.- NGOẠI CHUNG TỬ:

Ngoại chung tử là chỉ cho những hạt giống hiện hữu bên ngoài mà ai cũng nhìn thấy và hiểu biết được. Những hạt giống đó gồm có như hạt đậu xanh, hạt lúa, hạt bắp, hạt đậu nành, củ khoai, tinh cha, huyết mẹ, trứng gà, trứng chim, v.v..., là những yếu tố để nảy mầm sanh khởi con cái, sanh khởi hoa trái kế tiếp đều gọi là ngoại chung tử cả. Theo Duy Thức Học những hạt giống ngoại chung tử chỉ đứng địa vị làm trợ duyên trực tiếp (cận duyên) để vạn pháp được sanh khởi mà chúng nó không phải là nguyên nhân chánh yếu trong việc cấu trúc vạn pháp, cho nên chúng nó được gọi là quả dị thực.

Dị thực nghĩa là chưa chín muồi; quả là kết quả, nghĩa là những hạt giống chưa đủ điều kiện cho việc nảy nở và phát triển để thành hình tướng. Quả Dị Thực nghĩa là những hạt giống chưa chín muồi, tức là chưa gặp được nhân dị thực để nảy nở và phát triển thành con cái, thành hoa trái cho kiếp kế tiếp. Duy Thức Học gọi quả dị thực này là quán đãi nhân. Quán đãi nhân nghĩa là những nhân tố đang đợi chờ nhân dị thực (nguyên nhân chính yếu) để làm trợ duyên trực tiếp cho việc nảy nở và phát triển thân thể chúng sanh kiếp kế tiếp. Tất cả hạt giống ngoại chung tử thuộc quả dị thực đều được ghép vào loại quán đãi nhân cả. Có nhiều gia đình, chồng vợ sống chung với nhau đã lâu mà không có con là do không có nội chung tử thuộc nhân dị thực hợp tác để xây dựng rồi phải nuôi con nuôi làm trợ duyên kết hợp; cũng như nhiều hạt giống được gieo xuống đất, có giống nảy nở và phát triển, nhưng có giống bị hư không nảy nở và phát triển, nguyên vì những hạt giống bị hư đó không được nội chung tử nhân dị thực hợp tác xây dựng.

Tóm lại, chúng tử có hai loại, một là nội chung tử và hai là ngoại chung tử. Nội chung tử mới là nguyên nhân chính trong việc sanh khởi vạn pháp và ngoại chung tử chỉ là trợ duyên trong việc hình thành vạn pháp trong thế gian. Có những thế giới không cần đến ngoại chung tử vẫn hiện hữu trong thế gian, như những thế giới sắc giới và những thế giới vô sắc giới; những thế giới này không có ái dục chỉ đạo và không có vấn đề âm dương lôi cuốn, chỉ do tướng uẩn chỉ đạo và thức uẩn kết hợp xây dựng bằng lối hóa sanh, cho nên không cần đến ngoại chung tử làm trợ duyên. Trường hợp này cũng giống như người nằm mơ, thế giới trong mơ là do tướng uẩn và thức uẩn hợp tác xây dựng hiện hữu bằng cách hóa sanh mà không cần đến ngoại chung tử trợ duyên cho nên không có vật chất góp mặt.

II.- VẤN ĐỀ NHÂN QUẢ:

Vấn đề nhân quả là vấn đề trọng yếu trong tư tưởng Phật Giáo và có nhiều người đã giải thích ý nghĩa nhân quả rất tường tận, nhưng đứng về phương diện tư tưởng trong số đó có một ít người giải thích không đúng giá trị của nhân quả. Tư tưởng nhân quả của Phật Giáo mà đức Phật đã chủ trương cách đây hơn 25 thế kỷ đều được thiết lập trên lập trường Duy Tâm Luận mà tư tưởng này không phải xây dựng trên lập trường Duy Vật Luận. Tư tưởng nhân quả nếu như giải thích trên lập trường Duy Vật Luận thì quá thấp kém, không có chiều sâu về mặt tư tưởng và vô tình hạ thấp giá trị của Phật Giáo, cũng như phản bác lại chủ trương của đức Phật đã nhiều năm gây dựng biện chứng trên Nhân Minh Luận. Toàn bộ tư tưởng của Phật Giáo mà chính đức Phật đã thuyết minh suốt 50 năm truyền bá đều xây dựng trên học thuyết nhân quả nghiệp báo làm căn bản, điều đó cho thấy tư tưởng nhân quả vô cùng phức tạp, vô cùng thâm sâu, không phải đơn thuần thấp kém như chúng ta thường hiểu biết. Những thuyết nhân quả khó hiểu đã được một số người giải thích sai lập trường của Phật Giáo như sau:

1)- NHÂN QUẢ TRÊN LẬP TRƯỜNG DUY VẬT:

Những thuyết nhân quả được giải thích như sau: Hạt lúa là nhân sanh ra cây lúa là quả, trứng gà là nhân sanh ra con gà là quả, tinh cha huyết mẹ là nhân sanh ra nhân loại là quả, DNA là nhân sanh ra con người là quả, v.v...

a)- Hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA hay bất cứ hạt giống nào đã hiện khởi qua hình thức duyên sanh cũng đều thuộc về vật chất cả. Như yếu tố DNA bản chất của nó cũng là vật chất.

D: viết cho đủ là Deoxyribonucleic

N: là hạt nhân cấu tạo

A: viết cho đủ là Acid.

Lỗi giải thích nhân quả như đã đề cập ở trên là lỗi giải thích theo học thuyết của Duy Vật Biện Chứng và lỗi giải thích này không đúng với học thuyết Duy Tâm Nhân Minh của Phật Giáo. Những điều không đúng của lối giải thích trên đối với tư tưởng Phật Giáo được nhận thấy như sau:

b)- Những hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA, v.v... là thuộc về Sắc Uẩn, một trong Ngũ Uẩn và thuộc về Sắc Chất, một trong 12 Nhân Duyên mà chúng nó không phải là Thọ, Tướng, Hành và Thức của Ngũ Uẩn và cũng không phải là Danh và Thức của 12 Nhân Duyên. Sắc Uẩn và Sắc Chất là thuộc về vật chất; ngoài Sắc Uẩn (Sắc Chất) còn có Thọ, Tướng, Hành, Thức, cũng như ngoài Sắc Chất còn có Danh và Thức tất cả đều thuộc về tâm. Thọ, Tướng, Hành, Thức của Ngũ Uẩn và Danh, Thức của 12 Nhân Duyên mới là yếu tố chính trong việc kiến trúc vạn pháp. Nếu như chấp nhận hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA, v.v... là những nhân tố chính trong việc kiến tạo vạn pháp và loài người thì vô tình phủ nhận học thuyết Thọ, Tướng, Hành, Thức của Ngũ Uẩn và phủ nhận học thuyết Danh, Thức, v.v... của 12 Nhân Duyên của Phật Giáo.

c)- Theo Duy Thức Học, những hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA, v.v... thuộc về quả dị thực của ngoại chung tử mà chúng nó không phải là nhân dị thực của nội chung tử. Nhân dị thực của nội chung tử mới đích thực là chánh nhân và ngoài ra, những hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ,



DNA, v.v... thuộc quả di thực của ngoại chủng tử chỉ là trợ duyên trong việc kiến tạo vạn pháp và loài người mà thôi. Điều đó được nhận thức như sau:

*)- Những hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA, v.v... là những loại thuộc vật lý hoàn toàn thụ động, không có tri giác trong việc kiến tạo và chính nó không thể tự phát triển, không thể tự nảy nở và lớn lên nếu như không có những yếu tố khác bên ngoài như Thức Dị Thực đứng ra xây dựng và bảo trì. Cho đến thuyết âm dương cũng thuộc về vật lý và cũng là loại vô tri giác thì làm sao có khả năng sáng tạo vạn pháp và loài người.

*)- Có thuyết cho rằng, trong hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA, v.v... có những vi sinh vật kiến tạo, thường gọi là tinh trùng và nhờ đó vạn pháp và loài người mới thành hình được trong thế gian. Thuyết này không được chính xác. Vi sinh vật là một loại động vật hạ đẳng không đồng tính thì không thể nào cấu trúc sanh mạng của một chủng sanh như sanh mạng con người, vượt quá khả năng của chúng mà ở đây chính con người còn bất lực trong việc quyết định sanh mạng và sự tồn tại của mình. Chứng nào con kiến xây dựng được nhà cửa cho con người cư trú thì chúng đó thuyết vi sinh vật nói trên có thể tin được. Cho nên thuyết vi sinh vật không phải là nguyên nhân chánh yếu trong việc kiến tạo vạn pháp.

*)- Theo lẽ một nhân thì chỉ sanh ra một quả, nhưng ở đây tại sao một hạt lúa mẹ là một nhân lại sanh ra nhiều bông lúa và nhiều quả hạt lúa con; cũng như tại sao một mẹ một cha lại sanh ra nhiều đứa con và những đứa con của họ sanh ra hoàn toàn không giống họ như khuôn đúc về cả hình tướng cũng như tánh tình? v.v...

Theo Phật Giáo với những lý do trên, những hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA, v.v... không phải là những yếu tố chính trong việc kiến tạo vạn pháp và loài người.

2)- NHÂN QUẢ TRÊN LẬP TRƯỜNG DUY TÂM

a)- Ngoài những hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA, v.v... trợ duyên còn có các nhân tố khác không kém phần quan trọng trong việc kiến tạo vạn pháp và loài người: đó chính là Nghiệp Lực và Nghiệp Tướng. Vì Nghiệp Tướng cho nên một hạt lúa sanh ra nhiều bông lúa và nhiều hạt lúa con mà nghiệp tướng đó nhà Duy Thức gọi là Pháp Tướng; cũng như vì Nghiệp tướng cho nên một cha một mẹ sanh ra nhiều đứa con khác nhau về hình tướng mà nghiệp tướng đó nhà Duy Thức gọi là Ngã Tướng. Còn Nghiệp Lực chính là nhân tố tạo ra tánh tình con cái khác nhau và thọ lấy quả báo khác nhau mặc dù chúng nó sống trong cùng một huyết thống, trong cùng một hoàn cảnh như nhau.

b)- Nhìn sâu hơn nữa, ngoài ngã tướng và pháp tướng ra, còn có một nhân tố quan trọng trên hết trong việc kiến tạo vạn pháp và loài người, nếu như không có nhân tố này góp mặt thì vạn pháp và loài người không thể thành hình, cũng như không có nhân tố này hiện hữu thì vạn pháp và loài người không bao giờ tồn tại trong thế gian. Nhân tố này chính là Thức A Lại Da. Thức A Lại Da là một kỹ sư vừa kiến trúc vừa bảo quản sanh mạng tất cả vạn pháp và loài người. Ngoài Thức A Lại Da này ra, không ai có khả năng thay thế công trình kiến tạo vạn pháp và loài người khởi điểm từ hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA... để trở thành hệ thống sanh lý quá tối tân và quá phức tạp tinh vi. Con người chỉ có khả năng kiến tạo người máy (người robot) thuần túy vật lý, nhưng nó hoàn toàn không có tình cảm, không thể tự mình thiết kế chương trình, cũng không thể tự mình điều khiển lấy mọi sự sinh hoạt và tất cả sự hoạt động phải nhờ người khác bên ngoài giúp đỡ toàn diện.

c)- Theo Duy Thức Học, Thức A Lại Da, Nghiệp Lực và Nghiệp Tướng cả ba yếu tố này thuộc về Nội Chủng Tử và ngoài ra những hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA, v.v... đều thuộc về Ngoại Chủng Tử. Nội Chủng Tử mới là Nhân Dị Thực và Ngoại Chủng Tử chỉ là Quả Dị Thực mà thôi. Nói cách khác Thức A Lại Da, Nghiệp Lực và Nghiệp Tướng cả ba loại này đều thuộc về Nhân và những hạt lúa, trứng gà, tinh cha huyết mẹ, DNA, v.v... tất cả đều thuộc về Quả và Thức A Lại Da còn có tên khác là Thức Dị Thực.

Thí dụ một trứng gà có trống thuộc quả di thực của ngoại chủng tử được gà mẹ ấp lên; trứng gà đó chỉ thuần là tròng trắng và tròng đỏ ở trong. Đang lúc gà mẹ ấp trứng, Thức A Lại Da của nội chủng tử chun vào và mang theo nghiệp tướng của con gà làm kiểu mẫu để xây dựng hệ thống sanh lý thành gà con trong trứng. Ngoài Thức A Lại Da ra không còn ai có thể thay thế công việc quá phức tạp và tinh vi như thế.

Con người sanh ra có tướng tốt hay tướng xấu, cao hay thấp là do nghiệp tướng, con người có thông minh hay đần độn, khổ đau hay bất hạnh là do nghiệp lực, và con người sống lâu hay chết yếu là Thức A Lại Da quyết định; ba nhân này đều nằm trong nội chủng tử, gọi chung là nhân dị thực.

(còn tiếp)

Cái Chum Đất

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Người thợ gốm, tạo vật bằng đất sét. Nồi đất sét, ghè đất sét, gạch đất sét, chum đất sét... tất cả đều phải được nung chín. Lửa nóng đúng độ, lò nung vững chắc giữ độ nóng cao. Cách làm đúng, đồ dùng được bền lâu, không sớm hư hỏng chóng vỡ. Không bị rỉ nứt. Còn nếu làm đồ gốm mà chưa có kinh nghiệm, tay nghề thấp, đồ gốm chưa nung đủ độ mà vội đem dùng thì sẽ mau bể, rỉ nước...

Ở đây, cái chum đất được nung chín, đúng độ lửa và thời gian, màu sắc đẹp, vững chắc, đựng nước bao lâu cũng không bị thấm ướt, rỉ chảy. Được ví dụ cho trí tuệ Bát Nhã. Nương vào các phương pháp tu tập, các phương tiện thiện xảo mà con người thể đạt được loại trí tuệ siêu việt này. Trí tuệ vượt bờ. Trí tuệ đáo bỉ ngạn, qua bờ bên kia. Người có gặt hái được thành quả tu tập, chứng đắc giải thoát cần phải có trí tuệ. Trí tuệ là phương tiện dẫn đạo, yếu tố cần và đủ làm chất liệu, năng lượng để tác thành sự nghiệp vượt bờ. Ai muốn qua dòng sông sâu rộng, muôn trùng sóng gió phải có chiếc bè làm bằng gỗ tốt, dây cột chắc, sào chống dài và đôi tay rắn chắc, đôi chân vạm vỡ. Gỗ tốt sẽ không bị bể khi gặp sóng to. Dây chắc sẽ không bị đứt khi gặp sóng nước xô dạt. Sào chống dài chạm đáy sông thì chiếc bè mới lấy đà lướt sóng. Còn đôi tay rắn chắc là để lái hướng chiếc bè cập bến đúng nơi và đôi chân vạm vỡ là bám chặt xuống bè, không bị lắc lư, Chao động theo con sóng thấp cao... Đích thực như vậy, thì chiếc bè kia chắc chắn sẽ cập bến được an toàn, không ngại gì sóng to gió lớn. Trí tuệ Bát Nhã là một năng lực thẩm định, là một yếu tố quyết định để thành tựu sự nghiệp thực tập thiền định, công phu niệm Phật và các pháp môn khác. Người tu không có trí tuệ sẽ bị lạc lối. Không có chánh kiến, sẽ bị tà kiến chi phối. Không có chánh tư duy sẽ bị tà tư duy chi phối. Điều này đưa con người đến nơi đọa xứ là điều dễ dàng. Lấy trí tuệ làm sự nghiệp là phương châm rõ ràng, thực tiễn, cụ thể, làm nền tảng cho mọi cách hành xử. Hành xử của thân – thân nghiệp. Hành xử của miệng – khẩu nghiệp. Hành xử của ý – ý nghiệp. Ba nghiệp này luôn

phải có trí tuệ hiện hữu để nhắc nhở, cảnh tỉnh, để làm đúng, nói đúng và nghĩ đúng. Con người từ trong quá khứ đến hiện tại và tương lai, sự sinh hoạt trong đời sống đã thiếu vắng sự tỉnh giác hay trí tuệ. Cho nên thành quả của việc làm đã mang

lại quá nhiều sự tác hại cho môi trường thiên nhiên và sự sống của con người. Làm mà không có trí tuệ là tham. Nói mà không có trí tuệ là sân. Nghĩ mà không có trí tuệ là si. Vậy trí tuệ luôn có trong ta để chúng ta làm với cái vô tham. Chúng ta nói với cái vô sân. Chúng ta nghĩ với cái vô si. Thế giới này hòa bình, an lạc. Cuộc sống giữa người với người được thuận thảo, thái hòa.

Cái chum là bằng đất sét không rỉ giọt là đã được trải qua một quá trình nung đốt chín trong lò. Con người được hiển thiện hôm nay là đã được trải qua một quá trình tu tập. Đổi tâm Tham thành Vô Tham. Đổi tâm Sân thành Vô Sân. Đổi tâm Si thành Vô Si. Thánh Thiện. Niết Bàn lạc trú.

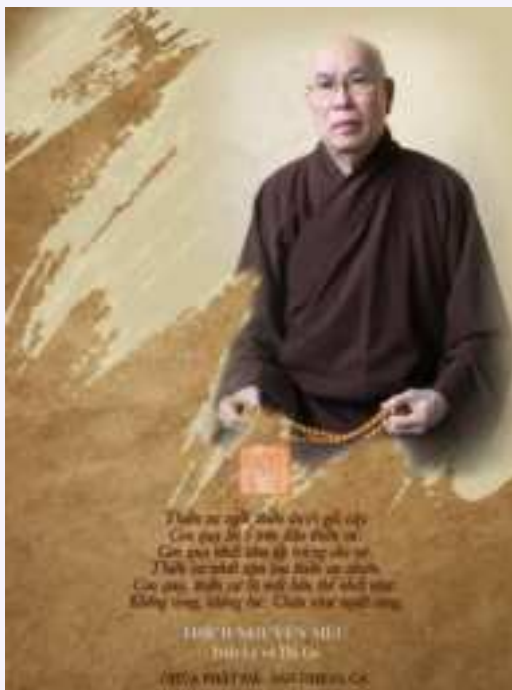
Chiều nay mưa nặng hạt, hoa lá gục đầu, giọt nước nhỏ xuống. Chẳng đọng lại trên hoa. Chẳng đọng lại trên lá.

Chiều nay mưa nặng hạt, dội xuống mặt đá phẳng lì, kiên cố bất động, giọt nước lăn xuống, giọt nước không đọng lại trên mặt đá.

Chiều nay mưa nặng hạt, làm ướt đầm con đường cao trên sườn núi. Nước mưa trơn trượt bằng qua đường, chảy xuống hố sâu, tràn ra sông, đổ ra biển, hay thấm vào lòng đất biệt tăm. Nước không tồn đọng trên con đường, vì đường cao.

Người có tu, dẫn thân vào đời gió ưu phiền không làm lấm áo. Bụi vô minh với đi phần nào. Cầu bộn lợi danh cất cánh bay cao không vướng mắc. Biết đủ để xử thế với nhau. Người xưa hằng nói. Ấy là có được cái thân, cái miệng, cái ý làm thành cái chum đất sét được nung chín, vững chắc, có màu sắc đẹp được ai cũng ưng ý muốn mua. Mua cái chum trí tuệ.

*Lời giảng Pháp hôm nay êm đềm quá
Giữa cảnh núi rừng trầm mặc linh thiêng
Ánh nắng chiều xuyên cảnh lá nghiêng nghiêng
Lời kinh trầm bổng uo phiền sạch tan.*



*Ngôi chùa khuất sau đám dừa xanh nõ
Ngày tháng nuôi chú tiểu mới xuất gia
Sáng Lăng Nghiêm chiều niệm Phật Di Đà
Dòng sông trôi chảy mây qua đầu ghềnh.*

Được sống đời chú tiểu xuất gia, ở bên cạnh cái chum đất sét được nung chín, là cả một gia tài quý báu. Gia tài trên đỉnh núi cao - thiên niên hà thủ ô. Gia tài dưới lòng biển sâu - ngọc trai vô giá. Nhưng núi là núi. Biển là biển. Thiên niên hà thủ ô hay ngọc trai vô giá là cái ngoại vật, còn cái chum đất sét nung chín phải ở trong ta, bất li một tơ hào.

*Trái xoài rụng vì chín mùi hôm trước
Đã lìa cành nằm dưới gốc chơ vơ
Con kiến đỏ nằm chờ bên cửa sổ
Gặm thời gian trôi hạt bụi hững hờ.*

Như nhiên. Như thị. Như ngọn đèn bạch lập cháy suốt đêm. Ánh sáng của đèn soi tỏ khắp một vùng quanh đó. Bóng đêm không còn ở đây. Bóng tối lụi. Bóng đêm mất hút. Ánh sáng soi. Ánh sáng hiện bày. Ấy là chân thật của trí tuệ, dập tắt, đốt cháy vô minh. Trí tuệ đốt cháy tất cả lỗi lầm vọng tâm, sầu muộn... Cái thiện con người đốt cháy tất cả cái ác, cái phi nhân... Ánh đèn bập bùng, Chao Chao như là tiếp thêm chất liệu cháy không ngừng, cháy sạch huyền mộng đảo điên. Một đêm yên lặng như tờ, chỉ có ánh đèn rạng rỡ, sáng và sáng. Bóng tối của lòng bị đẩy lùi nhờ có trí tuệ. Tội lỗi trong lòng được làm sạch nhờ có trí tuệ. Nếu con người ngày nay có trí tuệ thiện, thì không cứu mang quá nhiều lao đao, truân chuyên. Hậu quả của một loại trí tuệ ác nên loài người gánh chịu nỗi phiền, trầm luân và kinh hoàng... Hãy lấy trí tuệ để làm sự nghiệp mà lắng nghe lời Phật dạy: "Các con hãy thực tập nơi lòng mình, nơi ý nghĩ trong tâm mình là không bao giờ làm việc ác. Không bao giờ làm việc bất thiện. Làm điều sai quấy, làm khổ người, khổ mình, khổ cả hai. Các con hãy thực tập nơi lòng mình là luôn luôn làm các việc thiện. Luôn luôn làm các điều lành, dù bất cứ ở đâu, môi trường nào. Thời gian, không gian nào, được vậy là lợi ích mình, lợi ích người, lợi ích cả hai." Nhờ có trí tuệ sáng soi mà vượt sông đời sinh tử. Không có trí tuệ soi sáng thì sinh tử nhận chìm tử sinh.

*Nắng vàng chảy từ đỉnh trời cao vút
Đệt thành hàng trên những luồng cây sâu
Bầy chim nõ đớp mỗi giành giật cắn
Giữa trưa hè giọt nắng cháy bờ môi.*

Cuối dòng sông sinh tử, trí tuệ vượt bờ hiển khởi. Cái chum đất sét nung chín kia chứa đầy nước mặn đại dương.

*(trích Triết Lý và Thi Ca
của Nguyễn Siêu)*



KÍNH CHUÔNG NHƯ PHẬT

Một ngày nọ, khi Thiền sư Dịch Thương ra khỏi Thiền, ngài nghe tiếng chuông du dương khác mọi ngày, ngài hỏi thị giả: "Ai đang đánh chuông?"

Vị thị giả đáp: "Thưa là một sa di mới đến."

Thiền sư bảo thị giả gọi vị sa di đến gặp ngài. Ngài hỏi: "Sáng nay con đánh chuông có tâm trạng gì?"

Vị sa di trả lời: "Con không có tâm trạng gì đặc biệt! Chỉ là đánh chuông thôi."

Thiền sư nói: "Không hẳn vậy. Khi con đánh chuông, con phải suy nghĩ về điều gì. Bởi vì tiếng chuông ta nghe hôm nay là một âm thanh rất cao quý, và chỉ có người chí tâm thành ý mới tạo ra âm thanh này."

Sa di suy nghĩ một hồi, nói: "Bạch Thiền sư! Thật ra con không nghĩ gì, chỉ là khi xưa sư phụ thường dạy con khi đánh chuông thì hãy nghĩ chuông là Phật, phải thành tâm, giữ gìn, kính chuông như Phật, dùng tâm như trong Thiền định, chí tâm kính lễ đối với chuông."

Thiền sư Dịch Thương nghe nói rất hài lòng, nhắc nhở: "Sau này khi hành xử công việc, con đừng đánh mất, hãy giữ cái Tâm Đánh Chuông sáng nay."

Vị sa di từ nhỏ đã tu tập hạnh cung kính, không chỉ với việc đánh chuông, mà khi làm bất cứ việc gì cũng luôn ghi nhớ lời dạy của Bốn sư tổ độ và Thiền sư Dịch Thương, luôn giữ Tâm Thiền Đánh Chuông.

Vị sa di này về sau chính là Thiền sư Sâm Điền Ngộ Do.

(Theo Thiền Tông Cổ Sự)

CHUNG TRÀ

Canh đêm sắp dứt bạn chung trà
Đắng ngọt thơm lừng quyện lấy ta
Gió thoảng sương mờ vịn ngọn nến
Hương thơm vị chát đọng thêm hoa
Đong đưa nẻo phận nay còn lại
Gặp gỡ đường trần hân chónh qua
Tuổi hạc ai quên lần quá khứ
Yên bình chẳng được bởi lo ra...

DUYÊN TRẦN

Vẫn hẹn hoa trần nắng ngập sân,
Vườn uơm hạnh phúc rộn duyên trần.
Vòng tay ấm áp tình vô tận,
Việc phước thanh cao nghĩa sáng ngần.
Vả lại lòng an đâu có lẫn,
Vĩ như kiếp bạc cũng không cần.
Vào đời nhận rõ thôi nương phận,
Vạn sự nhau cùng lấy chữ chân...

NGUYỄN

Giáo Phật nguyên vun rộng đạo tràng,
Duyên trần nguyện lớn dựng đoàn tăng.
Mong tâm đến cửa bên ân pháp,
Thấy được qui nguồn rõ ích nhân.
Tĩnh mặc, cùng tu hòa rạng điển,
Yên bình, cộng trú giải huyền trang.
Gìm tâm lập hạnh thiền môn sáng,
Trí Nhã về theo tận Sắc vàng.

HƯƠNG TRẦN

Lá rọi xanh đồng tỏa ngõ sân,
Lòng vui chẳng động lắng hương trần.
Len vào cửa tĩnh càng vô tận,
Lóng mở thời an sẽ lộng ngần.
Lắng lắng am thiền soi trí lẫn,
Lâm than cõi thế dụng tâm cần.
Lần ra nẻo khổ sao buồn phận,
Lý sự tu tròn hiểu nghĩa chân.



QUI NGUỒN

Hoa ngàn rải khắp, rộn đầy hương,
Chạnh nổi qui nguồn... trái khúc tương.
Vân kiếm niềm mơ rầu nẻo phận,
Hoài trông cõi mộng khổ đêm trường.
Vun cùng kỷ niệm ân tình lỡ,
Trút cả dương trần đạo nghĩa vương.
Bởi mãi ngây cuồng thành có vậy,
Vĩ đang lạc lối, nghĩ vô thường!

SÓNG NHÃN

Sóng nhãn bao thời lẳng lẳng qua,
Trần gian chỗ dựa gặng thương mà.
Lờ đi cái bực tan buồn lã,
Thấy rõ cơn phiền sợ khổ xa.
Thâu thấy đường mê lẫn họa rã,
Lời cùng ngõ đục hồng đời sa.
Bên Người giữ đạo niềm không quá,
Tịch tĩnh bình yên biết để hòa.

thơ MINH ĐẠO

MÙA AN CƯ —

Nguồn gốc Nghi thức cúng Quá đường và Giá trị Tu tập Tâm linh

Thích Tâm Nhân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

I. DẪN NHẬP

Khi đức Phật còn tại thế, Ngài đã quy chế cho cộng đồng Tăng phải an cư ba tháng mùa mưa, ngày nay lịch an cư tùy hệ phái, từ rằm tháng tư đến rằm tháng bảy theo truyền thống Phật giáo Bắc phương; từ rằm tháng 6 đến rằm tháng 9 theo truyền thống Phật giáo Nam phương. An cư có bốn mục đích chính: 1. Mùa mưa, cần an cư cấm túc để tránh dẫm đạp côn trùng, khỏi bị cư sĩ than phiền. 2. Việc an cư mùa mưa đã có trước thời Phật, đức Phật chỉ hợp pháp hóa, Ngài thấy thời gian này là thích hợp để chư Tăng ở yên một chỗ tu tập tiến bộ tâm linh. 3. Biểu hiện tinh thần hòa hợp của cộng đồng Tăng lữ trong cùng một trú xứ. Nhiệm vụ các tỳ-kheo sống chung là phải giáo giới lẫn nhau, chỉ điểm và sách tấn nhau, chứ không thể sống như những người cầm. 4. Tạo điều kiện cho Phật tử thân cận gần gũi chư Tăng để học hỏi giáo pháp, gọi là thân cận thiện sĩ.[1]

Và trong các bộ luật của chính thống giáo như luật Tứ phần của Pháp tạng bộ, Ngũ phần của Hóa địa bộ v.v... không thấy nói gì đến chư Tăng an cư có nghi thức cúng “Quá đường”. Luật Tứ phần ghi chép trong mùa an cư [2]: Kết cương giới an cư, phân chia phòng xá, phân chia tọa cụ, ngọa cụ, quy định tiền an cư, hậu an cư, chỉ dạy cách sinh hoạt trong một trú xứ. Hoặc phép tặc xuất ngoại trong thời gian an cư: nếu có thí chủ mời, hay vì duyên sự quan trọng được phép đi từ 7 ngày đến 40 ngày, nếu quá bị coi là phá hạ. Và đặc biệt an cư bất cứ nơi đâu nơi ấy phải có thí chủ cung cấp phẩm vật, thực phẩm trong ba tháng.

Ngày nay chư Tăng Phật giáo Nam phương linh hoạt, tại Thái Lan các tỳ-kheo vẫn đi khất thực, hạn chế ra ngoài; khóa lễ tu tập nghiêm ngặt hơn. Riêng hệ Phật giáo An nam Tông (Annamnikāya, tức Phật giáo Bắc tông tại Thái), an cư theo lịch Việt Nam nhưng sinh hoạt không khác gì ngày thường, không “Quá đường” cúng ngọ; 3 tháng an cư ở trong cương giới, ít đi ra ngoài, không đi quá bảy ngày...

II. KHÁI QUÁT NGHI THỨC QUÁ ĐƯỜNG

Chúng ta trở lại Phật giáo Bắc tông ở Việt Nam, an cư ra sao? Căn bản thì an cư sinh hoạt theo luật định nhưng khác biệt là thêm nghi cúng Quá đường trang nghiêm khi thọ trai. Từ “Quá đường 過堂”, xuất xứ trong hai tác phẩm: “*Thiền lâm Tượng khí tiên* 禪林象器箋”, là bộ từ điển Phật giáo giải thích về những qui củ, chức vị, lễ tiết, khí cụ... trong thiền môn, do thiền sư Trung Đạo hiệu Vô Trước (1653-1744) dòng Lâm tế Nhật Bản biên soạn, ấn hành năm 1741. Tác phẩm thứ hai là “*Thiền lâm Bị dụng Thanh quy* 禪林備用清規”, thiền sư Nhất Hàm biên tập năm 1311 thời nhà Nguyên,

nội dung gồm: lễ pháp, tụng kinh, tọa thiền, Bách Trượng quy cảnh vãn, nhật dụng thanh quy... [3]. Từ “Quá đường” được hiểu thông tục là đi qua trái đường dùng cơm. Cả hai tác phẩm này không có chi tiết nghi cúng Quá đường như Phật giáo Bắc tông ở Việt Nam đang hành trì. Vậy nghi thức ấy từ đâu ra? Chúng ta xem sơ lược lại nội dung “Nghi thức cúng Quá đường”. Đầu tiên bài kệ “Chánh thân đoan tọa” và câu thần chú, chúng ta tìm thấy trong nhiều tác phẩm *Tỳ-ni Nhật dụng Lục* (X60, no. 1114, p. 148b1-3), *Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu* (X60, no. 1115, p. 160a10-12) v.v... Bài kệ thứ hai, “Triển bát” trong *Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu* (p. 159c6), *Sắc tu Bách Trượng Thanh quy* (chỉ có bài kệ không có câu thần chú)... Những bài kệ tiếp theo: Quán không bát (quán bát không), Quán thịnh mãn bát (quán bát đầy)... hầu như trích dẫn từ *Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu*. Đặc biệt khi bưng bát cúng dường (dẫn từ nguồn “chuatutam.net”):



“Tay trái co ngón giữa và ngón áp, còn ba ngón dựng thẳng để bát lên; tay mặt kiết ấn cam lồ, (ngón cái bên tay phải đè lên ngón áp) để dựa ngang phía trong miệng bát, rồi đồng xướng bài cúng dường:

Cúng dường Thanh tịnh Pháp thân Tì-lô-giá-na Phật,

*Viên Mãn Báo Thân Lô-xá-na Phật,
Thiên Bá Úc Hóa Thân Thích-ca Mâu-ni Phật,*

*...
Ma-ha bát-nhã ba-la-mật.*

*Tam đức lục vị,
cúng Phật cập Tăng,
pháp giới hữu tình,
phổ đồng cúng dường,
Nhược phạn thực thời,
đương nguyện chúng sanh,
Thiền duyệt vi thực,
pháp hỷ sung mãn.”*



Dâng cơm lên trán và bắt ấn cúng dường, cũng được gọi là “cử án tề mi”, tức là đưa lên ngang chân mày để biểu tỏ lòng tôn kính ba ngôi Tam Bảo...”

Bài cúng dường trên, từ đoạn “Thanh tịnh Pháp thân...” đến “Ma-ha bát-nhã ba-la-mật”, trong *Thiền lâm Tượng khí Tiên* quyển 17 (B19, no. 103, p. 524b1) giải thích đây là danh hiệu Phật lễ lạy công đức khó nghĩ bàn. Từ đoạn “Tam đức lục vị” đến “phổ đồng cúng dường”, nằm ở mục khác trong *Thiền lâm Tượng khí Tiên* (p. 527a17), là bài kệ đọc chú nguyện lúc dùng cháo. Đoạn “Nhược phạn thực thời... pháp hỷ sung mãn”, trong kinh *Hoa nghiêm* (T10, no. 279, p. 71c17), *Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu Hương nhũ Ký* quyển 2 (X60, no. 1116, p. 189a18)... Như vậy toàn văn bài cúng dường là sự tổng hợp và nghi thức kết ấn dâng bát, trong sử liệu Hán truyền hiện còn chúng ta không thấy nói. Nhiều nhà Phật học Việt Nam cho rằng nghi thức cúng “Quá đường” bắt nguồn từ Trung Quốc, nhưng không ai để ý nội dung tại sao có sự sai khác như vậy?

III. NGHI THỨC THỜI BÁCH TRƯỢNG

Ngược dòng lịch sử, thời kỳ đầu Phật giáo du nhập Trung Quốc, Tăng nhân vẫn đi khất thực nhưng đến thời Đông Tấn An đế năm 405, bắt đầu các nhà sư làm ruộng, bỏ khất thực, với nhiều lý do: Thứ nhất, việc khất thực không hợp với một xã hội rộng lớn và xem trọng lao động. Thứ hai Tăng đoàn phát triển, nhiều tu viện ở nơi xa xôi hẻo lánh khó dựa vào việc khất thực, đồng thời từ thời Nam Bắc triều, hoàng tộc và quý tộc đã bố thí cho Tăng chúng ruộng đất, không trực tiếp cúng dường thức ăn, cho nên Tăng chúng tổ chức phương thức sản xuất tự cung tự cấp. Lý do đó, đến đời Đường, thiền sư Mã Tổ kiến tạo tung lâm, thiền sư Bách Trượng chế tác thanh quy, chính thức mở ra một hình thức sinh hoạt mới trong Tăng đoàn Trung Quốc. Thời Bách Trượng (720-814), nghi thọ trai như sau [4]:

“Khi nghe bản đánh không được vào Trai đường liền, mà nên sai hành giả đi lấy bát... vào trai đường ngồi xuống ghế phải xa chào người bên cạnh, chỗ để y ca-sa vướng vào mép ghế... Nghe tiếng kiền-trùy tưởng niệm: “Phật sinh Ca-tì-la... nhập diệt Câu-hi-la”. Chuyển bát đọc: “Ứng lượng khí (bát) của Phật con nay mở ra... tam luân không tịch.” Khi nhận thức ăn, tưởng niệm:

*Khi nhận thức ăn,
Nguyên cho chúng sanh,
Ăn bằng thiền duyệt,
Trần đầy an vui.*

Trước khi ăn quán năm điều (ngũ quán): 1. Xem cơm mình nhiều ít xứng của người đem lại. 2. Xét đức hạnh mình đủ thiếu nhận cúng dường. 3. Ngăn lỗi lầm của tâm tham khi ăn. 4. Thức ăn này là thuốc hay để chữa thân gây. 5. Vì thành đạo nghiệp nên nhận thức ăn này...”

Chúng tôi toát yếu ý chính như thế. Hiện nay, nghi thức cúng “Quá đường” của Phật giáo Bắc tông cả Việt Nam và Trung Quốc hay Đài Loan gần như nhau, chỉ khác là ở Việt Nam có nét đặc thù là lúc đọc bài cúng dường kết ấn bưng bát cơm dâng lên. Vậy ai là tác giả cải biên hiệu chỉnh nó?



IV. THIỀN SƯ NGUYÊN BIỂU

Theo sử gia Lê Mạnh Thát chứng minh, chính thiền sư Nguyên Biểu biên soạn nghi thức cúng “Quá đường”. Khi thiền sư Nguyên Biểu soạn *Thọ giới Nghi quỹ*, ngay quyển 1 sau phần Yết-ma, ông đã chọn *Tịnh độ Sám nguyện Nghi* của Tổ sư Từ Vân (964-1032) để đưa vào sám hối. Đặc biệt giữa những tờ 21b1-22b8, có chép thêm phần Cúng dường pháp. Đây là nghi thức cúng dường mà về sau trở thành nghi thức Quá đường của chúng Tăng ở cả ba miền Trung Nam Bắc trong mùa an cư với một vài cải biên cũng như Nghi thức cúng ngộ tại các chùa trong cả nước.[5]

Thiền sư Nguyên Biểu (1836-1906) sinh ra dưới triều vua Minh Mạng, thọ sa-di năm 1852, thọ giới cụ túc năm 1855. Ông là người có công chấn hưng Luật học và tổ chức giới đàn tại miền Bắc trong giai đoạn này (Phía Nam, từ Quảng Bình trở vào, do Luật sư Pháp Chuyên Diệu Nghiêm [1726-1798] chấn hưng). Thiền sư viết *Thọ giới Nghi quỹ* và *Chư kinh Nhật tụng Tập yếu* để sử dụng. Khi viết *Thọ giới Nghi quỹ*, thiền sư đã dựa vào hai bộ Yết-ma chính, là *San bồ Tỳ cơ Yết-ma Huyền ti Sao* của Đạo Tuyên và *Đức Thành và Yết-ma Chi nam* của Hàm Tế – Chiêu Minh. Còn *Chư kinh Nhật tụng Tập yếu*, ông dựa vào bản *Chư kinh nhật tụng lưu hành phổ biến ở Trung Quốc*.

Tóm lại, sau khi *Bách Trượng Thanh quy* ra đời, các tác phẩm *Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu* (Độc Thế [1601-1679, cuối đời Minh đầu đời Thanh] soạn), *Tỳ-ni Nhật dụng Lục* (Tánh Kỳ soạn thời Minh) v.v... tất cả đều y cứ vào thanh quy ấy mà phát triển thêm; kể cả *Thiền lâm Tượng khí Tiên* và *Thiền lâm Bị dụng Thanh quy* cũng sưu tập từ *Bách Trượng Thanh quy*. Cho nên nghi thức cúng

“Quá đường” của thiền sư Nguyên Biểu có chút giống Phật giáo Trung Quốc, chỉ cải biên thêm nghi thức kết ấn dâng cơm cúng Phật.

V. KẾT LUẬN

Nghi thức cúng “Quá đường” là một nét đẹp trong thiền môn của Phật giáo Bắc tông; tuy nhiên truyền thống này ảnh hưởng từ “Bách Trượng thanh quy”. Thiền sư Bách Trượng đã xây dựng một hệ thống riêng biệt cho giới luật thiền tông, hệ Phật giáo Bắc tông thừa hưởng cái “cốt tủy” của nó suốt một thời gian khá dài, song dần dà Tăng chúng tôn vinh về “hình thức” hơn là việc tu tập theo giới luật Thanh văn của Phật chế. Do vậy mà ngày nay, nhiều ngôi chùa Bắc truyền trọng thị nghi thức cúng “Quá đường”, bắt buộc chư Tăng trong ba tháng an cư phải luôn có mặt, sau giờ cúng “Quá đường” muốn đi đâu tùy ý. Việc an cư cấm túc, tu tập thiền tư bị xem nhẹ và tổ chức giảng dạy cho Phật tử gọi là “thần cận thiện sĩ” cũng trắng hoàn toàn, chỉ giữ truyền thống hằng đêm có Phật tử vân tập về chùa tụng niệm nhưng lời kinh Phật nói gì thì như cảnh trong sương, khi mờ khi tỏ.

Trong lịch sử, ở Trung Quốc giới luật Thanh văn từng bị coi thường, mãi đến thế kỷ thứ XVI, Vân Thê và Đức Thanh mới chỉnh đốn lại giới luật Thanh văn. Giống như tại Việt Nam, trước thời Pháp Chuyên và Nguyên Biểu, giới luật Phật giáo chỉ lấy Bồ-đề tâm giới hay Bồ-tát tâm tức giới thập thiện làm chính.

Nguyên đem công đức này hồi hướng đến sự thanh tịnh cho Tăng-già, cho tứ chúng đồng tu trong mùa an cư Phật lịch 2567 thành tựu viên mãn.

Tâm Nhãn

[1] Tuệ Sỹ- Yết-ma yếu chỉ, ch. vi. An cư và tự tứ, tr. 284.

[2] Tứ phần p. 830b7 – 835c5.

[3] Phật quang đại từ điển p. 6466 & 禪林象器箋 (https://books.masterhsingyun.org).

[4] Sắc tu bách trượng thanh quy 勅修百丈清規 卷6, T48, no. 2025, p. 1144c18 & 漫談佛教的齋飯 (http://www.fodizi.tw/fojiaozhishi).

[5] Lê Mạnh Thát – Vị trí của thiền sư Nguyên Biểu trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thế kỷ XIX và sau đó (file word do tác giả cung cấp).



NGÂM LỆ

*Hàn sĩ chiều nay như đạo sĩ
Neo thuyền bên hang động dạo chơi
Cổ nhân đánh chén trên bàn thạch
Nay ta ngâm lệ đứng bên trời.*

EM CÓ VỀ

*Em có về ghé thăm ta chút
Biết đâu đời vui được vài hôm
Biết đâu nhìn lại dung nhan đó
Sáng sáng soi gương cũng đỡ buồn*

*Em có về lại dòng sông đỏ
Nhớ quên ngày xưa bỏ một người
Một mình chèo chống đò qua lại
Chim bay đã mỏi cánh phương nào*

*Sóng vỗ ru sông dòng xuôi ngược
Dấu chim mỗi cánh cũng vai người
Bến xưa tiêu tụy ta gầy guộc
Vắng mái người che trong gió mưa*

*Em có về dù là khách lạ
Ghé thăm như ghé một gian hàng
Vấn biệt gian hàng xưa đã trống
May lắm còn sợi tóc em quên.*

thơ **THƯƠNG TỬ TÂM**

Câu Chuyện Nhân Quả: *Người Xiên Cá, Cá Móc Người*

Nguyên tác của **QUẢ KHANH**

Thích Nữ Hạnh Đoàn dịch

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Có một y viện huyện thuộc vùng cao nguyên Thái Lan, do giao thông bất tiện nên bệnh nhân phải đi từ sáng sớm đến bệnh viện để khám và kịp quay về nhà trước khi trời tối.

Một ngày chủ nhật nọ, bệnh nhân cần khám đều đã khám xong, nên chiều nay các bác sĩ tương đối rảnh một chút. Bỗng một y tá cuống quýt hướng viện trưởng báo cáo, có người bị mắc xương cá ngay yết hầu, đang chờ cấp cứu gấp, xin viện trưởng đến ngay.

Đó là một thanh niên hơn 20 tuổi, hô hấp đã ngừng, thân thể vẫn còn ấm, sắc mặt tái nhợt hiện vẻ đau đớn và sợ hãi tột độ. Theo lời người nhà và than hữu người bệnh kể lại, thì lúc đưa vào viện anh mới tắt hơi.

Mặc dù người bệnh đã chết, nhưng chiếu theo quy định của bệnh viện, cần phải phẫu thuật để làm rõ nguyên nhân tử vong và tiến cấp giấy chứng tử. Sau đó, bác sĩ lắng nghe người nhà kể lại quá trình xảy ra cái chết tri mạng.

Thanh niên bị mắc xương cá chết tên là Thịnh. Sáng sớm hôm nay cùng với mấy người bạn nam ra đồng bắt cá. Do đêm qua mưa lớn, đồng ruộng ao mương gì cũng ngập nước, cá tôm có đây, nên ai cũng bắt được rất nhiều.

Thịnh bắt được một con cá diếc núi, lại nhìn thấy trước mặt có một con cá chép to.

Trong lòng anh ta mừng quá bèn bước vội tới để bắt cá chép, lúc này trong tay anh vẫn còn đang cầm cá diếc, không biết thả đâu cho ổn. Trong giây phút vội vàng ấy, anh quyết định đưa con cá diếc lên miệng ngậm, không may con cá nhỏ chui tọt vào cổ, và "cắm dùi" luôn nơi cổ họng anh. Thịnh thấy đau cổ họng quá, liền dùng tay móc nó ra, nhưng đã quá muộn, cá mình con cá đều nằm nơi yết hầu, kéo không ra được.

Loài cá diếc núi này nhỏ nhắn và có rất nhiều ở đồng ruộng Thái Lan, thân mập, dài khoảng 2-3 thốn, vảy nó màu hoàng kim, sáng lấp lánh nhưng rất cứng và sắc. Nếu nuốt theo chiều thuận thì mình nó trơn, kéo ngược lại thì vảy sẽ thành những móc câu ghim chặt.

Vì vậy khi Thịnh càng lôi con cá ra, tức là càng lúc càng bị các "móc câu này phát huy tác dụng mạnh khiến anh càng đau chí tử. Loại cá này đặc biệt sống rất khỏe và dai. Nó có thể rời nước bỏ lên tuốt đỉnh núi, vì vậy mới gọi nó là cá diếc núi.

Chưa đầy mấy phút, Thịnh bắt đầu hô hấp khó khăn, con cá cứng đầu trụ ngay yết hầu, nuốt không được, nhổ không ra, muốn hét to lên cũng không được. Thịnh đành kêu cứu bằng cách dùng tay chỉ vào miệng, hai mắt trợn trắng.

Mấy người bạn thấy vậy hoảng kinh, vội vạch miệng Thịnh để đem cá ra, nhưng không làm được. Họ đành giương mắt nhìn Thịnh thống khổ co giật. Một người bạn vội kêu taxi tới chở anh vào bệnh viện cấp cứu, nhưng đi gần đến bệnh viện thì đã tắt thở.

Lúc này bệnh viện đang phẫu thuật cho Thịnh. Bác sĩ rạch cổ Thịnh lấy ra con cá diếc núi. Ôi, nó vẫn chưa chết! Y tá đem nó thả xuống cái ao trước bệnh viện, còn hóm hỉnh bảo:

– Nếu như cảnh sát tra án thì sẽ truy bắt hung thủ, người hãy xuống ao nước lạnh đi nhé!

Còn thi thể của Thịnh thì người nhà lãnh về.

Thịnh bị mắc con cá sống mà chết đi, gia đình làm tang lễ cho anh. Theo phong tục Thái Lan, người chết 7 ngày thì đem hỏa táng.

Thịnh chết trẻ bất ngờ khiến nhiều người thương tiếc. Nhưng sáng hôm đó, ngay lúc cử hành hỏa táng, lại nghe tin có người bị cá diếc núi làm chết nữa, thật sự quá bất ngờ. Và càng bất ngờ hơn, khi người chết là ông Thông – ba của Thịnh cũng bị cá diếc núi mắc kẹt nơi cổ y như vậy. Và do nuốt, nhổ cũng không xong, không thể hô hấp được nên dẫn đến tử vong, giống y chang kiểu chết của Thịnh, con trai mình.

Đây quả là chuyện cực kỳ lạ lùng trong ngày đó, đã gây chấn động toàn huyện, toàn tỉnh. Do hôm đó gần tới mới làm lễ hỏa thiêu, thân hữu đều đến dự. Ông Thông, ba của Thịnh muốn chuẩn bị tiệc đãi khách. Từ mờ sáng, ông đã ra mương bắt cá. Để tiện bắt cá tôm, trước tiên phải tát bớt nước trong mương đi, lúc đó cá lớn cá nhỏ bị dồn ép, chen nhau quẫy đạp không ngừng, cứ dùng rọ mà bắt nó. Ông vừa bắt cá, vừa lớn tiếng kêu vờ cầm thùng ra đựng cá.



Kể ra thì chậm, nhưng lúc đó diễn tiến rất nhanh. Ngay trong lúc ông Thông cúi xuống gần mặt nước xúc cá và há to miệng gọi vợ đến thì tự nhiên dưới mương có một con cá diếc núp nháy lên cao, không nghiêng không lệch rơi đúng ngay vào miệng ông. Ông Thông bị nạn bất ngờ, hoảng kinh, vội vận dụng toàn lực khạc nhổ cá ra và đưa tay móc họng... nhưng con cá diếc núp có sức sống mạnh mẽ dẻo dai đã chui tọt vào trong yết hầu ông lập tức, trụ lại đó không đi tiếp nữa.

Ông Thông được người bồng lên bờ mương. Lúc này hai mắt ông cũng đã trợn trắng và cũng chết ngay trên đường đưa đến bệnh viện. Đây thật là chuyện lạ lùng có một không hai nên được đồn vang khắp toàn thôn, toàn huyện rồi toàn tỉnh. Bệnh viện trong một tuần ngăn ngừa đã phải xử lý tình huống tử vong của hai cha con ông Thông.

Việc này phải nói là chấn động và khó hiểu. Do đó mà Viện trưởng y viện đã đến nhà tang quyến chia buồn và cất công tìm hiểu vì sao cả hai cha con trong vòng 7 ngày đều bị cá sống hại chết?

Cuối cùng thì mới rõ được lý do là gia đình ông Thông, tổ tiên mấy đời đều cư ngụ ở đây. Hễ rảnh vụ mùa thì bắt cá, nuôi cá làm nghề phụ. Nếp nhà nhờ đây mà giàu có. Ông Thông bắt cá phơi khô đem bán, nghĩ là khi bắt cá còn đang sống, ông dùng que tre đâm từ miệng cá đến cổ họng nó. Mỗi que đâm từ 5-10 con, sau đó dùng lửa sấy hoặc đem phơi nắng. Mỗi xâu cá được treo nơi khung tre rồi chờ tiêu thụ. Từ tổ phụ đến Thịnh là bốn đời, chuyên làm như vậy.

Dân làng thấy ông Thông dùng tre nhọn đâm yết hầu con cá sống khiến nó giãy dụa đau đớn, thủ đoạn tàn nhẫn đến chẳng nỡ nhìn. Ngàn vạn lần cũng không thể tưởng được là hai cha con họ lại bị chính cá sống hại chết y chang nhau theo kiểu này.

Nếu ngay đây mà đổi chiều cảnh: "Người móc cá, cá móc người" thì đây chính là diễn biến lạ lùng của báo ứng. Đúng như có câu nói: "Nhân Quả báo ứng không hề xử oan người", hay có thể nói: "Nhân Quả xoay chuyển rất công bằng". Xin mọi người hãy cảnh giác, ngàn vạn lần chớ nên gieo nhân ác.

Quả Khanh – Dịch giả: Hạnh Đoàn
(Trích từ quyển Báo ứng hiện đời)

Lời Bình: Nhân Quả báo ứng một mảy may cũng không sót. "Lưới trời lồng lộng, tuy thưa khó thoát". Quả báo không phải không đến mà là chưa đủ nhân duyên để trở quả, lúc này bạn còn có cơ hội sám hối sửa đổi, chứ một khi quả ác đã trở rồi thì trở tay không còn kịp nữa.



NGUYỆN... ĐẠI

*Nửa muốn làm Tăng, nửa... thương Ni!
Nếu sinh bên đó, bỏ... bên nì!
Lỡ như Ni... khóc – ai khuyên dỗ?
Ai tới thật gần xưa... khổ đi?*

*Tăng bốn phương trời đi dọc ngang
Chỉ hùng phóng khoáng... nhẹ hành trang
Còn Ni lúng túng... trong khuê thất...
Có muốn.... "tung hoành" cũng khó khăn!*

*Thôi! - Cho dầu là Ni, hay là Tăng...
Lòng cứ nêu cao chí xuất trần
Oai nghi, tư cách như băng tuyết
Mới xứng làm người... độ thể nhân!*

*Có nghĩa gì đâu vỏ bọc ngoài?
Đầy da khoác tạm, giữa trần ai...
Phật tâm chiếu sáng ba ngàn cõi...
Tất cả cùng chung tánh giác thôi.*

2014

thơ **THÍCH NỮ HẠNH ĐOÀN**
(1959—2023)

THƠ HAIKU HOÀNG LONG

1.
Máy bay lượn vòng
Chợt bên cửa sổ
Vụt hiện trắng rằm.

2.
Mặt trời vàng buổi chiều
Như đóa dã quỳ đơn độc
Cắm vào lọ hoa cao ốc.

3.
Nát mình trên cửa kính
Thành dòng lệ dài
Những giọt mưa phai.

4.
Những quả thông khô
Im lặng nằm trên cỏ
Mơ hoài giấc mơ xưa.

5.
Mái tóc bạc
Ngôi im bên mộ đá
Tâm tình thảng ngày qua.

6.
Mặt trời chiều
Như con mắt rồng
Sáng rực giữa không trung

7.
Những khung cửa trống rỗng
Là đôi mắt đợi chờ
Của căn nhà hoang phế.

8.
Gió không ngừng lay động
Hoa vẫn nở đúng mùa
Và lặng lẽ an vui.

9.
Những cơn gió cỏ vươn dài
Như cần ăng ten
Cảm biến mây trời.

10.
Đám mây bay qua
Vẫy chào đóa hoa
Bên vùng trời thưa vắng

11.
Mưa rửa sạch bầu trời
Thành tấm gương trong vắt
Soi sáng hàng cây xanh tươi

12.
Nghe khúc nhạc yên bình
Cây cỏ mãi rung rinh
Ấy cũng là chúng sinh

13.
Ngọn tháp và vầng trăng
Cô độc giữa trời xanh
Cùng giấc mơ thi sĩ.

14.
Ngọn đèn hư trong góc xó
Vẫn soi sáng giấc mơ xưa
Của khung trời tuổi nhỏ.

15.
Thương cho ngày trở lại
Tả tơi đám cỏ dại
Trong tiếng búa công trường.

16.
Mái tóc xưa đã bạc
Nước mắt cũng phù du
Trôi đi bao mộng cũ.



Chuyện ngày xưa

(Viết để kỷ niệm 10 năm cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm viên tịch:
Những câu chuyện hơn 50 năm về trước tại Nhật Bản)

THÍCH NHƯ ĐIỂN

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Ngày 22 tháng 2 năm 1972 là ngày đáng ghi nhớ nhất đời tôi. Vì ngày ấy tôi đã rời quê hương Việt Nam sang Nhật Bản du học. Hành trang thuở ấy chỉ có quyển Thiền Môn Nhựt Tụng và quyển Kinh chữ Hán của cố Hòa Thượng Thích Tâm Thanh tặng, một ít Kinh sách, y áo và đồ mặc, cùng một số tiền rất nhỏ. Tôi đã chẳng biết rằng việc gì sẽ đợi chờ mình ở phía trước; và ngày ấy cũng chính là ngày Tổng Thống Nixon của Hoa Kỳ đã bay sang Bắc Kinh để chính thức bang giao với Trung Quốc khi còn Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai.

Muốn đến Nhật, đường bay của Air Việt Nam thuở ấy bắt đầu từ phi trường Tân Sơn Nhất Sài Gòn bay qua Hồng Kông, máy bay dừng lại ở đó khoảng 2 tiếng để đón khách. Sau đó tiếp tục bay đến Đài Loan, rồi từ Đài Loan bay qua Osaka và trạm cuối cùng là phi trường Haneda, Tokyo, Nhật Bản. Tổng cộng mất khoảng 9 tiếng đồng hồ. Bây giờ tôi không biết là Vietnam Airlines bay bao nhiêu tiếng trực tiếp từ Việt Nam đến Haneda hay Narita, nhưng ngày xưa của hơn 50 năm (1972-2023) về trước là vậy. Tôi cũng đã không biết là mình sẽ ăn ở ra sao khi đến Nhật, và người đi đón là Thầy Thích Như Tạng tôi cũng chưa một lần gặp mặt tại Việt Nam, chỉ biết qua lời giới thiệu của bào huynh Thích Bảo Lạc mà thôi. Nếu nói rằng: "Trời sinh voi sinh cỏ, sinh người sinh lộc" hay "Tương lai không định trước" cũng rất hợp với hoàn cảnh của tôi lúc bấy giờ. Thầy Như Tạng mặc đồ Civil đến phi trường Haneda đón tôi, trong khi cả hãng ngàn người cũng đầu đen đến từ các nước Á Châu đi đón bạn bè thân hữu, mà tôi thì chẳng biết được người đi đón mình hình thức như thế nào cả. Chờ một thời gian khá lâu sau khi nhận hành lý, mới nghe được tiếng nói bằng tiếng Việt vọng lại từ phía sau lưng: Có phải Như Điển đó không? Tôi mừng quá và rất ngỡ ngàng, vì lâu nay thư từ qua lại với Thầy Như Tạng, tôi xưng con và nghĩ rằng Thầy ấy vẫn còn hình tượng người xuất gia đang ở Nhật Bản, nhưng lúc gặp tại phi trường Haneda không phải là vậy, nên tôi chẳng biết phải xưng hô như thế nào đây.



Đón tôi tại phi trường Haneda xong, Thầy Như Tạng cho tôi lên xe điện treo (Mono Rail) chạy từ phi trường về đến nhà gare Shinagawa (Phẩm Xuyên). Xe rất là hiện đại. Vì thuở ấy Sài Gòn mới có một thang máy và chưa có quầy quay hành lý của hãng hàng không; trong khi đó Nhật Bản đã có tất cả, nên cảm giác đầu tiên của tôi là choáng ngợp với văn minh cơ giới của người Nhật thuở bấy giờ. Tôi cũng đã không biết là mình sẽ đi về đâu, sau khi đến Nhật. Thầy Như Tạng bảo rằng: Sẽ ở nhờ nơi nhà của Thầy Chơn Thành một thời gian, chứ phòng trọ của Thầy ấy thì chật lắm, không tiện. Tôi nghe vậy cũng chỉ biết gật đầu. Khi đến nhà trọ của Thầy Chơn Thành, thì lúc ấy Thầy đi làm không có mặt ở nhà nên tự đẩy cửa bước vào. Đến chiều cơm nước xong thì Thầy Chơn Thành mới về; và sau khi chào hỏi, Thầy Như Tạng về liêu của Thầy, phần tôi

đã chìm vào giấc ngủ sau một ngày bay mệt nhọc. Nhân đây tôi cũng xin niệm ân Thầy Lâm Như Tạng, bởi nếu không có Thầy thì tôi đã không thể sang Nhật Bản du học được, vì Hòa Thượng Bảo Lạc đã nhờ Thầy Như Tạng lo giấy tờ sau khi tôi đầu tui tui 2 năm 1971 tại Việt Nam. Nếu không có Hòa Thượng Thích Chơn Thành (hiện tại Ngài là Viện Chủ chùa Liên Hoa tại Santa Ana, Hoa Kỳ; năm nay Ngài đã 90 tuổi) thì tôi cũng rất ngỡ ngàng lúc đầu nơi xứ lạ quê người; còn Thầy Lâm Như Tạng sau khi lập gia đình đã sang Úc định cư, hiện ở tại Sydney, chắc Thầy ấy cũng đã trên 80 tuổi rồi.

Những ngày đầu ở Nhật tôi được Thầy Như Tạng hướng dẫn cho việc đi tắm Ofuro như thế nào, giặt đồ ra sao, đi chợ, nấu ăn, ghi tên học Nhật ngữ ở đâu v.v... tất cả đối với tôi như là một thế giới khác, mà thế giới ấy ở Việt Nam tôi chưa đối diện lần nào cả. Ví dụ như nấu ăn, tôi hoàn toàn mù tịt, vì từ khi còn ở với gia đình cho đến năm 15 tuổi đi xuất gia đã có Mẹ và các chị lo; đến khi vào chùa Viên Giác và Phước Lâm ở Hội An thì có Bà Chín, Cô Sắc lo; khi vào Sài Gòn có Bà Ngoại Năm chăm sóc cái ăn, cái uống cho Tăng chúng tại chùa Hưng Long. Nên bây giờ ở Nhật tôi chẳng biết nấu gì cả, ngoại trừ nấu nước sôi để

vào mì gói, và cho đến nay đã 75 tuổi, tôi cũng không phải đụng tới công việc bếp núc. Nên ở phương diện này tôi rất dễ so với một số quý Thầy khác. Do vậy nhiệm vụ của tôi chỉ rửa chén bát, hút bụi nơi phòng ở, còn Hòa Thượng Chơn Thành thì nấu ăn. Đêm 22 tháng 2 năm 1972 khi đang nằm ngủ, bỗng đầu tiếng nổi, niều, soong, chảo va chạm với nhau nghe loảng choảng. Tôi bật mình ngồi dậy hỏi Thầy Chơn Thành cái gì vậy? Thầy trả lời rằng: Động đất. Đó cũng là lần đầu tiên từ khi cha sinh mẹ đẻ, sau 23 năm mới trần thế mới biết động đất là gì. Thầy ấy bảo: Ở đây chuyện động đất là bình thường, có ngày động đất đến hai ba lần và mỗi lần chỉ mấy giây thôi. Khi nào độ chấn động từ 5 trở đi mới lo, chứ rung lắc nhẹ như vậy chẳng có sao cả. Hãy ngủ tiếp đi. Giấc ngủ của đêm đầu tiên trên đất nước Nhật Bản, tôi đã đón nhận những cảm giác về động đất và tình người như vậy. Đây là tình Pháp lữ rất đáng trân quý mà ngay cả bây giờ cứ mỗi lần đi Mỹ hay đi Úc tôi đều ghé thăm hai vị ân nhân này. Ân nghĩa này rất sâu thẳm, chẳng có gì có thể đền đáp được.

Vào một ngày nọ Thầy Như Tạng và Thầy Chơn Thành bảo rằng, ngày mai Chủ nhật nên đi họp Chi Bộ với quý Thầy. Ở đây cũng xin mở ngoặc về hai chữ Chi Bộ tại Nhật. Sau này tôi mới biết là năm 1966 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước công cử cố Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh làm Phân Bộ Trưởng của Phân Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Pháp và từ đó những nước nào có chư Tăng Ni du học thì thành lập Chi Bộ, trực thuộc Phân Bộ tại Pháp của Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh. Do vậy tại Ấn Độ, Tích Lan, Lào, Nhật Bản từ năm 1966 đến năm 1970 đã hình thành được những Chi Bộ Phật Giáo như thế. Và với tinh thần Chi Bộ này tôi đã mang sang Đức năm 1977, để đến năm 1978 thành lập Chi Bộ Đức Quốc của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và tồn tại cho đến ngày nay. Trong khi đó các Chi Bộ ở các nước trên và ngay cả Phân Bộ ở Pháp cũng không còn tồn tại nữa, kể cả danh xưng; đó là chưa nói đến vấn đề duy trì, tồn tại và hoạt động như Chi Bộ Đức Quốc. Từ khi thành lập Chi Bộ Phật Giáo (có thể năm 1970) tại Nhật, Thầy Minh Tâm được bầu làm Chi Bộ Trưởng và sau khi Hòa Thượng Thích Minh Tâm sang Pháp sau hiệp định Paris (27.1.1973) do cố Hòa Thượng Thích Huyền Quang công cử thì ở tại Nhật Bản Hòa Thượng Thích Chơn Thành làm Chi Bộ Trưởng. Năm 1980 khi Hòa Thượng Thích Chơn Thành sang định cư tại Hoa Kỳ, ở Nhật chỉ còn tờ báo Khuông Việt và Hòa Thượng Thích Minh Tuyên đơn độc cùng Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, nên Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Nhật cũng đã đi vào quên lãng.

Buổi họp được tổ chức tại phòng trọ của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm gồm quý Thầy: Thích Minh Tâm, Thích Chơn Thành, Thích Nguyên Đạt, Thích Chơn Minh, Thích Minh Lễ, Thầy Lâm Như Tạng, tôi và Ni Sư Trung Chính. Những vị đang du học tại Kyoto như: Hòa Thượng Trí Hiền, Hòa Thượng Trí Đức không về dự họp, vì đường xa và đây chỉ là buổi họp định kỳ, nên chỉ chừng ấy vị hiện diện mà thôi. Tôi quan sát thấy Thầy Minh Tâm mặc đồ tu còn ngoài ra ai cũng mặc đồ Civil hết. Sau này tôi hỏi ra mới biết vì quý Thầy phải vừa đi học, vừa đi làm để kiếm tiền đóng học phí cho Đại Học và tiền thuê phòng trọ cũng như

những phụ phí hằng tháng, nên không thể luôn mặc đồ Tăng sĩ khi đi làm, chỉ khi nào đi vào Đại Học thì mới mặc, nhưng vị nào để tóc thì vẫn mặc đồ Civil. Đây có thể là lý do chính đáng thuở bấy giờ và đồng thời Tăng Sĩ Nhật Bản cũng chỉ mặc Pháp Phục khi có những nghi lễ ở chùa, khi ra đường hay ngay cả khi đi dạy học, Tăng Sĩ Nhật Bản cũng chỉ mặc đồ Civil mà thôi.

Buổi họp lần này dưới sự chủ tọa của Hòa Thượng Thích Minh Tâm là buổi họp định kỳ hằng tháng, nên cũng chỉ báo cáo những việc làm của Chi Bộ trong tháng qua và dự định những công việc trong tháng tới. Hôm đó tôi là nhân vật được quý Thầy, Cô quan tâm vì là người mới đến từ Việt Nam, phải tự giới thiệu tất cả chi tiết như: xuất gia khi nào, đệ tử của ai và vì sao chọn Nhật Bản để du học? Cũng như dự định tương lai như thế nào? v.v... Đây là lần đầu tiên tôi gặp hầu hết quý Thầy, Cô đang du học tại Nhật Bản lúc bấy giờ và sau này đi Kyoto gặp thêm Thầy Trí Hiền và Thầy Trí Đức nữa.

Năm 1973 là năm đáng ghi nhớ nhất, mà ơn của Hòa Thượng Thích Minh Tâm đến nay tôi vẫn chưa đáp đền hết được. Đó là việc Ngài đã giới thiệu tôi đến chùa Honryuji (Bồn Lập) ở Hachioji để tá túc và đi học ở Đại Học Teikyo, sau khi đã thi đỗ vào phân khoa Giáo Dục học tại đây, và sau một năm học tiếng Nhật tại trường Nhật ngữ ở Yototsuya, Tokyo. Nguyên là thuở ấy không còn một đồng xu nào nữa để đóng học phí và điều đầu tiên là phải đi vay mượn để đóng tiền cho niên học đầu, còn chỗ ở thì sao? Do vậy tôi phải điện thoại cho Thầy Minh Tâm để nhờ Thầy lo giúp đùm cho chỗ ở. Nguyên là những năm đầu Hòa Thượng khi còn học tại Đại Học Risso (Lập Chánh) tại Gotanda (Phản Điền), Ngài cũng đã có thời gian cư trú tại chùa Joenji (Thường Viên Tự) ở Shinjuku (Tân Túc), nhưng sau đó thì Hòa Thượng Minh Tâm đã dọn ra ngoài, vì muốn dành nhiều thời gian để viết luận văn Cao học. Trụ Trì chùa Joenji lúc bấy giờ là Hòa Thượng Shingaku (Chơn Học); Ngài là Học Trưởng của Đại học Risso và Ngài có một Trưởng tử là Thượng Tọa Shinkai (Chơn Giới), trước đây cũng đã du học tại Tích Lan nên vị này rất hiểu về hoàn cảnh của sinh viên Tăng đi du học ra ngoại quốc, lúc đó Thượng Tọa Chơn Giới (Shinkai) đang làm Trụ Trì chùa Honryuji ở Hachioji, nên Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã giới thiệu tôi đến chùa Bồn Lập và được ở đó từ đầu năm 1973 đến năm 1977. Ân này của Hòa Thượng Thích Minh Tâm mãi cho đến bây giờ tôi cũng không thể nào quên được. Vì nếu thuở ấy không có Ngài giới thiệu đến ở chùa Bồn Lập thì chắc rằng khúc quanh của đời mình thuở ấy không biết ra sao. Ở chùa Nhật Bản có lợi điểm là được tụng Kinh tiếng Nhật hằng ngày và giao tiếp thường xuyên với người Nhật bằng Nhật ngữ, nhờ vậy mà cho đến nay sau hơn 46 năm xa Nhật (1977-2023), tôi vẫn còn tự tin để đứng trước sinh viên Nhật thuyết trình bằng Nhật ngữ và giao tiếp với người Nhật không có gì trở ngại cả. Đây cũng là nhờ Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã gián tiếp trợ duyên cho tôi ngày ấy, cách đây hơn 50 năm vậy.

Có lần Thầy Trí Quảng (bây giờ là Pháp Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam) vào đầu năm 1973 từ Nhật Bản chuẩn bị hồi hương về Việt Nam. Lúc đó tôi cùng Ngài lợi bộ lên một con đò để đến nhà Đạo hữu Quảng Phụng (sau này sang Pháp xuất

gia với Hòa Thượng Thích Huyền Vi, có Pháp Hiệu là Trí Nguyên) để mượn tiền đóng học phí cho năm học đầu của Đại Học Teikyo. Thầy Trí Quảng hỏi tôi là: Như Điển có biết tiếng Nhật gọi con đường dốc như thế này là gì không? Mặc dầu tôi đã thi đỗ vào Đại Học, nhưng khả năng Nhật ngữ lúc đó rất giới hạn. Nếu sau chừng một năm tôi ở chùa Honryuji mà Hòa Thượng Trí Quảng hỏi như vậy thì tôi sẽ đáp ngay rằng: Sakamichi=phản đạo; chữ này có nghĩa là con đường dốc hay con đường ngược. Rồi từ đó cho đến nay tôi chưa có dịp gặp lại Hòa Thượng Trí Quảng lần nào nữa. Riêng Hòa Thượng Thích Minh Tâm sau khi sang Pháp năm 1973, sinh hoạt mãi cho đến năm 2013 vẫn ở tại Paris Pháp Quốc. Năm 1977 khi tôi sang Đức xin tỵ nạn và những tháng ngày sau đó từ năm 1978 đến năm 2013 tôi vẫn luôn làm việc chung trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu với Ngài Thích Minh Tâm.

Thời gian trước khi tôi du học tại Nhật Bản năm 1972, đã có quý Ngài đến Nhật du học và tốt nghiệp từ Cử nhân đến Tiến sĩ như sau: Hòa Thượng Thích Tâm Giác, Hòa Thượng Thích Thiên Ân, Thượng Tọa Thích Quảng Minh, Hòa Thượng Thích Mãn Giác, Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, Hòa Thượng Thích Trí Tâm, Hòa Thượng Thích Tử Hạnh, Hòa Thượng Thích Trí Quảng, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Thầy Thích Nguyên Hồng, Ni Trưởng Thích Nữ Như Chánh, Hòa Thượng Thích Chơn Minh, Thầy Thích Giác Thiện, Thầy Thích Như Tạng, Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Nguyên Đạt, Hòa Thượng Thích Trí Hiền, Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, Hòa Thượng Thích Minh Lễ. Và sau thời tôi đến Nhật du học năm 1972 thì có Hòa Thượng Thích Phước Toàn, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Thầy An Thiên, Thầy Minh Tuấn.

Sau năm 1975, chính thức không còn có sinh viên và Tăng Sĩ Việt Nam đến Nhật du học nữa, nhưng đã có một số quý vị Tăng Ni ra đi tỵ nạn Cộng sản và được tàu Nhật hay Na Uy vớt rồi cho tạm trú tại Nhật, để chuẩn bị đi nước thứ ba định cư, trong đó có Hòa Thượng Thích Như Huệ, Hòa Thượng Thích Chơn Lễ, Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Từ v.v...

Năm 1981 ở Việt Nam Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam mới chính thức thành lập, dưới sự điều động của chính quyền đảng Cộng sản Việt Nam và kể từ năm 1984 đến 1988 khóa 1 của Tăng Ni Sinh Học Viện Phật Giáo Vạn Hạnh dưới sự chủ trì của Hòa Thượng Thích Minh Châu mới được hình thành. Do vậy những sinh viên Tăng, Ni Việt Nam được đi du học tại Nhật Bản hay Ấn Độ trong thời gian này sớm lắm cũng sau năm 1992 trở về sau. Tại Nhật sau thời gian trên, đã có những vị đến Nhật du học và tốt nghiệp Tiến sĩ như: Thượng Tọa Thích Giác Dũng, Ni Sư Thích Nữ Tâm Trí, Thầy Tường Nghiêm v.v...và cũng có thêm một lớp Tăng sĩ mới, vốn là sinh viên đến Nhật du học, sau



HT. THÍCH NHƯ ĐIỂN

đó phát tâm xuất gia; trong đó có Thầy Đức Trí, đệ tử của Thượng Tọa Nhuận Phổ, sang Đức thọ giới Tỳ Kheo năm 2019 giới đàn Quán Thông tại chùa Viên Giác Hannover và nay đang làm Phó Trụ trì chùa Hòa Lạc ở Kobe, chùa Đại Nam ở Hyogo. Tôi không nắm bắt hết được con số chính xác người Việt Nam hiện cư trú và làm việc tại Nhật Bản trong hiện tại là bao nhiêu. Tuy nhiên theo thống kê của Bộ Tư Pháp Nhật Bản cho đến tháng 6 năm 2022 đã có 476.346 người Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Nhật, chỉ sau Trung Quốc 744.551 người và trước Hàn Quốc 412.340 người. Nếu so với trước năm 1975 chúng tôi chỉ có độ 2.000 sinh viên du học thì chẳng thể so sánh vào đâu được. Vì vậy thuở ấy nhu cầu làm chùa tại Nhật đã

không có, chỉ riêng Hòa Thượng Thích Minh Tuyên quyết tâm ở lại Nhật Bản cho đến khi viên tịch vào năm 2015 thì Ngài đã xây dựng được chùa Việt Nam tại Tỉnh Kanagawa, gần Tokyo và chùa này hiện do Thượng Tọa Thích Nhuận An Trụ Trì và Ni Sư Thích Nữ Giới Bảo làm Phó Trụ Trì. Do nhu cầu tu học của những người thợ khách và những sinh viên Việt Nam đang du học, nên ngày nay (2023) tại Nhật Bản đã xây dựng được 10 ngôi chùa Việt Nam như sau:

- ♦ Chùa Việt Nam tại tỉnh Kanagawa(gần Tokyo)
- ♦ Chùa Nam Hòa ở tỉnh Saitama
- ♦ Chùa Hòa Lạc ở Kobe
- ♦ Chùa Phước Quang ở Osaka
- ♦ Chùa Đại Nam ở Hyogo
- ♦ Chùa Phước Viên ở Hyogo
- ♦ Chùa Tinh Tân tại Hamamatsu, tỉnh Sizuoka
- ♦ Chùa Phước Huệ Aichi, thành phố Nagoya
- ♦ Chùa Nissinkutsu (Nhật Tân Quật) ở Tokyo
- ♦ Chùa Đại Ân Honjo tại tỉnh Saitama.

Chuyện Nhật Bản chắc còn dài, tôi mong rằng những thế hệ đi sau tiếp tục viết lên những sự kiện qua dòng thời gian đổi thay để mọi người chiêm nghiệm. Dầu sao đi nữa với riêng tôi, phải cảm ơn Nhật Bản rất nhiều. Nếu không có cơm gạo, nước uống và đặc biệt là nền giáo dục của Nhật Bản, đã giúp tôi vượt qua những khúc quanh quan trọng của đời người xuất gia, gần 60 năm gắn bó với Thiền môn (1964-2023), thì ngày nay chắc hẳn đã khác nhiều rồi.

Năm nay chùa Khánh Anh tại Évry, Pháp Quốc tổ chức Đại Giới Đàn Minh Tâm từ ngày 17-18 tháng 8 năm 2023 để tưởng niệm Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã viên tịch tại Turki, Phần Lan vào ngày 3 tháng 8 năm 2013, nhân khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 25. Ngài đã vĩnh viễn ra đi, để lại một khoảng trống vô tận trong lòng những người con Phật xuất gia, cũng như tại gia ở Pháp Quốc nói riêng và ở Âu Châu cùng các Châu khác nói chung. Kèm theo sự tưởng niệm này Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu tổ chức ngày Về Nguồn lần thứ 13 và lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại chư vị Tổ Sư truyền thừa, cũng như Hội Thảo về những công hạnh của Chư Tôn Trưởng lão Hòa

Thượng quá vãng, đã dày công hy hiến cho Việt Nam được trường tồn và Phật Giáo luôn được quang huy từ ngày 19 đến ngày 20 tháng 8 năm 2023 này. Đây là một chặng đường lịch sử quan trọng của các Giáo Hội được truyền thừa, mà khi nhắc đến chuyện mới, không thể không kể chuyện xưa của hơn nửa thế kỷ về trước, nhằm sách tấn cho đàn hậu học Tăng Ni cũng như Phật tử kế thừa, không quên ân nghĩa của người đạo giềng khi mình uống nước (âm thủy tư nguyên).

Với bài viết này tôi xin đóng góp một ít tư liệu nhỏ do sự hiểu biết hạn hẹp của riêng mình. Do vậy chắc chắn còn nhiều thiếu sót về chư Tôn Đức Tăng Ni đã một thời du học trước năm 1975 tại Nhật Bản. Cho nên, nếu quý Ngài còn tại thế, sau khi đọc bài này, xin cung cấp thêm những dữ liệu cần thiết để khi có dịp viết lại một khúc quanh lịch sử đã qua, chúng tôi sẽ có thêm nhiều dữ liệu để cập nhật cho đúng với những sự kiện quan trọng này.

Nền móng của Phật Giáo Việt Nam tại Pháp nói riêng và Âu Châu nói chung, nếu không có Hòa Thượng Thích Minh Tâm, là một trong những vị đi "trồng sen nơi xứ tuyết", mang hạt giống trí tuệ, tử bi của Phật Giáo đến với mọi người, mọi loài; và chỉ riêng người Phật tử Việt Nam hiện đang cư ngụ tại quốc độ này, thì chắc rằng chúng ta đã chẳng có một nền móng vững chắc nào để xây dựng đạo nghiệp tại trời Âu này.

Tất cả công đức có được xin hồi hướng lên cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm nhân lễ kỷ niệm 10 năm Ngài đã viên tịch.

*(Viết xong vào lúc 12 giờ trưa
ngày 23 tháng 5 năm 2023
tại Phương Trượng Đường Tổ
Đình Viên Giác, Hannover, Đức
Quốc)*



THIÊN VƯỜN

1.
*Ô hay, đất cỏ bồi bồi
Xanh như huyền mộng, ngọt lời hoan ca
Cúi đầu niệm chủ Ba la...
Cỏ chôn vào đất... hóa ra thiên vườn?*
2.
*Đém ngày hạt tốt gieo ươm
Luân hồi hay dở, thiện lương dâng người
Hạt sương mưa móc ngậm cười
Một mai tách vỏ tái hồi mầm xanh!*
3.
*Hạt mưa, hạt nắng long lanh
Thiên trong thoáng chốc, trở thành nụ căng
Giác hoa ngủ cùng vàng trắng
Và ôm trái mộng thừa rằng vô vi.*
4.
*Đậu cành kinh giới. Bướm bay
Buồn tím tím, lá hao gầy... tía tô
Con chim ngậm lá tần ô
Kinh Nam Hoa với Nam mô... buồn buồn?*
5.
*Tập tàng, rau nấu canh suông
Ngồi canh lửa... héo, vẽ tuồng, bôi râu
Chợt thiên, bướm hóa thành sâu
Cỏ vô tư hát, vườn sâu Nam ai...*

thơ **TRẦN HOÀNG VY**



Hoàng tử Anuruddha và “Chiếc Bánh Không Có”

HUỆ TRẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Hoàng tử Anuruddha chính là Tôn giả A Nậu Lô Đà, trước khi xuất gia. Phụ vương của hoàng tử là em vua Tịnh Phạn, tức phụ vương của thái tử Tất Đạt Đa, vị thái tử rời bỏ cung vàng điện ngọc đi tìm đạo cả, rồi đắc đạo, được tôn xưng là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Cũng như hầu hết các vương tôn công tử dòng dõi đế vương, hoàng tử Anuruddha được thương yêu, chiều chuộng, hưởng thụ mọi của ngon vật lạ thế gian, không hề biết đến những gì là thiếu thốn, đau khổ trên đời.

Thưở ấu thơ, hoàng tử hay chơi trò đánh bài ăn bánh với các vương tôn khác. Thua hay được, đều trả bằng bánh.

Hoàng tử Anuruddha chắc không phải tay đánh bài giỏi nên thường thua nhiều hơn thắng. Một lần, thua hết cả hộp bánh mang theo, hoàng tử bèn bạo quân hầu, chạy về cung mẫu hậu, xin thêm bánh. Lần đó, mẫu hậu cũng hết bánh, nên bảo quân hầu là “*Bánh không có!*”

Vì luôn muốn gì được nấy, nên hoàng tử tưởng “*bánh không có*” là tên một loại bánh, chứ không phải là “không có bánh”! Lúc đó, đã mắc nợ các vương tôn khác khá nhiều nên hoàng tử dục quân hầu:

- Thưa mẫu hậu là “*bánh không có*” hay bánh gì cũng được, người cứ xin rồi đem mau cho tạ!

Mẫu hậu nghe thế, bèn sai thị nữ lấy một cái khay, úp một cái bát lên, rồi bảo quân hầu:

- Đây, bánh đây, hãy mang dâng hoàng tử.

Khi hoàng tử Anuruddha mở cái khay với cái bát không, úp lên trên ra, thì... ôi thơm phức! Hoàng tử nếm thử thì... ôi, ngon tuyệt! Đây là chiếc bánh hoàng tử chưa từng được ăn bao giờ! “*Bánh không có*” này ngon quá, vậy mà tới nay mẫu hậu mới cho ăn!

Mẫu hậu nghe tin này thì vô cùng sửng sốt vì chính mắt bà nhìn thì nữ tuân lời, lấy cái khay không và úp cái bát không lên. Vậy mà, khi hoàng tử mở ra, sao lại là chiếc bánh thơm ngon, chưa từng đầu bếp nào trong hoàng cung làm được? Thực hư thế nào về huyền thoại này, dường như không ai tìm hiểu vì hầu như niềm tin đây là điềm lành của Hoàng Tử, mới là quan trọng.

Đúng thế. Mẫu hậu bỗng cảm nhận mãnh liệt rằng, đây là phước báu của hoàng tử. Vị hoàng tử này sẽ nhận nhiều ân sủng hơn là những gì tốt cùng cao sang quyền quý mà hoàng gia có thể ban cho.

Quả thế.

Không bao lâu, tin thái tử Tất Đạt Đa xuất gia, rồi thành đạo, đã loan truyền khắp nơi.

Hoàng tử Anuruddha vô cùng xúc động, bèn bàn với hoàng huynh của mình là, trong hai anh em, một người cũng nên xuất gia để mang phước báu cho dòng họ; còn người kia thì ở lại kế vị ngôi vương, chấn dặt thần dân cho tròn đạo nghĩa mọi bề.

Dự tính này bị mẫu hậu bác bỏ ngay, vì bà không muốn phải rời xa một người con nào cả!

Nhưng nước mắt mẫu hậu không những không lay chuyển nổi ý chí của hoàng tử, mà ngày lên đường, không chỉ hoàng tử Anuruddha, còn có hoàng tử Ananda, các vương tôn Bhaddiya, Bhagu, Kimbila, Devadatta và người thợ hớt tóc của các vương tôn là Upali, đều bị hấp lực cực kỳ thánh thiện của hình ảnh sa-môn mời gọi, đã cùng nhau cất bước đi tìm Đức Thế Tôn.

Câu chuyện tới đây, tưởng chừng “*chiếc bánh không có*” đã trở thành quá khứ! Nhưng lắng tâm quán chiếu, chúng ta có thể thấy dường như chiếc bánh đó vẫn còn đây.

Chiếc bánh có tên là “*bánh không có*” của Tôn giả A Nậu Lô Đà, một, trong mười vị đại đệ tử được Đức Thế Tôn tuyên xưng là vị Tối Thắng Thiên-Nhân-Thông, đã chỉ cho chúng ta cách nếm hương vị của phước báu.

Không có dấu mốc nào làm chuẩn để đo lường phước báu, vì ít hay nhiều, nặng hay nhẹ, là do nhu cầu và cảm nhận mỗi cá nhân.

Người thường không hài lòng với thực phẩm mình có, sẽ nhận biết thực phẩm ấy không tệ, khi thấy kẻ đói khát.

Người buồn khổ vì không có đôi giày mới, chợt hạnh phúc khi thấy người cụt chân!

Hạnh phúc nó tương đối như thế.

Ai cũng có phước báu, nếu ta biết nhìn hạnh phúc bằng những gì mình đang có. Trong sáu nẻo luân hồi thì được làm thân người đã là phước báu rồi. Hạnh phúc có hay không, nhiều hay ít là do tâm ý ta, mỗi khi mở khay “*bánh không có*”. TRÊN CÁI KHAY KHÔNG ĐÓ, BAO GIỜ CŨNG CÓ BÁNH.

Chắc chắn thế.

Vì tâm ý ta là người đầu bếp, vật liệu là những gì quanh đời sống này. Vật liệu đó luôn vô cùng đa dạng, có thể làm được mọi loại bánh, mọi màu sắc, mọi hương vị.

Chiếc bánh được hoàn thành thế nào, phẩm lượng ra sao là do tài trí của người đầu bếp.

Tôn giả A Nậu Lô Đà là vị tối thượng thiên-nhân-thông, tất ngài có thể nhìn rõ cách chúng ta nấu nướng ra sao.

Xin hãy tạ ơn những vật liệu quanh ta và cùng nhau khéo léo hoàn thành những “*chiếc bánh không có*”.

(Tào-Khê tịnh thất, những ngày tịnh tu)



Tứ cú lục bát “HƠI THỞ”

CƯỜI

Trang vẫn động chuyện trẻ già
Nỗi niềm động chuyện tình ta, tình người
Lòng vòng bận bịu, thanh thoi
Theo từng hơi thở tôi cười với em.

QUÁN

Quán vô thường, tỉnh giấc say
Thoát mê mà sông thảng ngày thường thôi
Thường thôi hơi thở thanh thoi
Tu tâm chuyển nghiệp mà trôi theo dòng.

QUÁN (2)

Quán vô thường chẳng để chơi
Mà để biết thật: Kiếp người gang tay
Còn vào ra hơi thở này
Thương yêu chưa đủ chớ gây oán thù!

LẠY

Hương trầm hơi thở hoà vui
Buông xuôi năm vóc đất trời hội duyên
Bơi qua bể khổ hiện tiền
Cùng hoa sen nở chao nghiêng nụ cười.

VÀO RA

Ồ hay, bất khả tư nghi
Ta còn hơi thở ta thì còn Tâm
Hít vào nghĩ đến tha nhân
Thở ra nghĩ đến chín ngàn nhân duyên!

TỶ

Dọc dừ soi nắng xuân tươi
Khởi lam chiều lớn vờn mùi tịnh trai
Héch lên đón lấy hương lái
Từng hơi thở nhẹ trong ngoài an nhiên.

TÂM THANH

Tiếng kèn đồng thở từng hơi
Nhạc vang tinh khiết rong chơi thảng ngày
Ấm tình bè bạn tâm tay
Mai sau còn đó ấp đầy tâm thanh.

LÀ GÌ?

Tìm về hơi thở mà chơi
Một hai ba bốn... xong rồi bốn ba...
Bây giờ ta đứng là ta
Chỉ qua chớp mắt sát-na là gì?

HẮT HƠI

Khởi bay đường đã mịt mù
Bâng quơ ngời bút đọng đưa giữa trời
Đêm về một tiếng hắt hơi
Tâm buông trút hết, nụ cười chiêm bao.

thở

VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

THIỀN SƯ HẢI BÌNH BẢO TẠNG VỚI NHỮNG DANH LAM MIỀN DUYÊN HẢI

Thích Thánh Minh

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

I. Ngát Hương Thiền Trên Sông Biển Việt Nam

Việt Nam có biển dài sông rộng, thuận lợi giao lưu kinh tế, văn hóa và tôn giáo với các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Vào những thế kỷ đầu Công Nguyên, những đoàn thuyền của thương nhân Ấn Độ đã đến giao lưu buôn bán tại Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) và miền duyên hải của đất Phương Nam xưa thuộc xứ Champa; đi theo họ còn có những Tăng lữ Phật Giáo và những Phật tử đến để trao đổi hàng hóa, giao lưu văn hóa và truyền bá chánh pháp. Phật giáo được truyền vào Việt Nam do hai nhà sư Ma Ha Kỳ Vực (Mahajivaka) và Chi Khương Lương (Kalaruci). Tác phẩm Phật giáo sớm nhất là "Lý hoặc Luận" của Mâu Tử. Đáng lưu ý về việc phụng thờ Tứ Pháp trong chùa Đậu; bộ ván in "Cổ Châu Phật Bản Hạnh" và những giải mã về văn bia Phật giáo vùng duyên hải như:

"Bia Võ Cạnh (Khánh Hòa), bia An Thái (Quảng Nam), bia Đại Hữu và bia động Phong Nha (Quảng Bình), bia Phú Quý và bia Bakul (Phan Rang), bia Nhan Biều (Quảng Trị), bia Đồng Dương (Quảng Nam). Những bia Phật giáo này phân bố đều trong vương quốc Champa, nhất là vùng Amaravati. Trong số đó, bia Võ Cạnh (làng Võ Cạnh, Nha Trang, Khánh Hòa) rất có giá trị. Bia này làm bằng đá hoa cương, niên đại cuối thế kỷ II đầu thế kỷ III. (*Phật giáo Champa - từ Tư liệu đến Nhận thức* - Quảng Văn Sơn).

Khảo cứu về bia Võ Cạnh, nhà nghiên cứu L. Finot cho biết: "*Nhà vua dựng bia để thể hiện ý thức về sự vô thường của cuộc đời, về lòng trất ẩn đối với chúng sanh, sự hy sinh của cải mình cho lợi ích chung...*" và cho biết thêm "*Phật giáo là tôn giáo chủ đạo xung quanh khu vực trung tâm của xứ Kauthara. Sự sùng bái đạo Phật có tác động mạnh mẽ đến tư tưởng cộng đồng Champa đương thời*".

Dựa vào khảo cổ trên cho ta biết: Đạo Phật từ Ấn Độ truyền đến Việt Nam bằng đường thủy trước khi đến Trung Hoa và đã nhanh chóng hòa nhập vào văn hoá Việt Nam.

Vào năm 987, Lý Giác được Tống Hy Tông phong làm Quốc tử giám sai đi sứ để thăm dò Đại

Việt. Lê Đại Hành cử thiền sư Đỗ Thuận người học rộng và có tài để đón tiếp. Thiền sư cải trang làm người lái đò. Gặp khi có hai con ngỗng bơi trên sông, Lý Giác ngâm rằng: *Nga nga lưỡng nga nga, Ngưỡng diện hướng thiên nha.* (Song song ngỗng một đôi / Ngửa mặt ngó ven trời). Sư Đỗ Thuận đang cầm chèo, ngâm đáp tiếp: *Bạch mao phô lục thủy, Hồng trạo bãi thanh ba.* (Lông trắng phô dòng biển / Sóng xanh chận hồng bơi). Tuy bài thơ tả ngỗng đờn giảnh nhưng có tiếng bắt nạt của sứ giả phương Bắc và có lời đáp trả vang rền binh khí của "người lái đò" phương Nam làm cho đối phương thán phục. Bài thơ này được xem là văn bản ngoại giao đầu tiên của nước Việt chúng ta. Thiền sư Đỗ Thuận giải trình cho triều đình về vận nước:

*"Vận nước như mây quần
Trời Nam mở thái bình
Vô vi trên địa các
Xứ xứ hết đao binh".*

Trên bước đường Nam tiến mở rộng lãnh thổ, Phật giáo Việt Nam đã thể hiện tinh thần "đồng hành cùng dân tộc" và các thiền sư giữ vai trò "Hộ quốc an dân", góp phần xây dựng đất nước cường thịnh. Phật giáo đã in đậm nét son trên dòng sử Việt những hình ảnh tuyệt đẹp như lời thơ của Chúc Phổ Từ Xuân Lành đã ca ngợi:

*Trên dòng sử Việt lung linh
Nét vàng muôn thừa bóng hình thiền sư!*

Phật giáo Việt Nam không chỉ lưu lại nét đẹp của nhà sư với hình ảnh những ngôi chùa, những con đò, trên từng bến nước dòng sông mà còn có hình bóng của các thiền sư hoà mình với biển cả mông trên những chiếc thuyền lênh đênh trên sóng nước để tầm sư học đạo và trở thành một thiền sư lỗi lạc, khai sáng một dòng thiền đậm nét văn hóa Việt Nam - đó là thiền sư Thiết Điều Liễu Quán với bài kệ truyền pháp nổi tiếng từ thế kỷ thứ 17, được kế tục truyền thừa cho đến hôm nay; và đền thuyền chánh pháp sẽ mãi được thắp sáng đến ngàn sau:

*Thật tế đại đạo
Tánh hải thanh trừng
Tâm nguyên quảng nhuận
Đức bốn từ phong...*

(Kệ truyền thừa - Thiền Sư Liễu Quán)

Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng thuộc thế hệ thứ 6 của dòng thiền Liễu Quán, nối tiếp sự nghiệp



Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng
(1818-1872)

của tiền nhân đã hy hiến đời mình cho đạo pháp, cho dân tộc đã khai sơn nhiều di tích danh lam ở miền duyên hải:

*Dong buồm vượt biển vào đây
Thuyền sư ghé lại những ngày hoang sơ
Hai trăm năm lẻ đến giờ
Đạo phong vẫn toả xoá mờ thương đau.*

II. Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng (1818 - 1872)

Giữa thế kỷ 18, tại Phú Yên có nhiều danh Tăng xuất hiện như: Tăng Cang Đạo Viên Trí Giác chùa Kim Cang, Tăng Cang Tánh Thông Giác Ngộ chùa Bát Nhã và đặc biệt nhất có thiền sư Diệu Nghiêm chùa Từ Quang, đã đào tạo lớp người thừa kế tài giỏi làm hưng thịnh cho đạo Phật Việt Nam như các thiền sư: Toàn Thể Linh Nguyên, Toàn Nhật Quang Đài, Toàn Đức Thiệu Long, Toàn Nghĩa Chơn Thường, Toàn Đạo Viên Đàm v.v... Chư Tăng từ những thiền phái khác cũng đến cầu học và được đặc pháp như các thiền sư: Liễu Diệu Chánh Quang chùa Triều Tôn, Liễu Năng Đức Chất chùa Phước Sơn, Liễu Cẩn Thiện Đức chùa Bảo Sơn và đặc biệt là thiền sư Tánh Thông Giác Ngộ khai sơn chùa Bát Nhã là bốn sư của ngài Hải Bình Bảo Tạng.

Sau khi thiền sư Diệu Nghiêm viên tịch, hàng đệ tử đứng ra vận động khắc bằng các tác phẩm do tổ Diệu Nghiêm chú giải kinh điển. Từ đó phong trào học Phật ở đất Phú Yên phát triển mạnh, ảnh hưởng lớn đến các tỉnh miền Trung xuyên suốt từ thế kỷ thứ 18 đến đầu thế kỷ 20. Nền trong dân gian thường truyền tụng rằng: "Muốn tu Phật về Phú Yên, muốn tu Tiên lên Bã Núi" hay là: "Quan Quảng Ngãi, Sãi Phú Yên". Phật giáo Phú Yên đã sản sinh rất nhiều danh Tăng trong đó có Thiền sư Bảo Tạng đã khai sáng nhiều danh lam ở miền duyên hải Việt Nam.

Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước với nhiều đe dọa ngày càng gia tăng của Pháp. Đỉnh điểm là trận cửa biển Đà Nẵng vào năm 1847, quân Pháp bắn chìm 5 chiếc thuyền đồng của thủy quân Đại Nam. Trước những thách thức lịch sử, thiền sư Bảo Tạng vẫn giữ tâm đạo tiền tu giác ngộ. Tên tuổi của ngài gắn liền với nhiều ngôi cổ tự linh thiêng và câu chuyện khai sơn lập chùa màu nhiệm. Nhiều đại giới đàn tại các tỉnh duyên hải miền Trung và Bà Rịa Vũng Tàu đều mang tôn hiệu Bảo Tạng. Hằng năm vào ngày 25 tháng 5 âm lịch, nhiều ngôi chùa ở các tỉnh Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận đều long trọng cử hành lễ tưởng niệm húy nhật của thiền sư Bảo Tạng. Hạnh nguyện của ngài quả thật là quá đặc biệt trong dòng sử truyền thừa.

Thiền sư Bảo Tạng, húy Hải Bình, đời 40 dòng Lâm Tế, thuộc thế hệ thứ 6 của chi phái thiền Liễu Quán, được truyền thừa theo chi nhánh của thiền sư Tế Nhơn Hữu Bùi như sau:

Thế hệ thứ nhất: Thiền Sư Thiệt Diệu Liễu Quán

Thế hệ thứ hai: Thiền Sư Tế Nhơn Hữu Bùi

Thế hệ thứ ba : Đại Nguyệt Linh Chiếu

Thế hệ thứ tư: Thiền sư Đạo Dụng Đức Quảng

Thế hệ thứ năm: Thiền sư Tánh Thông Giác Ngộ

Thế hệ thứ sáu: Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng.

Căn cứ vào long vị và những di cảo ở chùa Bát Nhã Phú Yên ta biết thiền sư Bảo Tạng thế danh là Huỳnh Văn Yết, cha là Huỳnh Văn Xưa và mẹ là

Trần Thị Tấn. Sinh ngày 14 tháng 8 năm Mậu Dần 1818 dưới triều Vua Gia Long tại thôn Phú Nhiêu, xã Hoà Mỹ, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Thuở nhỏ ngài xuất gia và đặc pháp với Tăng Cang Tánh Thông Giác Ngộ - một danh Tăng triều Vua Minh Mạng. Sách *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Hòa thượng Mật Thể viết về thiền sư Giác Ngộ như sau:

"Ngài hiệu là Sơn Nhân, người tỉnh Gia Định, nguyên trước đi làm việc quan đập đá xây thành. Một hôm phát hiện trong viên đá có một tượng Phật, Ngài xin thôi việc, mang tượng vào rừng, không giao thiệp với người đời nữa và không ai biết đi đâu. Được ít lâu sau, người trong tỉnh Phú Yên thoát thấy Sơn Nhân ở trong chùa Hang xóm núi. Xóm ấy vốn nhiều cọp, người trong xóm lập chùa mà không dám đến lễ. Lúc thấy Sơn Nhân ở đó, ai cũng thất kinh, hỏi ngài sao không sợ cọp. Ngài đáp: Cọp mặc cọp, mình mặc mình, can chi mà sợ. Ngài thường ăn rau cỏ, không dùng cơm, lấy vỏ cây làm áo. Một hôm dịch khí nổi lên, ở các nơi người chết rất nhiều, người trong xóm xin ngài cầu đảo cho nên được yên. Họ đem việc ấy trình quan. Vừa lúc ấy, quan Tuần vũ trong tỉnh có người con đau bụng, thầy thuốc chữa không khỏi. Quan liền khiển hai viên đội đi mời Sơn Nhân. Ngài hỏi: Tỉnh ở ngã nào? Họ chỉ về hướng đông. Ngài bảo họ đi trước. Hai viên đội cỡi ngựa về tỉnh thì đã thấy Ngài đến rồi. Quan mời Ngài vào thăm bệnh cho con, Ngài liền đọc một câu chú, thỉnh linh nghe một tiếng xạc, và thấy một cái bóng như tấm lụa từ trong buồng vụt ra, tức thì con quan lành bệnh. Quan tỉnh đem việc ấy tâu về triều. Vua Minh Mạng sắc triệu Ngài về "Nội", hỏi việc đầu đuôi, Vua thường rất hậu. Ngài đều từ tạ không lấy. Vua khen rằng:

"Thuần nhất bất tạp là Hòa, Vạn loại xưng tôn là Thượng". Liên ban hiệu là "Sơn Nhân hòa thượng". Vua sắc mời Ngài ở chùa Giác Hoàng, nhưng được một tháng, Ngài tâu xin về núi. Qua khảo cứu lịch sử, chúng ta biết thêm một số chi tiết:

Hòa thượng Giác Ngộ sinh năm 1744. Chưa biết ngài thế phát xuất gia với tổ Đạo Dụng năm nào, tại đâu. Năm 1802 xây dựng chùa Bát Nhã, 1804 đúc đại hồng chung. Năm 1816 thiền Sư Giác Ngộ chứng minh chủ nguyện đức Đại Hồng Chung cho chùa Liên Trì Phan Thiết cùng với quý hòa thượng Linh Nguyên, Thiệu Long và hòa thượng Chánh Quang chú nguyện. Năm 1829, đóng góp công đức trong việc khắc in Kinh Vô Lượng Nghĩa. Năm 1832 góp phần công đức in kinh Phước Tiễn Phật Báo An. Năm 1838 được vua mời về kinh đô. Năm 1839 chùa Giác Hoàng Huế khánh thành và cung thỉnh hoà thượng Giác Ngộ về trụ trì. Năm 1840 Giác Ngộ được vua Minh Mạng phong chức Tăng Cang trong dịp lễ Vu Lan và lễ an vị Phật tại chùa Giác Hoàng. Và đặc biệt trong "*Hứa Sử Văn Truyện*" là tập thơ chữ nôm gồm hơn bốn ngàn câu thơ, Thiền sư Toàn Nhật san bổ và khắc in. Sách này do giáo sư Lê Mạnh Thát tìm được tại chùa Long Sơn Vạn Giã. Trong quyển sách ấy có ghi phương danh 8 vị hòa thượng hỗ trợ ấn tống: Giác Ngộ, Linh Nguyên, Văn Đàm, Thiệu Long v.v...

Hòa thượng Giác Ngộ viên tịch vào ngày 2 tháng 11 năm Nhâm Dần 1842, thọ tám mươi bảy tuổi, đồ chúng lập tháp thờ ở chùa Bát Nhã. Trên bia tháp ghi: Sắc tứ Tăng Cang Hoà Thượng Giác

Ngộ đệ nhất Tổ Khai Sơn Bảo Tháp. Thiền sư Giác Ngộ có nhiều đệ tử nổi danh như: Hải Hội Bảo Chất, Hải Lưu Mật Niệm, Hải Chánh Bảo Thanh, Hải Bình Bảo Tạng, Hải Lâm Bảo Kế, Bảo Chân v.v... có nhiều công đức trong việc hoằng dương Phật pháp ở các tỉnh Nam Trung bộ và các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Một trong những đệ tử đặc pháp với Hòa thượng Giác Ngộ ở chùa Bát Nhã là thiền sư Hải Bình Bảo Tạng, ham mê đọc kinh sách nhất là tác phẩm: "Hứa Sứ Truyện Văn" và những tác phẩm của thiền sư Toàn Nhật giúp ngài tường lãm những yếu chỉ thiền tông. Nhờ đọc kinh Kim Cang, thiền sư Bảo Tạng đã dung thông được lẽ sắc không Bát Nhã qua bài thơ xuất gia của thiền sư Toàn Nhật Quang Đài:

*Trần duyên đoạn hậu tự tiêu dung
Thanh tịnh phương tư sắc thị không
Phật tức tâm hề tâm tức Phật
Thanh sơn chỉ tại bạch vân trung.*

Nguyễn Bá Chung dịch thơ:

*Dứt duyên đời thật thông dong
Lòng thanh tịnh, sắc tức không chẳng lăm
Tâm là Phật, Phật là tâm
Ấn trong mây trắng rặng tầm núi xanh.*

Sam Hamill đã dịch thơ bằng Anh ngữ:

The Bonds of this word ended. Relaxed at leisure,

Pure and easy to bonder: form is emptiness.

Buddha is the heart; the heard is Buddha.

In the midst of white clouds, the blue mountain.

Sau khi ẩn tu và nhập định ở Thạch Động trên núi Chóp Chài, thiền sư Bảo Tạng cùng hai sư huynh là Bảo Thanh và Bảo Chân đã phát nguyện lên đường, vượt biển vào phương Nam hoằng hoá. Nơi dừng chân đầu tiên là cửa biển Ninh Thuận, chọn động Đông Giang lập thảo am tu hành về sau thành Đông Nhạc Tự. Sau đó đến núi Chà Bang tên gọi theo thổ âm của người Chăm pa nhận thấy nơi đây có nhiều hang động đẹp, phong cảnh thiên vị, thiền sư Bảo Tạng đã khai sơn chùa Linh Sơn và sau đó trùng tu chùa Thiền Lâm từ năm 1848 đến 1854. Tiếp tục du hóa đến núi Trà Bang (làng Bình An, Phú Quý, Phan Rang) tu hành. Sau đó, thiền sư Bảo Tạng đến vùng Vĩnh Hảo, lập chùa Linh Sơn để hoằng dương Phật pháp ở vùng Phan Rang, Phan Ri. Năm 1845, ngài đến hoằng hóa ở núi Cổ Thạch. Hương hào Hồ Công Điểm không có con, gặp thiền sư xin cầu tự, sau đó vợ ông Điểm sanh một trai và một gái. Mang ơn đó, và quy y với bốn sư Bảo Tạng ông Điểm phát tâm xây dựng một ngôi chùa bằng cây, lợp lá rất khang trang ở Cổ Thạch. Sau một thời gian ngắn ở chùa Cổ Thạch, thiền sư lại tiếp tục vào phương Nam bằng đường biển. Ngài đến Bào Trâm, gần mũi Kê Gã (Hàm Tân) hoằng dương Phật pháp. Sư Thông Ân khai sơn chùa Kim Quang nghe danh tiếng thiền sư Bảo Tạng nên đến thỉnh về chùa và xin thọ giới Cụ túc và được ban pháp danh là Hữu Đức.

Trong tác phẩm "Tổ Hữu Đức Tổ Khai Sáng Núi Trà Cú Và Chư Hậu Tổ", Đại lão Hòa thượng Thích Hưng Từ đã viết:

"Quý thay! Duyên lành đã gặp từ Phú Yên, Hòa thượng Bảo Tạng đi hóa đạo miền Duyên Hải, ngang xứ Bào Trâm. Tổ Thông Ân được tin liền đến đánh lễ cung thỉnh Hòa thượng về chùa Kim Quang và ngộ ý xin cầu hòa thượng truyền trao



Đại giới. Hòa thượng hoan hỷ nhận lời, cho tập hợp Tăng chúng, thiết lập giới đàn, truyền Cụ Túc giới và Bồ Tát giới đồng thời phú pháp cho Tổ hiệu là HỮU ĐỨC. Trong thời gian hoằng hóa ở Bào Trâm, thiền sư Bảo Tạng đã phát hiện đường hầm vào núi Trà Cú và nhận thấy núi Trà Cú là một địa linh có nhiều long mạch hội tụ, thiền sư Bảo Tạng đã chọn một hang đá gần đỉnh núi phía dưới hang có mạch nước trong mát tiếp tục hạ thủ công phu tu tập. Lúc bấy giờ Trà Cú là rừng sâu hoang vắng, còn nhiều loài cọp sói. Thiền sư xuống bàn thạch dưới hang tọa thiền, khi đói chỉ dùng rau rừng qua ngày. Ngài tu như thế trải mấy năm dài, dần dần cọp sói trở thành là bạn thân thiết với Ngài. Sau đó, do những người đi rừng phát giác được chỗ Ngài tu, họ về xóm gần núi báo tin cho nhau hay, rồi rủ nhau lên núi đánh lễ Ngài và chặt cây bện tranh cất cho Ngài một chiếc am để ở tu. Khi ra khỏi hang thì râu tóc Ngài dài lượt lượt và hạnh tu của ngài rất giống Hòa thượng Sơn Nhân - bốn sư của ngài trên núi Long Sơn Bát Nhã:

Một mảnh hình hài với gió sương

Vỏ cây là khổ đá làm giường

Rau rừng nước suối qua ngày tháng

Đắc đạo tiếng đồn đến đế Vương.

(Tứ Tuyệt Hoài Cảm – Từ Xuân Lãnh)

Thời gian sau, Ngài rời am theo đường biển vào phía Nam, truyền thừa lại cho đệ tử là Hữu Đức kế thừa về sau trở thành chùa Linh Sơn Trường Thọ. Thiền sư Bảo Tạng đến núi Châu Viên ở Phước Hải (Đất Đỏ, Bà Rịa) lập chùa để hoằng hóa, đặt tên Châu Viên Sơn Tự, ngoài ra còn trùng tu nhiều chùa khác ở vùng Bà Rịa như chùa Long An, chùa Bửu An, chùa Long Hưng...

Và để tưởng nhớ ơn sâu mở đạo, ghi lòng nghĩa lớn truyền đăng, chúng ta cùng nắm tay nhau kết thành đài sen cúng dường giác linh thiền sư Hải Bình Bảo Tạng trong ngày tưởng niệm húy nhật lần thứ 151 và cùng hát bài thiền ca "Phật Giáo Việt Nam Lên Đường". Thơ Phan Tấn Hải, nhạc Trần Chí Phúc:

Con về đây từ núi cao, từ biển xa

Với hồn thiêng rồng tiên ngàn năm quê hương Việt Nam.

Con về đây nghe chuông chùa lời mẹ ru giữ đời đời

Nguyện quy y Phật Pháp Tăng

Việc ác, con xa lìa, việc lành, con vâng giữ

Trong sạch thân khẩu ý ghi lời Phật trong tâm.

Con lên đường, tới Trường Sơn, tới Biển Đông

Giữ quê hương một tấc đất không để lui

Con lên đường, lấy tình thương, bảo vệ dân

Vững ngàn năm, hộ trì Phật Giáo Việt Nam.

(còn tiếp một kỳ)



LẤY TỪ BỊ THẮNG HẠN THÙ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam viên thương mến,

Hôm nay, Nhóm Áo Lam (NAL) xin kể cho ACE nghe câu chuyện của cô tín nữ Úc Ca ra, con gái của gia chủ Phú na.

Hôm ấy, gia đình ông Phú Na cúng dường thực phẩm cho tôn giả Xá Lợi Phất sau khi tôn giả vừa xuất cơn diệt tận định, nhờ công đức to lớn ấy mà gia đình ông Phú Na trở nên giàu có. Trong khi cày ruộng ông Phú Na bắt gặp một khối vàng lớn, và sau đó, được đức vua phong chức Trưởng ty Ngân khố của Hoàng gia. Cô Úc Ca ra về sau được gã chồng về một gia đình ngoại đạo rất giàu có trong vùng.

Từ khi về nhà chồng, cô Úc thường than thở: tại sao cha ta lại gả ta về một nơi buồn chán như thế này? Cả tháng chẳng thấy bóng một Thầy tỳ kheo nào đi khất thực, cả năm chẳng bao giờ được cúng dường đức Phật và Tăng đoàn! Lời than thở ấy đến tai người cha và ông liền gởi cho cô 15 ngàn đồng tiền vàng. Nhận được tiền của cha, cô Úc bèn nói với chồng rằng cô muốn dùng tiền đó thuê một người phụ nữ đẹp thay thế cô phục vụ cho chồng trong 15 ngày còn cô trong thời gian đó được phép tổ chức trai tăng cúng dường thực phẩm lên Tăng đoàn. Người chồng đồng ý và một phụ nữ nhan sắc đẹp để tên là Sĩ Mã được chọn về nhà thay thế cho cô Úc.

Sáng hôm ấy cô Úc đang bận nấu nướng trong nhà bếp, chồng cô đứng nhìn qua cửa sổ miệng mỉm cười lắm bầm: "Sao mà nó ngu đến thế, không biết ta đang hưởng thú vui cùng người đẹp hay sao mà cả buổi lo nấu nướng cực nhọc thế kia!" Cô Sĩ Mã nghe thấy như vậy, nổi lòng ghen tức với cô Úc (quên mất cô Úc mới là vợ chính thức còn mình chỉ là vợ hờ). Cô ta bỗng nổi lên ý định xấu ác, muốn đem cả chảo bơ chiên nóng đổ lên đầu cô Úc cho bỏ ghét. Trong khi đó, lòng cô Úc rất thanh thản, cô nghĩ rằng: nhờ cô Mã mà cô mới được tự do, đủ thì giờ chuẩn bị buổi cúng dường, được nghe đức Phật giảng Chánh pháp nhiệm màu... bỗng dùng một cái, cô Mã bước đến gần cô Úc trút hết chảo bơ chiên nóng lên đầu cô Úc...! Trong cơn bàng hoàng, cô Úc nghĩ: nếu ta có ý oan hờn Sĩ Mã thì cho chảo bơ này làm phỏng hết đầu ta, nếu lòng ta chẳng có ý định thù hận Sĩ Mã thì xin nguyện cho chảo bơ chẳng hại gì đến ta cả." Lại thay, bơ vừa chảy đến tóc thì nguội lại, và cô Úc không bị phỏng. Mọi người xúm lại định đánh cô Sĩ Mã nhưng cô Úc can, còn cô Sĩ Mã, lòng đầy hối hận quỳ xuống xin cô Úc tha tội. Cô Úc nói: hãy đợi đức Phật tới đây, ta sẽ trình cổ sự mới biết phải tha tội hay không.

Đến trưa, khi đức Phật và chư Tăng thọ thực xong, sau khi nghe người nhà thuật lại việc xảy ra

buổi sáng, đức Phật liền hỏi:

"Này tín nữ Úc Ca ra, khi bị cô Mã đổ bơ nóng lên đầu, trong lòng tín nữ nghĩ gì?"

"Bạch Thế tôn, lúc đó con nghĩ rằng: nhờ chị Sĩ Mã thay thế con phục vụ chồng con nên con mới được tự do chuẩn bị thực phẩm cúng dường Tăng đoàn, đó là một ơn lớn đối với con nên lòng con chẳng hề oán giận chị Sĩ Mã, trái lại, con luôn rải tâm từ đến chị."

Đức Phật khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Tín nữ Úc Ca ra, với tấm lòng bao dung cô đã chinh phục được người vì ganh ghét đã làm hại cô, với tấm lòng vô sân cô đã chinh phục được kẻ vì sân hận đã hành hung mình, với tấm lòng khoan hậu, cô sẽ chinh phục được những kẻ bủn xỉn, với tấm lòng tôn trọng Sự Thật, cô sẽ chinh phục được những kẻ nói dối."

Rồi đức Phật nói lên bài kệ sau đây:

*"Lấy từ bị thắng hạn thù
Lấy điều thiên thắng điều ác
Lấy bố thí thắng xan tham
Lấy chân thật, thắng hư ngụy."*

(KINH PHÁP CÚ, câu 223)

Thưa Anh Chị Em,

Câu chuyện nàng Úc Ca ra cho chúng ta một bài học thật hay: một người con gái yếu ớt, hiền lành nhưng đã làm được những điều mà khó có ai trong thế gian làm được. Trong lúc chảo bơ đang đổ lên đầu mình, không lo bị phỏng mà còn phát được một lời nguyện rộng lớn: nếu lòng tôi không có thù hận thì xin cho chảo bơ đừng hại tôi...! Đây chính là sự dũng cảm khó làm: không hận thù với người thù hận mình đến nỗi muốn làm phỏng đầu mình! Vì sao người tín nữ này có được đức tính dũng cảm đó? - Vì nàng là một tín nữ của Phật, nàng đã được nghe Đức Phật giảng Pháp nhiều lần, đã thấm nhuần mưa Pháp, do vậy mới có tấm lòng từ bi rộng lớn như thế này.

Lời nguyện rộng lớn vì xuất phát từ lòng Từ rộng lớn, có năng lực siêu phàm làm cho chảo bơ vừa đến tóc là nguội đi...

Chúng ta học và hiểu những câu kệ Pháp Cú do đức Phật nói ra vì một nguyên nhân rất đặc biệt giúp chúng ta ngày càng tin tưởng vào đạo Giải thoát của Ngài - đạo thâm sâu nhiệm mầu nhưng mọi người đều có thể hiểu và thực hành theo khả năng của mình, không cần có kiến thức bác học hay cao xa, chỉ cần luyện cho TÂM AN, TRÍ SÁNG để tiếp nhận và thực hành những lời dạy của ngài như nàng Úc Ca Ra đây.

Thương mến kính chúc Anh Chị Em sức khỏe và an lạc.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam

HỌC THUYẾT “THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH”

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Đến với đạo Phật, người Phật tử thường được dạy các pháp nền tảng như: Quán, Chỉ, Định, Huệ. Quán là nhìn các pháp bằng con mắt tâm. Quán lâu dài, hành giả sẽ nhận ra mọi thứ trên đời đều thay đổi theo không gian, thời gian. Riêng con người chẳng những thay đổi hình tướng bên ngoài, mà cái tâm cũng thay đổi từng giây từng phút. Lúc nghĩ thiện, khi nghĩ ác, lúc vui vẻ, khi phiền muộn... Đã thế tâm còn chất chứa đầy dẫy những tham, sân, si, là những thứ ô nhiễm khiến con người ta thường ở trong trạng thái dao động tạo nghiệp, nên cái tâm đó bị xem là tâm bất tịnh, gọi là Vọng tâm. Thực ra, tâm thì chỉ có một. Khi nó dao động thì gọi là Vọng tâm, là tâm của kẻ phàm phu; khi nó yên lặng, trong sáng, thanh tịnh thì gọi là Chân tâm, là tâm của bậc Thánh.



Do sự thực tập phép Quán, thấu hiểu được đặc tánh của hiện tượng thế gian là “Vô thường, Khổ, Vô ngã”, từ đó có khả năng thoát khỏi khổ đau, nhờ sự chuyển hóa của tâm thức về các sự kiện tác động lên tâm thể của người đó. Khổ hay hạnh phúc khởi sinh rồi sẽ biến đi không ở mãi với mình. Khi pháp đến, mình chỉ cần tỉnh thức nhìn pháp đến, pháp trụ, rồi pháp đi... Pháp là pháp, pháp không phải là mình, mình không vướng mắc với pháp, thì tâm mình sẽ được bình ổn.

Tuy hiện tượng thế gian “Vô thường, Khổ, Vô ngã” có tác dụng chuyển hóa tích cực cho những ai hành trì nó, nhưng trên thực tế, vô minh phiền não vẫn chưa hoàn toàn diệt tận, bởi lâu hoặc, tập khí, kiết sử, tùy miên chỉ bị cô lập chứ chưa thực sự biến mất, do đó sự thoát khổ, giác ngộ của hành giả chưa được rốt ráo. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Phật cho rằng con đường đạo chưa thể dừng lại ở mức này, mà phải tiến xa hơn với pháp “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh” tức tu tập hướng tới Niết-Bàn. (*) Vậy thế nào là “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”?

II. “THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH” LÀ BỐN ĐỨC TÍNH CỦA NIẾT BÀN

Niết-bàn phiên âm từ tiếng Phạn là Nirvāṇa (Sanskrit), Nibbāna (Pali), dịch theo Hán Việt là “diệt độ”, “diệt tận”, “tịch diệt”, “bất sinh” hay “giải thoát”. Do vậy, Niết-bàn không phải là một

thực thể, một nơi chốn tận cùng an lạc nào đó, không phải đợi đến khi chết đi mới nhập vào Niết-bàn, mà Niết-bàn tồn tại trong thâm tâm của mỗi con người. Theo quan niệm của Phật giáo thì Niết-bàn là trạng thái tâm thanh tịnh tuyệt đối, nghĩa là tâm dập tắt hoàn toàn ngọn lửa tham, sân, si. Người đạt được trạng thái Niết-bàn là người có thái độ sống an nhiên tự tại “thường, lạc, ngã, tịnh” ngay trong vòng xoáy “Vô thường, bất toại nguyên và vô ngã” nơi thế gian này! “Thường, lạc, ngã, tịnh” được xem là bốn đức tánh thủ thắng của Niết-bàn. Ý nghĩa của bốn trạng thái này qua lời Phật dạy như sau:

1) ĐỨC THỨ NHẤT CỦA NIẾT-BÀN LÀ “THƯỜNG”: Sự giác ngộ đạt đến cảnh giới Niết-bàn là sự giác ngộ vĩnh viễn không biến đổi nên gọi là Thường. Niết-bàn hay Phật tánh hiện hữu tồn tại vĩnh cửu không biến hoại,

không thay đổi trong bất cứ thời gian hay không gian nào. Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm “Thánh Hạnh”, Đức Phật giảng về tánh THƯỜNG của Niết-bàn hay Phật tánh như sau:

“... Thiện nam tử! Phật tánh không sanh không diệt, không đến không đi, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải do nhân làm ra, cũng chẳng phải không nhân không tạo tác, không người tạo tác, chẳng phải tướng, chẳng phải không có tướng, chẳng phải có tên, chẳng phải không tên, chẳng phải danh sắc, chẳng dài chẳng ngắn, chẳng phải bị nắm giữ trong âm, giới, nhập. Ví thế Phật tánh gọi là THƯỜNG. Thiện nam tử! Phật tánh là Như Lai. Như Lai là pháp, pháp tức THƯỜNG”. (**) (hết trích).

2) ĐỨC THỨ HAI CỦA NIẾT-BÀN LÀ “AN LẠC”: An có nghĩa là tâm tư bình thản an ổn không bị khuấy động bởi những dục vọng, những lo âu, những tính toán hơn thua được mất, hay những nhớ nghĩ tiếc nuối về quá khứ hoặc suy tính tương tượng những ảo vọng tương lai. Lạc là khả năng vui sống hạnh phúc, vĩnh viễn xa lìa nỗi khổ niềm đau. Người tu đạt tới cảnh giới Niết-bàn thì có hạnh phúc, có an lạc nhưng hạnh phúc, an lạc của Niết-bàn vượt ra ngoài thế gian, không phải là thứ hạnh phúc chìm đắm trong ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thủy của trần thế!

An Lạc của Niết-bàn là hiện tại tuy sáu căn của cơ thể là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc

với bất cứ loại pháp trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nào... cũng bình thản tiếp nhận niềm vui bằng trí tuệ giác ngộ, biết chúng là “vô thường, bất toàn, vô ngã” nhưng vẫn duy trì được sự an tịnh và tự do, vẫn luôn an trú trong thế giới tịnh lạc xuất trần, không bị ràng buộc dính mắc thương yêu ghét bỏ hay sợ hãi như người đang sống trong cõi trần tục, đang hưởng hạnh phúc mà lo sợ cái hạnh phúc đang hưởng lúc nào đó sẽ biến mất!

3) ĐỨC THỨ BA CỦA NIẾT-BÀN LÀ “NGÃ”: Ngã đây không phải là chấp Ngã (chấp ngũ uẩn là ta, của ta, tự ngã của ta). Ngã này là ngã tuyệt đối thanh tịnh, là sự tự do, tự tại, không bị nô lệ vào quá khứ, hiện tại hay tương lai. Không nô lệ tức là được tự do, tự do không bị ràng buộc điều gì thì được giải thoát điều đó! Ngã này mới thật là Ngã chủ thể, Ngã thường hằng, Ngã không sinh không diệt, Ngã có chủ quyền, vì Ngã không bị bất cứ sự trói buộc nào của lậu hoặc, kiết sử, tùy miên, tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến.

Từ trước đến nay, học Phật, chúng ta biết toàn bộ giáo pháp của Ngài giảng dạy về sự thật Vô ngã, nhằm mục đích diệt trừ những khái niệm về Ngã ích kỷ, chấp trước đưa tới khổ đau cho con người!

Trong kinh “Đại Bát Niết Bàn”, phẩm “Nhu Lai Tánh”, khi tôn giả Ca-Diếp nêu thắc mắc về “Ngã”, đức Phật giải thích rằng “Ngã Niết-bàn” là “Phật tánh”, ai cũng có. Nhưng vì bị vô minh, phiền não che lấp nên chúng sanh không nhận ra được. Đoạn văn đó như sau:

*“Này thiện nam tử! Ngã tức là nghĩa Như-Lai Tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh tức là nghĩa của Ngã. Nghĩa của Ngã như vậy từ nào tới giờ thường bị vô lượng phiền não che đậy, vì thế nên chúng sanh chẳng nhận thấy được.” (***)* (hết trích).

Cũng trong phẩm “Nhu Lai tánh”, đức Phật thuyết rằng Phật tánh là Ngã. Tánh Ngã này không sanh không diệt, không hư hoại, luôn có mặt, nhưng người thường không thể thấy được, chỉ những bậc đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mới nhận ra:

*“Phật tánh là hùng mãnh, không thể hư hoại, cho nên không có gì có thể phá hoại được. Phật tánh chẳng bao giờ có thể đoạn dứt. Tánh Ngã ấy chính là tạng Như Lai bí mật, không gì có thể làm cho hư hoại tiêu diệt. Dầu không thể phá hoại, nhưng người thường không thể thấy được. Nếu đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mới chứng biết được nó. Vì lẽ ấy, không ai có thể phá hoại được Phật tánh (***)* (hết trích)

Kinh cũng cho biết, đức Phật vì muốn giúp cho người đời thoát khỏi quan niệm chấp ngã hư vọng, nên Ngài dạy pháp tu Vô ngã để tâm người đó được thanh tịnh:

*“.... Vì độ chúng sanh nên dạy pháp tu Vô ngã. Nhờ tu pháp đó dứt hẳn tâm chấp Ngã, được nhập Niết-bàn. Vì trừ những vọng kiến trong đời nên thị hiện pháp xuất thế gian. Lại chỉ rõ quan niệm chấp ngã của người đời là hư vọng chẳng phải chân thật, nên dạy pháp tu Vô ngã để được thanh tịnh” (***)* (hết trích)

4) ĐỨC THỨ TƯ CỦA NIẾT BÀN LÀ “TỊNH”: Tịnh nghĩa là trong sạch thuần khiết, không bị ô nhiễm, không còn bị lầm lỗi, dù chỉ là một lỗi nhỏ như hạt bụi. Đó là trạng thái vắng

lặng, thanh bình nội tâm, với một cảm giác hoàn toàn tự do tự tại. Phật tử chúng ta thường được khuyến khích tu tập giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh. Thân, khẩu, ý là cửa ngõ gây nên ác nghiệp và cũng là cửa ngõ tạo nghiệp lành. Khi cả ba thân, khẩu, ý lúc nào cũng được thanh tịnh thì hành giả luôn cảm nhận được sự an lành, hạnh phúc.

Tóm lại “thường, lạc, ngã, tịnh” là bốn đức của Niết-bàn. Thường là thường hằng, không thay đổi, không sinh diệt. Lạc là không yêu ghét, không bận lòng trong bất cứ tình huống nào, luôn thanh thoi với niềm vui thoát tục. Ngã là tự do, tự tại, luôn bình thản không bị trói buộc bởi bất kỳ pháp nào, dù là hữu vi hay vô vi. Tịnh là trong sạch, sáng suốt, thanh tịnh hóa toàn bộ vô minh dục vọng, dù hành giả đang sống giữa đời thế tục. Bốn đức tính này tương quan liên hệ với nhau. Trong thường có lạc, có ngã, có tịnh. Trong ngã có thường, có lạc, có tịnh. Trong tịnh có thường, có lạc, có ngã tự do tự tại. Trong lạc cũng ẩn chứa ba đặc tính kia!

III. GÚT LẠI

Theo Phật Giáo Đại Thừa: “Thường, lạc, ngã, tịnh” là bốn thuộc tính của Niết-bàn không thay đổi, không sinh diệt, là trạng thái thanh tịnh nhất, cao quý nhất, là mục tiêu của người tu đạo Phật. Muốn chứng ngộ cảnh giới này, hành giả không thể không tu tập thiền. Vậy thiền là gì?

Thiền, tiếng Pali là “bhavana”. Danh từ này có nghĩa là “phương pháp, tu dưỡng, trau dồi phát triển...” Đạo Phật có hai phương thức chính trong việc thực hành thiền. Đó là thiền Chỉ (Samatha bhavana) và thiền Quán (Anupassana bhavana). Thiền Chỉ là cách luyện tập giúp tâm dừng lại (không suy nghĩ, không nói thầm trong não). Nhờ vậy tâm được yên lặng thanh thản, nhưng trạng thái tâm yên lặng thanh thản này không được vững chắc, nên thiền Chỉ là bước đầu, là nền tảng đưa đến thiền Định (Samadhi bhavana). Hành giả thành tựu các bậc thiền Định (Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền) sẽ lần lượt đạt được trạng thái tĩnh lặng, thanh thản, hạnh phúc từ sơ cơ đến sâu sắc ngay trong hiện tại, nhất là khi đã hoàn toàn loại ra khỏi tâm trí những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến; nhằm tập nuôi dưỡng phát triển tâm từ, bi, hỷ, xả v.v...

Thiền Quán (Anupassana bhavana): Nhìn liên tục bằng tuệ tri nhận ra bản thể của vạn pháp là “Vô thường, Khổ (xung đột, bất toại nguyện), Vô ngã (không thực chất tính)”, gọi là Tam pháp ấn. Kết quả: Cô lập lậu hoặc, tập khí, kiết sử, tùy miên. Từ thiền Quán tiến thêm một bước nữa là thiền Huệ hay Tuệ.

Thiền Huệ hay thiền Tuệ: Là cách thực hành hướng đến (như lý tác ý) sự phát triển của trí tuệ và thông suốt về tâm linh. Tuệ có hai mức độ:

Một là Vipassana bhavana, ngày nay người ta gọi là Tuệ Minh Sát. Tuệ Minh Sát là pháp tu tập quan sát, thấy, biết “cái đang là” của pháp xuất hiện ngay trong hiện tại, dần nhận ra sự luân hồi sanh diệt của mọi hiện tượng thế gian. Từ đó không còn chấp ngã, chấp pháp nữa.

Mức cao hơn là tuệ tự phát, tức tuệ tâm linh, còn gọi là (tuệ) Bát Nhã, tiếng Pali là Panna, tiếng Sanskrit là Prajna. Hành giả phải tọa thiền

vào định sâu, mới bật ra trí huệ tâm linh từ sơ cơ đến vô lượng như: Trục giác, siêu trục giác, sáng kiến mới lạ, biện tài vô ngại, tứ vô lượng tâm v.v...

Thiền Chỉ (nền tảng của Định), thiền Quán (nền tảng của Tuệ), là hai phương pháp thực hành khác nhau, tuy có chức năng riêng biệt, nhưng cả hai liên hệ hỗ trợ cho nhau trong suốt quá trình tu dưỡng tâm linh phát huy trí tuệ của thiền giả.

Nhìn chung, công dụng của thiền Định giúp tâm giải thoát (tâm thanh tịnh, trong sáng). Còn thiền Quán giúp tuệ giải thoát (tức giải thoát những cái biết mê lầm trói buộc, trả lại cái biết như thật, như vậy). Khi tâm và tuệ hoàn toàn giải thoát thì hành giả đạt được cảnh giới "thường, lạc, ngã, tịnh".

Trong một bài viết hướng dẫn thiền sinh tu tập để đạt được trạng thái tâm yên lặng, cố Thiền sư Thông Triệt giảng về "thường, lạc, ngã, tịnh" như sau: "Thường là thường hằng trong không dục vọng. Lạc là không còn chạy khắp Tây, Đông, tìm vui sướng xác thân nhục dục. Ngã là luôn luôn bình thản trong bốn oai nghi, sống thanh thản trong không si mê ái dục. Tịnh là tịnh hóa toàn bộ dục vọng..." (****)

Tóm lại, đạt được bốn đức tính "thường, lạc, ngã, tịnh", các vị Bồ-tát với lòng đại từ đại bi, với tâm nguyện tự giác, giác tha. Các Ngài ấy ứng thân một cách vô ngại không ngăn mé vào đời sống ô nhiễm khổ đau của nhân thế, thực hành Bồ-tát đạo hóa độ chúng sanh. Công tác tự nguyện này thật là nhiều khế, không dễ dàng chút nào, bởi thể giới Ta Bà này là thể giới của Nhân quả, thể giới của trả nghiệp, vui có, buồn có, tử tế có, xằng bậy có, nên chúng sanh có người dễ dạy, cũng có người thật vô minh cứng đầu. Nhưng dù Bồ-tát lội ngược dòng nước xoáy, đi dưới trời mưa to giông bão như thế nào đi nữa, thì các Ngài vẫn cảm thấy trong lòng có niềm vui thoát tục, đó là thường an lạc, thanh tịnh, tự do tự tại, an trú trong "Hữu Dư Ý Niết-bàn".

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(29/5/2023, Thiền thất CHÂN TÂM,
Richmond, Texas)

Tài liệu:

(*) Kinh Đại Bát Niết Bàn, bản Hán Tạng, do Cổ Đại lão HT. Thích Trí Tịnh chuyển dịch sang Việt ngữ. (**) Phẩm Thánh Hạnh.

(***) Phẩm Như Lai Tánh.

(****) "Thường Lạc Ngã Tịnh" (Thơ Thông Triệt) – Trang nhà Tánh Không.



CÔI VÔ THƯỜNG

*Ta trót mang thân phận người lữ thứ
Nghiệt ngã xoay vần kiếp phong sương
Cánh lá úa vàng bay về nguồn cội
Chốn nhân gian chỉ một kiếp vô thường*

*Bồi dẫu thân ta sinh từ bụi cát
Giàu nghèo, sang hèn cũng chẳng nghĩa chi
Giã biệt trần gian lại về cát bụi
Xuôi đời tay ta mang được những gì?*

*Sống yêu thương cho đời vui thanh thản
Đời an nhiên vui nhẹ gánh ưu phiền
Bớt sân si thân tâm hướng an lạc
Từ bi, hỷ xả niệm phút bình yên*

*Sẽ nhẹ nhàng giữa trời mây gió lộng
Đời vô thường, lẽ tự nhiên chẳng thay
Ngày qua ngày ta cảm ơn Trời Phật
Qua đêm dài, lại nắng ấm ban mai.*

thơ NHẬT QUANG

LƯỢM ĐƯỢC TIỀN

Một người nghèo đang đi đường
Bỗng nhiên lượm được túi vàng đánh rơi
Lòng mừng không nói nên lời
Y bèn ngồi lại ngay nơi bên lề
Lấy vàng ra đếm thoả thê
Loay hoay đang đếm chưa hết xong xuôi
Thời người chủ túi vàng rơi
Đã quay lại kiếm và đòi vàng kia
Y đành trả hết còn chi
Để rồi buồn khổ nghĩ suy trong lòng:
“Nếu ta đếm cho mau xong
Rồi chuồn đi sớm đã không mất vàng
Chủ nhân đến thời muộn màng
Tiền vàng khá lớn dễ dàng phân ta.”

*

Nhiều người trong cõi ta bà
Được gần Tam bảo vậy mà uổng sao
Nghệp lành chẳng chịu tu nào
Để cầu giải thoát khỏi bao muộn phiền
Bụi đời lôi cuốn triền miên
Tháng ngày quanh quẩn trong miền khổ đau
Khi vô thường đến thật mau
Ăn năn hối hận còn đâu kịp thời.

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)

PICKING UP MONEY

Once upon a time, there was a poor man who picked up a sack of money in the streets. He was overwhelmed with happiness. Then he began to count the money. Suddenly, the real owner of the money showed up. He had to give back the whole sack. He regretted not having gone off to a far away place sooner. He felt great pain for his loss.

This is also held to be true with people who come into contact with Buddhism.

Although people have the opportunity to meet the Three Precious One's Blessings, if they are not earnestly good works in time, they will fall into the Three Evil Paths of Transmigration after their deaths. He is just like that stupid man who gave back the money that he had found. As the Stanza has it:

People, who are managing this business today, will plan another tomorrow.

Only thinking of enjoyment without contemplating sorrow. Can make a man unaware of the impermanence of death.

However, they are busily occupied in their worldly affairs.

The common people always retard to get deliverance like that man counting the money.

(Trích từ “Akyyamuni's One Hundred Fables” do TETCHENG LIAO,
Tiến Sĩ Luật Khoa Viện Đại Học Paris, dịch)



Ngày gặp phụ vương

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Sau khi gặp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo, Ngài thuyết pháp ở vườn Lộc Uyển xong, lần lần đi truyền giáo các nơi, rồi thuận đường hành hóa, Đức Phật đến nước Ca Tỳ La Vệ.

Được tin trước, vua Tịnh Phạn cảm mừng vô hạn, rồi tất cả hoàng gia cũng như toàn dân Ấn Độ đều sửa soạn rước Phật trong niềm hân hoan đặc biệt.

Từ khi vượt thành xuất gia, cho đến ngày thành đạo, thăm thoát hơn hai mươi năm, hôm nay Ngài trở về, với một tấm cà sa, một bình bát đất, Đức Phật khoan thai để chân lên đất nước thân yêu. Đức độ tử bi của Phật cảm thông cả ngọn cỏ ngàn cây, nên Ngài đặt chân đến đâu thì hoa lá tươi thêm cây cối xanh tốt. Còn từng rừng người, từng loạt sóng người đã nức lên vì cảm động trong lúc người đi ngang qua.

Thế là chiều hôm đó, vua Tịnh Phạn thỉnh Phật thuyết pháp tại hoàng cung. Ngài ngự trên pháp tọa cao, dung nghi đỉnh đạc; hào quang của Phật chiếu tỏa một màu sáng dịu.

Khi ấy vua Tịnh Phạn liền đứng dậy đến trước Phật đánh lễ rồi bạch:

- Kính cẩn bạch đấng Vô

Thượng Sư! Tôi nay già cả xin Ngài chỉ cho một phương pháp tu hành để được giải thoát các khổ lão, bệnh, tử.

Đức Phật cúi người khi thấy phụ hoàng đầu bạc da nhăn, chân bước run run. Than ôi, tất cả khí tượng hiên ngang của vị đế vương oanh liệt lúc thiếu thời, nay còn đâu nữa. Thế Tôn thương xót, Ngài đứng dậy đỡ phụ hoàng ngồi xuống và ôn tồn bảo:

- Kính tâu phụ hoàng, từ khi Tất Đạt Đa xuất gia cho tới ngày thành đạo, trên đường truyền giáo pháp đề A Nan thường bị ngoại đạo phỉ báng: "Thầy người bất hiếu, bạc tình, chúng ta không phục". Kính tâu Phụ hoàng, ngoại đạo vô tri chỉ thấy cái hiếu tằm thường cạn cợt, không biết Như Lai quyết đi tìm một món quà vô giá để dâng phụ hoàng và ban khắp chúng sanh, mà Da Du cũng có một phần trong đó. Món quà vô giá chính là cầu phụ hoàng hỏi đây.

Kính tâu phụ hoàng! Tất cả các pháp đều vô thường, công danh như bọt, tình ái như mây, tuổi trẻ qua mau như làn điện chớp, thế mà chúng sanh chỉ bám víu theo các pháp vô thường, mà

quên cái thường còn của mình là "Phật tánh". Tàu phụ hoàng, chúng sanh đều có Phật tánh, nên ai cũng có thể phát triển khả năng thành Phật cả. Những phương pháp để phát triển khả năng thành Phật có nhiều lỗi, song chỉ có Pháp môn niệm Phật là thuận tiện và dễ dàng hơn hết. Như Lai khi thành Chánh giác đã dùng Phật nhãn xem khắp

thế giới trong mười phương, thì chỉ có thế giới "Cực Lạc" là an vui hơn cả. Đấng Chánh biến tri ở nước Cực Lạc hiệu là A Di Đà từ kiếp xa xưa, trong lúc tu nhân Ngài đã phát 48 lời nguyện, trong ấy có lời nguyện: "Nếu chúng sanh trong tất cả mười phương, người nào phát tâm tin tưởng, phát chí tâm niệm danh hiệu ta, người ấy khi lâm chung chắc chắn được vãng sanh, nếu không như nguyện ta thì không thành Chánh giác".

Tâu phụ hoàng! "Cực Lạc" là một thế giới an vui, chúng sanh về bên ấy chẳng những không còn bị khổ: già, bệnh, chết, oán tăng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc... mà cũng không bao giờ thấy khổ, nghe khổ. Cõi nước thanh tịnh đầy đủ trợ duyên để chúng sanh tu hành chóng được thành tựu đạo quả.

Kính tâu phụ hoàng! Thập phương Như Lai tu hạnh thành Phật, nói lời đúng đắn lợi ích chúng sanh. Vậy phụ hoàng và tất cả Thích chúng nên tin tưởng, thật hành Pháp môn niệm Phật, thì chắc chắn sẽ được thoát các khổ: sanh, lão, bệnh, tử..."

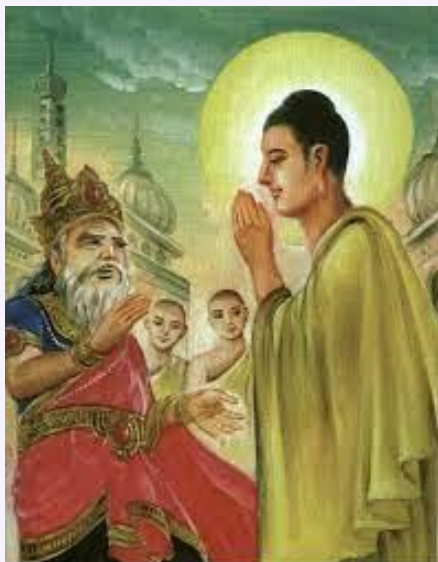
Khi vua Tịnh Phạn, Di mẫu và Da Du Đà La cùng tất cả Thích chúng được nghe pháp âm của Phật đều phát tín tâm mạnh mẽ, liền chứng "Vô sanh pháp nhẫn".

Thế Tôn mỉm cười thuyết bài kệ:

"Thích chúng có trí tuệ, nghe pháp của Như Lai phát tâm chuyên niệm Phật, người ấy khi mạng chung, quyết sanh về Cực Lạc, được thấy Phật A Di Đà, Quan Âm cùng Thế Chí, chắc chắn thành Bồ Đề".

Thích Nữ CÁT TƯỜNG

Cung phụng cha mẹ sung sướng một đời chưa gọi là hiếu, làm cho cha mẹ đời đời an vui mới là chí hiếu.





THỰC PHẨM VÀ HẠT PHÓNG XẠ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Từ sau khi thiên tai động đất mang tai họa đến cho những con dân vùng cảm xứ Mặt Trời Mọc, tại một thị trấn nhỏ ven biển miền đông nước Nhật, thì dân chúng khắp nơi đều bày tỏ cảm tình, chia sẻ niềm đau của họ. Những lời cầu nguyện, những hỗ trợ tinh thần, vật chất đều tới tấp gửi tới, kể cả lời ca ngợi sự kiên tâm bình tĩnh, trật tự và kỷ luật của dân chúng địa phương, từ người cứu giúp lẫn nạn nhân. Trên blog Kênh Bắc Giang một bạn trẻ viết rằng: "Người Nhật đang dạy chúng ta một điều rằng trong mọi khó khăn ta phải có niềm tin. Và chính niềm tin của người Nhật sẽ đưa Nhật thoát khỏi thảm họa này một cách kỳ diệu. Niềm tin của họ có sức lay động toàn thế giới và mong rằng niềm tin ấy sẽ lay động được bạn, để mong bạn chung tay giúp đỡ người Nhật củng cố niềm tin vào con người, rằng chúng ta đang làm tất cả những gì chúng ta có thể. Việc còn lại là nguyện cầu nữa thôi".

Đồng thời nhiều người phương xa cũng tỏ vẻ lo ngại khi được tin mấy lò nguyên tử sản xuất điện năng đang ở trong tình trạng rò rỉ, gây bất ổn thêm cho sức khỏe cũng như thực phẩm thảo động vật. Bà con người mình cũng e ngại không kém, cho nên xin gửi tài liệu này để kính tường. Bài viết dựa vào các dữ kiện do cơ quan y tế uy tín như CDC, Đại học Idaho phổ biến rộng rãi.

Trước hết, là tình hình các lò nguyên tử tại Nhật vào ngày hôm nay 22/3/2011.

- Có 6 nhà máy nguyên tử tại khu Fukushima Daichi thì 4 lò có vấn đề. Từ đó một lượng chất phóng xạ đã thoát ra ở ngay tại nhà máy với mức độ 400 millisieverts/giờ còn ở vùng kế cận là 10 millisieverts. Lưu ý là mỗi lần mình làm cat Scan bụng có 15 millisieverts thoát ra, X-ray cột sống có 1 millisieverts.

- Theo Cơ quan Y tế Thế giới: chưa có sự lan tỏa hạt phóng xạ vào các quốc gia lân bang xa gần.

- Có 2 loại phóng xạ thoát ra từ lò là caesium và iodine. Không có uranium và plutonium.

Chất caesium được thấm vào lớp đất và tồn tại khoảng 1 năm trong cơ thể.

Hạt iodine tự hủy hoại trong vài tháng và ở mức độ cao có thể gây ra ung thư tuyến giáp trạng (thyroid).

Chẳng hạn như tại nạn lò nguyên tử Chernobyl, bên Nga vào năm 1986 đã có khoảng 6000 ca ung thư thyroid được ghi nhận với 15 tử vong vào năm 2005. Dân chúng quanh Chernobyl là 17 triệu người.

Sau vụ thả bom nguyên tử xuống 2 thành phố Hiroshima và Nagasaki vào thế chiến 2 có 87,000 nạn nhân sống sót. Tới năm 1992, 40,000 người trong nhóm này mất phần nhưng chỉ có 690 người chết vì phóng xạ.

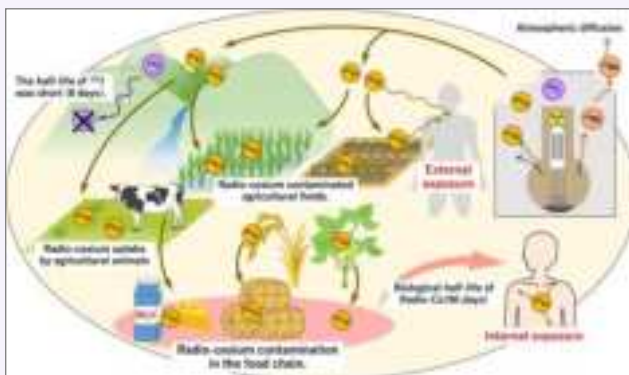
Trong khi đó, theo CDC, tại Hoa Kỳ mỗi năm có khoảng 70 triệu CT Scan được thực hiện, gây ra ung thư cho 29,000 người vào năm 2007

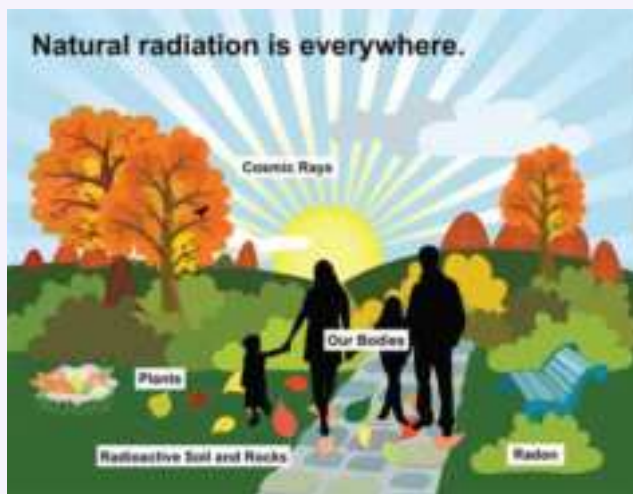
Rủi ro nhiễm hạt phóng xạ vào thực phẩm tại vùng thiên tai như rau và sữa cũng đã được ghi nhận nhưng theo các nhà chuyên môn, phải tiêu thụ 1 kg spinach để có một lượng phóng xạ tương đương với phóng xạ do CT Scan vùng bụng gây ra.

Theo các nhà khoa học, rủi ro bệnh gây ra do phóng xạ thoát ở Nhật còn rất thấp. Hiện nay, theo các báo cáo, Tokyo cách Fukushima hơn 200 cây số có mức độ phóng xạ cao hơn mức độ bình thường 10 lần và mỗi giờ người dân có thể bị nhiễm khoảng 0,809 microsievert (1/1000 millisievert), tương đương với 1/10 phóng xạ khi đi chụp X-quang. Bác sĩ chuyên khoa ung thư James Cox tại MD Anderson Cancer Center ở Houston cho hay số lượng phóng xạ trong các thực phẩm này không gây ra rủi ro sức khỏe tức thì cũng như có rất ít rủi ro về lâu dài cho loài người. Tiến sĩ Richard Wakeford, Đại học Manchester có cùng ý kiến.

Cũng lưu ý là Mỹ chỉ nhập cảng khoảng 0,4% thực phẩm từ Nhật cho nên xin bà con cứ yên tâm.

Thực ra, con người luôn luôn tiếp cận với phóng xạ vì chúng có tự nhiên trong thực phẩm, nước, đất và không khí. Ánh sáng, sóng vi ba mang tín hiệu radio, TV, nướng vi thực phẩm cũng do phóng xạ. Phóng xạ cũng được dùng trong việc kiểm soát hành lý tại phi trường, làm vỏ bánh xe bền hơn, trong y khoa, diệt vi trùng trong thực phẩm để cất giữ lâu hơn. Chỉ với việc sống trên trái đất này hoặc đơn giản là du hành trên một máy bay thì tất cả mọi người đều bị nhiễm một lượng nhỏ phóng xạ. Lượng phóng xạ tích tụ trong cơ thể mỗi con người trung bình vào khoảng 2,4 millisievert mỗi năm, thông thường trong khoảng từ 1 đến 10 millisievert tùy thuộc vào địa phương mà người đó sinh sống.





Nhân dịp này, xin nói thêm về Thực phẩm Rọi phóng xạ (Food Irradiation), là chuyện ăn uống mà nhiều bà con cũng thắc mắc. Vì trong tương lai gần, thực phẩm chế biến này sẽ rất phổ biến trên thị trường.

1-Tại sao lại chiếu rọi hạt phóng xạ vào thực phẩm?

Rọi phóng xạ vào thực phẩm là một kỹ thuật an toàn và mới có thể loại trừ bệnh gây ra do vi khuẩn, nấm độc, sâu bọ trong thực phẩm. Các vi sinh vật này thường làm thối rửa hư hao thực phẩm. Kỹ thuật này cũng được dùng để khử trùng trong y học. Thực phẩm mà các phi hành gia không gian Hoa Kỳ dùng cũng đã được rọi phóng xạ để tránh nhiễm trùng trên không gian..

Tác dụng của phóng xạ vào thực phẩm đã được nghiên cứu kỹ càng và được chứng minh rằng:

- Vi sinh vật gây bệnh bị giảm thiểu hoặc loại trừ.

- Thực phẩm không bị nhiễm phóng xạ

- Không có chất độc hại nào xuất hiện trong thực phẩm

- Giá trị dinh dưỡng của thực phẩm hoàn toàn không thay đổi.

An toàn vì tại Hoa Kỳ các cơ quan hữu trách liên bang và các nhà khoa học đều xét đoán mức độ an toàn của các phương pháp rọi phóng xạ trước khi cho phép áp dụng. Các tổ chức như Cơ quan Y tế Thế Giới, Ủy ban Nguyên Tử Năng thế giới, Cơ quan CDC Hoa Kỳ, Bộ Canh Nông Hoa Kỳ và Cơ quan Thực Dược phẩm Hoa kỳ công nhận phương pháp này.

Khi dùng với rất ít hạt phóng xạ, sự mất mát chất dinh dưỡng không đáng kể và không đo lường được. Nếu dùng nhiều phóng xạ hơn để cất giữ thực phẩm lâu ngày hoặc để diệt hết vi khuẩn thì sự mất mát tương đương với nấu nướng hoặc làm đông lạnh. Với các phương pháp bảo quản khác, chất dinh dưỡng như vitamin có thể giảm.

Phương pháp này cũng, tương tự như khi dùng nhiệt, đông lạnh, hóa chất để diệt vi sinh vật gây bệnh. Làm như vậy cũng cất giữ thực phẩm được lâu hơn.

Thực ra, phóng xạ cũng không tiêu diệt được hết vi sinh vật gây hại, vì thế để an toàn, thực phẩm cần được cất giữ và nấu nướng đúng cách.

2-Rọi phóng xạ loại trừ được những bệnh nào?

Rọi phóng xạ thịt tươi sống tại lò sát sinh có thể loại trừ các vi khuẩn E. coli, Salmonella và Campylobacter. Các sinh vật này mỗi năm gây ra hàng triệu ca bệnh nhiễm và cả ngàn người phải nhập bệnh viện để điều trị. Ngoài ra, phóng xạ cũng loại trừ được loại vi khuẩn Toxoplasma là tác nhân gây bệnh trầm trọng của mắt và nhiễm trùng bẩm sinh.

3-Phóng xạ tác dụng lên thực phẩm bằng cách nào?

Như đã nói ở trên, phóng xạ không thay đổi giá trị dinh dưỡng của thực phẩm và cũng không làm thực phẩm trở nên nguy hại. Thực phẩm có thể hơi ẩm hơn và khi nếm có thể thấy vị hơi khác, chẳng khác chi vị của sữa khử trùng khác với sữa mới vắt từ con bò. Nếu thực phẩm còn tế bào sống như trong các loại hạt, khoai, động vật có vỏ (tôm, cua, sò, hến) thì các tế bào này sẽ bị hư hao hoặc hủy hoại tương tự như là vi sinh vật gây bệnh. Thí dụ, để vắt giữ khoai tây, phóng xạ sẽ ngăn không cho khoai nảy mầm. Một vài loại vitamin như B1 cũng giảm nhưng không gây ra thiếu sinh tố. Các chất đạm, chất béo không bị ảnh hưởng.

4-Thực phẩm nào đã được cho phép rọi phóng xạ.

Không phải là thực phẩm nào cũng thích hợp cho rọi phóng xạ. Chẳng hạn như sò, tôm, cua...có thể rọi được nhưng giá trị dinh dưỡng mất đi rất nhiều. Đôi khi phóng xạ cũng làm cho trứng gà, vịt trở lên đục lỏng như sữa.

Thực phẩm đã được cho phép rọi phóng xạ là bột mì, khoai tây, thịt heo, rau trái cây, gà vịt, thịt bò.

5-Liệu công chúng đã sẵn sàng tiêu thụ thực phẩm rọi phóng xạ chưa?

Cũng có nhiều giới tiêu thụ sẵn sàng dùng loại thực phẩm này, nếu nhà sản xuất nêu rõ mục tiêu của phương pháp. Chẳng hạn như để diệt vi sinh vật gây bệnh.

6-Làm sao nhận ra thực phẩm rọi phóng xạ?

Không thể nhận ra thực phẩm phóng xạ bằng nhìn, ngửi, nếm mà nhận diện qua hàng chữ "Treated with Radiation", hoặc "Treated by Irradiation. Bao bì chứa thực phẩm rọi phóng xạ cũng mang logo quốc tế "raduara".

Kết luận

Rủi ro gây bệnh do phóng xạ thất thoát ra ở vùng thiên tai bão lụt bên Nhật chưa có dấu hiệu gây nguy hiểm, bệnh tật cho cư dân. Tuy nhiên, cần tiếp tục theo dõi tình hình để đối phó kịp thời, nếu có bất thường trầm trọng xảy ra.

Con người vẫn thường xuyên tiếp thu một lượng rất nhỏ phóng xạ từ môi trường sinh sống.

Thực phẩm khử trùng bằng cách rọi phóng xạ an toàn và giữ đầy đủ chất dinh dưỡng.

Không nên quá sợ mà đi mua chất Potassium iode về uống để phòng tránh rủi ro ung thư tuyến giáp vì nhiễm phóng xạ từ Nhật bay sang. Chúng ta ở quá xa Nhật. Hơn nữa dùng Potassium iode không đúng chỉ định cũng gây nhiều rủi ro cho sức khỏe.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Đâu là Tận Cùng của Cô Đơn?

HUỖNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Có lẽ, không ai trên đời này mà không từng ít nhất một lần cảm nghiệm sự cô đơn. Nhiều người sợ hãi cô đơn, nhưng cũng có không ít người thích nó.

Thi sĩ và tiểu thuyết gia người Áo Rainer Maria Rilke (1875-1926) vào khoảng những năm từ 1902 đến 1908 đã viết cho một sinh viên 19 tuổi có tên là Franz Xaver Kappus (1883-1966) đang học tại Học Viện Quân Sự ở thành phố Vienna của Áo, mà sau đó người thi sĩ trẻ này đã tập hợp các lá thư của Rilke và in lại trong tác phẩm "Letters to a Young Poet" [Những Lá Thư Cho Một Thi Sĩ Trẻ]: "Điều cần thiết chỉ là điều này: sự cô đơn, sự cô đơn nội tâm bao la. Quay vào bên trong chính bạn và không gặp một ai trong nhiều giờ đồng hồ -- đó là điều bạn cần phải đạt được."

Lời lẽ trong đoạn trích ở trên là lời khuyên của thi sĩ Rilke dành cho chàng thi sĩ trẻ phải biết sống cô đơn và lặn sâu vào nội tâm bao la không cùng tận để tận hưởng nguồn sáng tạo vô biên cho sáng tác của mình.

Nhưng, các nghiên cứu về tâm lý trị liệu đối với sự cô đơn nói rằng cô đơn là một trạng thái tâm lý không tốt cho sức khỏe tinh thần và thể xác, có nguy cơ dẫn tới trầm cảm, và đôi khi thậm chí dẫn tới hành động kết liễu sự sống.(1)

Như vậy, cảm nhận sự cô đơn hoàn toàn tùy thuộc từng cá nhân để có các hậu quả tốt hay xấu, tiêu cực hay tích cực. Và ngay cả nơi cùng một người mà có cảm nhận sự cô đơn tiêu cực hay tích cực khác nhau tùy theo từng trường hợp, từng hoàn cảnh, và tâm trạng. Trong Truyện Kiều, thi hào Nguyễn Du đã mô tả tâm trạng cô đơn của Kiều khi bị Tú Bà giam cầm trong lầu Ngưng Bích:

"Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ."

Cô đơn và cô độc

Chuyên gia phục hồi tâm lý và là tác giả của cuốn sách "Everything Psychology Book" Kendra Cherry lưu ý rằng cần phân biệt giữa cô đơn (loneliness) và cô độc (solitude). Bà nói cô đơn thì không tốt cho tinh thần và thể xác, trong khi cô độc thì lại có nhiều ích lợi cho sức khỏe tinh thần, bao gồm việc giúp con người tập trung tốt hơn.

Bà cho biết cô đơn tạo cảm giác bị cô lập dù rất muốn có liên kết với xã hội. Nó thường được hiểu như là sự cách ly không tự nguyện, sự từ chối hay loại bỏ bởi người khác. Ngược lại, bà cho rằng cô độc là sự tự nguyện. Những người thích thú sống một mình vẫn tiếp tục giữ các mối quan hệ xã hội tích cực mà họ có thể quay về khi họ muốn nối kết. Họ vẫn dành thời gian cho những người khác, nhưng những tương tác này được quân bình với thời gian sống cô độc của họ.(2)

Kendra Cherry thì sử dụng hai chữ trong

tiếng Anh loneliness và solitude để chỉ sự khác nhau giữa cô đơn và cô độc; nhưng triết gia Ấn Độ nổi tiếng thế giới trong thế kỷ 20 là Jiddu Krishnamurti (1895-1986) thì dùng hai chữ tiếng Anh loneliness (cô đơn) và aloneness (cô độc) để nói lên sự khác biệt giữa cô đơn và cô độc.

Theo triết gia người Krishnamurti, cô đơn (loneliness) là kết quả của sự ảnh hưởng và bản thân rất dễ bị uốn nắn; nhưng cô độc (aloneness) thì không phải là kết quả của bất cứ sự ảnh hưởng nào. Nó là sự thoát khỏi hoàn toàn tất cả ảnh hưởng: ảnh hưởng của vợ hay chồng, của Quốc gia, của những gì bạn đã đọc, của nhà thờ và truyền thống, của những đòi hỏi vô thức trong chính bạn. Sự cô độc cũng hoàn toàn thoát khỏi điều đã được biết. Do vậy có khả năng thụ hưởng sự học hỏi, nó đến khi chúng ta hiểu toàn bộ tiến trình của đời sống.(3)

Ba loại cô đơn

Tiến Sĩ Suzanne Degges-White, nhà tư vấn và giáo sư tại Đại Học Northern Illinois University, phân tích có 3 loại cô đơn: Cô đơn hiện sinh (existential loneliness), cô đơn xúc cảm (emotional loneliness), và cô đơn xã hội (social loneliness).(4)

1/ Cô đơn hiện sinh: Từ quan điểm hiện sinh, một số cô đơn hiện sinh thì tốt cho tâm hồn, và nó là một phần tất yếu trong kinh nghiệm của con người. Nhưng, cô đơn có khuynh hướng khuấy động các cảm giác tiêu cực, và trong khi có những cô đơn có thể hữu ích cho việc sáng tạo, những cô đơn khác đôi khi chúng ta không thích và muốn tránh càng nhiều càng tốt.

2/ Cô đơn xúc cảm: Loại cô đơn này khởi sinh từ cảm nghĩ rằng bạn mất các mối quan hệ hay những gắn bó. Bạn có thể trải nghiệm cô đơn xúc cảm khi bạn thấy mọi người trong nhóm của mình đều có bạn đồng tình còn bạn thì không. Cô đơn xúc cảm có thể được cảm nhận khi bạn cần người nào đó để tâm sự điều gì đó đang xảy ra trong đời bạn, nhưng cảm thấy rằng mình không tìm được ai. Bạn có thể cảm thấy cô đơn vì mất đi một người nào đó trong đời mình, một người bạn thân, cha mẹ, anh em, v.v...

3/ Cô đơn xã hội: Loại cô đơn này xảy ra khi bạn cảm thấy mình cô độc trong một nhóm người. Cô đơn xã hội cũng xảy ra ngay khi bạn đang có mối quan hệ tình cảm lãng mạn với người yêu mà bạn quý. Bạn cũng có thể có cảm giác cô đơn khi bạn bước vào một bữa tiệc mà không nhận ra có người nào quen thuộc và cũng không thấy thoải mái với những người mới. Bạn không cảm thấy sự hiện diện của mình có giá trị trong một đám đông thì bạn cũng có thể trải nghiệm sự cô đơn xã hội.

Tiến Sĩ Suzanne Degges-White cảnh giác rằng ngày nay nhiều người dành thời gian để kết nối với một thiết bị hay với mạng lưới kỹ thuật số



Có người sợ cô đơn nhưng cũng có người thích cô đơn. (Photo: www.pixabay.com)

hơn là dành thời gian cho sức khỏe cặp mắt, trái tim và xúc cảm lạnh mạnh. Bà cho biết rằng một nghiên cứu (Primack, Shensa, Sidani, Miller, 2017) cho thấy số người sử dụng truyền thông xã hội cao nhất cũng được báo cáo là mức cô đơn xã hội cao nhất, mà thế hệ Gen Z là tiêu biểu.

Gen Z là thế hệ cô đơn nhất

Ryan Jenkins, tác giả cuốn "Connectable: How Leaders Can Move Teams From Isolated to All In" [Có Thể Nối Kết: Làm Sao Những Nhà Lãnh Đạo Có Thể Đem Các Nhóm Tách Rời Để Nhập Chung Lại], sách bán chạy nhất trong danh sách của Nhật báo Wall Street Journal, nói rằng 75% người thuộc Thế Hệ Z (sinh từ năm 1997 tới 2012, theo nghiên cứu của Pew Research Center) thỉnh thoảng hoặc thường xuyên cảm giác cô đơn, mức cao nhất trong tất cả các thế hệ. (5)

Ryan Jenkins cho biết chỉ có 45% người thuộc Thế Hệ Z nói rằng họ có sức khỏe tinh thần "tuyệt vời" hay "rất tốt," là mức thấp nhất trong bất kỳ thế hệ nào trước đó. 91% người trưởng thành của Gen Z nói rằng họ đã từng trải ít nhất một triệu chứng thể xác hay xúc cảm do căng thẳng gây ra, như cảm thấy trầm cảm và buồn rầu (58%), hay không còn hứng thú, động lực, hay năng lực (55%). Và 68% người thuộc Thế Hệ Z nói rằng họ cảm thấy nhiều lo lắng cho tương lai.

Trong một nghiên cứu đối với 2,000 công nhân trên toàn cầu thuộc tất cả các thế hệ -- trước và sau đại dịch -- Ryan Jenkins cho biết rằng có tới 72% người được thăm dò nói họ đã trải nghiệm sự cô đơn ít nhất là hàng tháng, mà trong đó Thế Hệ Z là thế hệ cô đơn nhất.

Ryan Jenkins nêu ra 3 nguyên nhân khiến cho Thế Hệ Z trở thành thế hệ cô đơn nhất như sau:

1/ Sự quá mức: Jenkins cho rằng ngày nay mọi người đều bị chi phối bởi việc làm, việc nhà cửa, sự tiến bộ, truyền thông xã hội, các hoạt động của ngày hôm nay, những cam kết của ngày mai, và rồi việc giảm căng thẳng từ tất cả. Những chi phối của chúng ta đang nuốt chửng các nguồn nhận thức, chẳng để lại gì cho chúng ta để tập trung vào những thứ khác. Hàng ngày chúng ta chọn đọc email bằng quơ thay vì đồng cảm, chọn TikTok thay vì cảm xúc, chọn tin nhắn thay vì xúc

chạm, hay chọn Instagram thay vì gặp mặt trực tiếp. Chính vì thế đã làm cho Thế Hệ Z ngày càng có ít thời gian hơn để nối kết với con người và do đó họ cảm thấy cô đơn nhiều hơn.

2/ Truyền thông xã hội: Nghiên cứu của Ryan Jenkins cũng cho thấy rằng càng lao vào truyền thông xã hội càng nhiều thì người sử dụng càng cảm thấy cô đơn, cô độc, bị bỏ lại, và không có bạn bè.

Ngược lại, theo phó giáo sư xã hội học tại Đại Học Wollongong ở Úc Roger Patulny thì sự tiếp cận với truyền thông xã hội không hoàn toàn chỉ đưa tới kết quả tiêu cực là sự cô đơn mà cũng có tác dụng giảm thiểu sự cô đơn trong số những người có tính xã hội cao. Vì sao? Patulny giải thích rằng, "Truyền thông xã hội có hiệu quả nhất trong việc giải quyết sự cô đơn khi nó được sử dụng để nâng cao các mối quan hệ đang hiện hữu hay dẫn tới những nối kết có ý nghĩa mới. Nói cách khác, sẽ là phản tác dụng nếu nó được sử dụng như là một thay thế cho sự tương tác xã hội trong đời thực. Vì thế, vấn đề không phải nơi chính truyền thông xã hội mà là cách chúng ta kết hợp nó vào cuộc sống hiện hữu của chúng ta mới tạo ra cô đơn." (6)

Tuy nhiên, Jenkins cũng cho biết rằng những nối kết trực tuyến có chất lượng cao để giảm cô đơn cho Thế Hệ Z thì rất hiếm hoi.

3/ Thay đổi sự tùy thuộc: Cũng theo Jenkins, nhân loại một cách tự nhiên là tùy thuộc lẫn nhau. Tuy nhiên, chúng ta không còn tương quan như đã từng trước đây. Trong quá khứ, nếu vòi nước trong nhà bạn bị chảy nước thì bạn có thể gõ cửa nhà hàng xóm để nhờ giới thiệu thợ sửa ống nước. Ngày nay, bước đầu tiên mà bạn làm là mở YouTube và tìm hiểu cách làm sao để sửa vòi nước chảy rồi tự làm. Thế Hệ Z tìm kiếm sự hiểu biết qua Google hay YouTube. Điều này không phải là xấu mà còn hữu ích và giản tiện. Nhưng khi chúng ta ngày càng chuyển sự tùy thuộc sang kỹ thuật, máy tự động, và thông minh nhân tạo thay vì tương tác với con người thì chúng ta càng cảm thấy cô đơn hơn.

Nhưng một vấn đề được đặt ra ở đây là có cách nào để đối trị hay chuyển hóa sự cô đơn không? Bằng kiến giải và kinh nghiệm tu tập trong Phật Giáo, Ni Trưởng Pema Chödrön -- người Mỹ xuất gia theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng với Đại Sư Chögyam Trungpa, người sáng lập Đại Học Naropa tại tiểu bang Colorado, Hoa Kỳ -- đã nêu ra 6 cách chuyển hóa cô đơn.

6 cách chuyển hóa cô đơn

Ni Trưởng Pema Chödrön đã cụ thể hóa việc chuyển hóa nỗi cô đơn bằng 6 phương thức (7). Ni Trưởng Pema Chödrön nói rằng có 6 cách để chuyển hóa cô đơn: thiếu dục, bằng lòng, tránh hành động không cần thiết, kiểm soát hoàn toàn, không lang thang trong thế giới dục vọng, và không tìm kiếm an toàn từ những suy nghĩ lan man của con người.

1/ Thiếu dục: Là sẵn sàng cô đơn mà không cần giải quyết khi mọi thứ trong chúng ta mong muốn một điều gì đó để phấn khởi và thay đổi tâm trạng của chúng ta. Thực hành loại cô đơn này là cách gieo hạt giống để sự bất an cơ bản giảm thiểu. Sau khi chúng ta thực hành thiếu dục một cách toàn tâm và kiên định, điều gì đó sẽ thay đổi. Chúng ta cảm thấy ít muốn trong ý

nghĩa ít bị quyến rũ hơn. Như Thiền Sư Katagiri (1928-1990) thường nói, 'Con người có thể cô đơn và không bị nó đánh gục'.

2/ Bể lòng: Khi chúng ta không có gì thì chúng ta không có gì để mất. Chúng ta không có bất cứ thứ gì để mất ngoài việc được lập trình sẵn trong lòng để cảm thấy chúng ta có nhiều điều để mất. Sự cảm giác rằng chúng ta có nhiều điều để mất được bắt rễ trong sự sợ hãi – về sự cô đơn, về sự đổi thay, về bất cứ gì không thể được giải quyết, về sự không hiện hữu. Bể lòng đồng nghĩa với cô đơn. Chúng ta từ bỏ niềm tin rằng có thể thoát khỏi sự cô đơn của chúng ta sẽ đem đến bất cứ hạnh phúc lâu dài hay niềm vui hay cảm giác hạnh phúc hay sự can đảm hay sức mạnh. Thường chúng ta phải bỏ đi niềm tin này hàng tỉ lần rồi thì điều gì đó bắt ngờ thay đổi. Chúng ta có thể cô đơn mà không cần cái gì thay thế khi có sự bể lòng với những gì đang xảy ra.

3/ Tránh những hành động không cần thiết: Khi chúng ta cô đơn dữ dội, chúng ta thường tìm kiếm thứ gì đó để cứu mình; chúng ta tìm cách thoát khỏi nó. Chúng ta có cảm giác khó chịu mà chúng ta gọi là cô đơn, và tâm trạng của chúng ta cố gắng điên cuồng để tìm ra bề bộn để cứu chúng ta khỏi tuyệt vọng. Điều đó được gọi là hành động không cần thiết. Nó là cách làm cho chúng ta bận rộn để chúng ta không phải cảm thấy đau đớn. Chúng ta có thể nào ngưng cố gắng trốn chạy khỏi cô đơn với chính mình không? Chúng ta có thể nào không trốn chạy và níu bắt thứ gì đó khi chúng ta bắt đầu bị hoảng loạn? Thứ giãn với cô đơn là việc làm có giá trị.

4/ Kiểm soát hoàn toàn: Có nghĩa là ở mọi cơ hội, chúng ta đều muốn quay trở lại, chỉ nhẹ nhàng quay trở lại khoảnh khắc hiện tại. Chúng ta sẵn sàng ngồi yên, ngay ở đó, một mình. Đặc biệt chúng ta không phải nuôi dưỡng loại cô đơn này; chúng ta chỉ ngồi yên đủ lâu để nhận ra mọi việc thực sự như thế nào. Cơ bản chúng ta đơn độc và không có gì ở bất cứ đâu để bám víu. Điều này cho phép chúng ta cuối cùng khám phá ra một trạng thái hiện hữu hoàn toàn không bị giả tạo. Quay trở lại và thư giãn với điều gì đó quen thuộc như cô đơn là kiểm soát tốt để nhận ra chiều sâu của những khoảnh khắc chưa được giải đáp trong cuộc sống của chúng ta.

5/ Không lang thang trong thế giới dục vọng: Lang thang trong thế giới dục vọng là đi tìm những cách thay thế, tìm điều gì đó để làm cho chúng ta thoải mái – thức ăn, nước uống, con người. Chữ dục vọng bao gồm phẩm chất nghiện ngập, cách mà chúng ta bám víu thứ gì đó bởi vì chúng ta muốn tìm cách làm cho mọi thứ ổn thỏa. Không lang thang trong thế giới dục vọng là liên quan trực tiếp với cách mọi thứ đang là. Cô đơn không phải là vấn đề. Cô đơn vốn không có gì để được giải quyết. Tương tự như vậy đối với bất cứ kinh nghiệm nào khác mà chúng ta có.

6/ Không tìm kiếm an toàn từ những suy nghĩ lan man của con người: Chúng ta ngay cả không tìm kiếm sự đồng hành trong cuộc trò chuyện [suy nghĩ] liên tục của chúng ta với chính mình về việc nó như thế nào và nó không như thế nào, nó là như vậy hay nó không là như vậy, nó nên hay không nên, nó có thể hay không thể. Với cô đơn, chúng ta không mong đợi sự an toàn từ cuộc trò chuyện [suy nghĩ] nội tâm của chính mình. Đó là lý do tại sao chúng ta được hướng dẫn trong lúc thực



Thế Hệ Z là thế hệ cô đơn nhất. (Photo: www.pixabay.com)

hành thiền để đánh nhãn lên nó là "suy nghĩ." Nó không có thực tại khách quan. Nó là trong suốt và không thể nắm bắt được. Chúng ta được khuyến khích chỉ chạm vào cuộc trò chuyện [suy nghĩ] đó và để nó đi qua, đừng làm gì thêm nữa. An trú ở cô đơn cho phép chúng ta nhìn một cách chân thật và không phóng đại vào chính tâm thức của mình. Chúng ta có thể từ từ bỏ đi các ý tưởng của chúng ta về người mà chúng ta nghĩ mình phải là, hay người mà chúng ta nghĩ chúng ta muốn được là, hay người mà chúng ta nghĩ người khác nghĩ chúng ta muốn được là hay phải là. Chúng ta bỏ hết và chỉ nhìn trực diện vào người của chúng ta với lòng từ bi và khôi hài. Rồi thì cô đơn không còn đe dọa và đau khổ, không còn trừng phạt.

Không phải ai cũng sợ cô đơn

Đối với nhiều người, cô đơn là trạng thái tâm lý tiêu cực cần phải tránh xa, nhưng đối với không ít người khác, nhất là giới văn nghệ sĩ, cô đơn là chất liệu cần thiết cho sự sáng tạo.

Trong lúc sáng tác, nhà văn hay nhà thơ không thích bị quấy rầy bởi người khác hoặc bởi ngoại cảnh chung quanh vì nó làm phân tâm người viết. Trong lúc sáng tác, nhà văn nhà thơ sống trong cõi rất riêng tư của chính họ. Văn sĩ người Mỹ Ernest Miller Hemingway (1899-1961), trong bài diễn văn đọc lúc nhận Giải Nobel Văn Chương vào tháng 10 năm 1954 đã nói rằng:

"Viết, tốt nhất là sống cô đơn. Các tổ chức cho các nhà văn làm giảm bớt sự cô đơn của nhà văn nhưng tôi nghi ngờ có phải họ cải thiện được việc viết lách không. Nhà văn phát triển trong tầm vóc công chúng khi ông ấy rũ bỏ sự cô đơn của mình và thường thì công việc viết lách của ông ấy bị sa sút. Để ông ấy sáng tác trong cô độc và nếu ông ấy là nhà văn đủ tài thì ông ấy phải đối mặt với sự bất diệt, hay đánh mất nó, mỗi ngày." (8)

Không phải chỉ có nhà văn Hemingway là sống cô độc khi sáng tác nhiều tuyệt tác, có nhiều nhà văn nhà thơ khác cũng sống cô độc để sáng tác. Chẳng hạn, nhà văn người Mỹ Henry David Thoreau (1817-1862) đã sống trong một túp lều ở bờ hồ Walden Pond để viết tác phẩm "Walden"; nhà văn người Anh George Orwell (1903-1950) đã sống cô độc trên đảo Hebridean của Tô Cách Lan để viết cuốn "1984"; và nhà văn người Mỹ Mark Twain (1835-1910) dựng một túp lều ở cuối mảnh

đất của ông và cắm mọi người vào đó để ông sáng tác.

Trong nền văn học Việt Nam, nhà thơ Hàn Mặc Tử (1912-1940) đã sống trong cô đơn tận cùng vì mang bệnh hiểm nghèo. Cõi thơ của ông vì vậy bằng bạc nổi cô đơn. Chẳng hạn, trong bài thơ "Một Cõi Quên," ông viết:

*"Đêm ấy lại đêm thức với trăng
Mưa ngoài hiên lạnh ắt đáng Hằng
Cô đơn! Ừ nhỉ, chừng quanh quẽ
Đêm rất riêng mình – Một cõi quên!..."*

Nhà văn Mai Thảo, một trong những thành viên sáng lập của nhóm văn học nghệ thuật Sáng Tạo tại Sài Gòn vào thập niên 1950s đến đầu thập niên 1960s, cũng là một nhà văn cô đơn. Theo lời kể của nhà văn Nguyễn Mộng Giác trong bài viết "Nỗi Cô Đơn Lớn Của Mai Thảo" đăng trong Tạp chí Văn Học số 143, tháng 3 năm 1998:

"Mai Thảo tự phác hoạ chính xác chân dung của anh, hay nói đúng hơn, chân dung nỗi cô đơn lớn lao của anh:

*Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cảnh không hay
Vắng trắng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy"* (9)

Đâu là tận cùng của cô đơn?

Trong bài giảng tại thành phố Bombay, Ấn Độ vào năm 1981, triết gia Jiddu Krishnamurti đã nói như sau:

"Tại sao chúng ta quá cô đơn? Tôi không biết các bạn đã có từng trải nghiệm trạng thái cô đơn, cô lập, không có mối quan hệ nào hết với những người khác hay chưa. Có lẽ một số hay hầu hết trong các bạn đã từng kinh nghiệm điều này rồi. Và nếu chúng ta không hiểu được sự cô đơn thì những hành động của chúng ta sẽ bị sai lạc. Vì thế chúng ta không chỉ đang tìm hiểu hành động mà còn sự cô đơn, mà hủy diệt, phá vỡ, làm sai lạc tất cả mối quan hệ trong hành động. Cô đơn là gì? Tại sao chúng ta quá coi trọng mình?"

"Tại sao chúng ta chỉ sống cho chính mình? Chúng ta có thể có bạn bè, lập gia đình và những thứ khác, nhưng chúng ta thường xuyên chỉ quan tâm đến chính mình. Những hành động của chúng ta đều ích kỷ: tham vọng, tham lam, đồ kỵ, đau khổ, hung hăng. Điều đó khá rõ ràng. Có phải đó là gốc rễ của sự cô đơn sâu xa này của con người? Và có thể nào sự cô đơn biến mất hoàn toàn hay không?"

"Khi có sự tổn thương, sự tổn thương tâm lý, thì bất cứ hành động nào diễn ra đều không thể tránh bị ảnh hưởng bởi sự tổn thương đó. Chúng ta bị tổn thương rất nặng, không chỉ là vì những điều nhỏ nhặt mà là sự tổn thương sâu xa để không thể nào thực hiện được, không thể nào đạt được, không thể nào trở thành điều gì đó được. Chúng ta tổn thương rất trầm trọng, và sự tổn thương đó ảnh hưởng đến các hành động của chúng ta. Bạn không thể chạy trốn hành động sai lạc nếu bạn đang bị tổn thương. Điều đó có nghĩa là, cho đến bao lâu bạn có được hình ảnh về chính bạn, thì bạn sẽ tiếp tục bị tổn thương. Tất yếu như vậy. Và khi có sự tổn thương, thì hành động sẽ là phá hoại, sẽ mang đến xung đột. Có thể nào tình giác đối với sự cô đơn này và không chạy trốn nó, mà ở lại với nó: không uống rượu, không cầm lấy cuốn sách, không vội vã tìm kiếm vài hình thức giải trí nào đó, mà một cách toàn triệt, không có

bất cứ khởi động tư tưởng nào, kham nhẫn với cảm giác cô đơn hoàn toàn? Rồi bạn sẽ thấy, nếu bạn làm được điều đó, cảm giác cô đơn sẽ hoàn toàn biến mất, bởi vì chính tư tưởng tạo ra cảm giác cô đơn." (10)

Trong bài giảng tại Ojai vào năm 1973, triết gia Krishnamurti nói rằng: *"Khi bạn nhìn vào sự cô đơn đó, có phải là bạn đang nhìn nó như một người quan sát khác với cái mà bạn gọi là cô đơn? Phải chăng bạn đang quan sát nó như là một người bên ngoài nhìn vào, hay như một người quan sát là cái bị quan sát? Khi bạn nói, 'Tôi giận dữ,' thì sự giận dữ khác với bạn, đúng không? Rõ ràng là không. Bạn là sự giận dữ. Như thế khi bạn quan sát sự cô đơn đó, không có sự trốn chạy nhưng mà bạn đang thực sự tiếp xúc với nó, thì người quan sát là cái được quan sát. Rồi không có động thái trốn chạy hay sự lý giải, và do đó hoàn tất việc quán thông sự cô đơn đó, chấm dứt nó."* (11)

Để ý câu nói của Krishnamurti rằng, "người quan sát là cái được quan sát." Điều này giống như Đức Phật dạy rằng, "...trong cái được thấy chỉ là cái được thấy, trong cái được nghe chỉ là cái được nghe..." (12) tức là chỉ quan sát sự cô đơn bằng tâm rỗng lặng mà không có bất cứ tư duy, phán đoán và suy luận nào. Đó là chỗ tận cùng của cô đơn.

- 1) Kendra Cherry, Loneliness: Causes and Health Consequences, đăng ngày 3 tháng 5 năm 2023 trên trang web <https://www.verywellmind.com>
- 2) Xem chú thích (1) ở trên.
- 3) Jiddu Krishnamurti, trong bài giảng tại Saanen vào năm 1962, đăng trên trang web <https://kfoundation.org>
- 4) Suzanne Degges-White, The 3 Types of Loneliness and How to Combat Them, đăng ngày 12 tháng 7 năm 2019 trên www.psychologytoday.com/us
- 5) Ryan Jenkins, 3 Things Making Gen Z the Loneliest Generation, đăng ngày 16 tháng 8 năm 2022 trên <https://www.psychologytoday.com>
- 6) Roger Patulny, Does social media make us more or less lonely? Depends on how you use it, đăng ngày 1 tháng 1 năm 2020 trên <https://ro.uow.edu.au>
- 7) Pema Chödrön, Six Kinds of Loneliness, đăng vào ngày 15 tháng 5 năm 2023 trên www.lionsroar.com
- 8) Ernest Miller Hemingway, theo www.en.wikipedia.org
- 9) Nguyễn Mộng Giác, Nỗi cô đơn lớn lao của Mai Thảo, Tạp chí Văn Học số 143, tháng 3 năm 1998, đăng trên <https://nguyenmonggiac.com>
- 10) Jiddu Krishnamurti, trong bài giảng tại Bombay vào năm 1981, đăng trên trang web <https://kfoundation.org>
- 11) Jiddu Krishnamurti, trong bài giảng tại Ojai vào năm 1973, đăng trên trang web <https://kfoundation.org>
- 12) Kinh Bahiya Sutta, Cư sĩ Nguyên Giác dịch từ bản Anh ngữ, đăng trên trang www.thuvienhoasen.org

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

XÀ-LÁCH NẤM & RAU DỀN LÁ NHỎ - MUSHROOM & BABY SPINACH SALAD

Đây là rau bó xôi nhỏ hoặc rau dền Mỹ, loại hữu cơ và đã rửa sạch rồi (nhưng về nhà vẫn rửa lại). Nấm tươi thái lát. Đậu hũ thái vuông con cờ, không nấu.

Phần nước sốt: khuấy đều 4 muỗng canh giấm táo, 2 muỗng canh xi-rô cây thối (nếu không có, bạn có thể dùng 1 muỗng canh đường), 1 muỗng canh nước tương nhạt, và 1 muỗng canh dầu mè. Sau đó, rắc thêm tí tiêu (tùy thích). Gia giảm nguyên liệu tùy khẩu vị thích ngọt hay chua.

Món xà-lách này có thể dùng chung với bánh mì, mì Ý, hoặc dùng riêng cho buổi trưa nhẹ, rất đậm đà và... có hậu.

This mushroom and baby spinach salad is light and refreshing. The tofu is cubed and uncooked. For dressing, we used about 4 tablespoons apple cider vinegar, 2 tablespoons maple syrup, 1 tablespoon light soy sauce, and 1 tablespoon sesame oil. Whisk everything up in a small bowl, then add a pinch of fresh ground black pepper (optional). Adjust ingredient portions to taste (some like it sweet, some like it sour). Drizzle on the salad. Good by itself, with bread, or with a pasta entrée.

Hồng Hương (VN Ăn Chay)



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



NGOÀI ĐỜI TRONG ĐẠO

Nàng là cháu gái xinh đẹp của Shingen, một võ sĩ đạo lừng danh. Năm mười bảy được vào cung hầu hoàng hậu. Nào ngờ hoàng hậu bất ngờ qua đời, nàng thấy đời vô thường khổ đau nên quyết chí xuất gia, ngắt nỗi gia đình cấm cản. Nàng ra điều kiện: "Sau khi kết hôn và sinh con, ta sẽ xuất gia". Nói là giữ lời, sau khi sinh được ba người con thì nàng rời gia đình đi gặp thiền sư Tetsugyn. Thiền sư thoáng nhìn liền từ chối vì nàng quá xinh đẹp. Không nản lòng nàng tìm đến một thiền viện khác và xin xuất gia với thiền sư Hakuo. Thiền sư này cũng từ chối thẳng thừng. Nàng biết lý do vì sao và lập tức lấy bàn ủi áp lên mặt để hủy hoại nhan sắc. Cuối cùng thiền sư Hakuo thể phát cho nàng xuất gia và ban cho pháp danh Ryonen. Ni cô Ryonen rất thông tuệ, tu hành tinh tấn. Mấy mươi năm sau trở thành một ni trưởng tiếng tăm lừng lẫy. Năm sáu mươi sáu tuổi, bà biết trước ngày tịch nên chuẩn bị hậu sự và viết bài thơ cuối cùng:

*"Sáu mươi sáu lần đời
mắt này nhìn thu thay đổi*

*Ta nói đến ánh trăng
đủ rồi*

Đừng hỏi nữa

*Hãy lắng nghe âm điệu
của thông ngàn và
bách hương khi không
có gió lộng."*

Ni trưởng Ryonen đã hủy nhan sắc xinh đẹp của mình để cầu pháp, để được đi trên con đường giải thoát

NGOÀI ĐỜI NHÌN MẮT
ĐẸP LÀ HOA QỦY
THƠM THO RẤT CAO
GIÁ SỐNG HƯƠNG THỤ
MỀ MỜ GÂY NGHIỆP ÁC
LUÂN HỒI VÔ TẬN
TRONG ĐẠO XEM
NGƯỜI XINH ẤY TỬ
ĐA HỒI THÔI CHẴNG

ĐÁNG CHỈ TU TỈNH TẮN TỈNH THỨC TẠO QUẢ
LÀNH GIẢI THOÁT TƯƠNG LAI.

PHẬT VÀ PHIM

Kiểm hiệp Tàu tung hoành khắp các nước Đông Nam Á. Dân Giao Châu mê như điên đảo, bao nhiêu

phim đều thuộc lòng, chuyện môn phái võ bang giang hồ hành hiệp, chuyện sử Tàu và cả chuyện Phật pháp chùa chiền... Thấy cảnh sư Thiếu Lâm, Võ Đang... tranh y đoạt bát, giành bảo bối bí kíp, can thiệp chính sự, đánh đấm ỉ xèo. Có người hỏi:

- Thầy tu đã buông bỏ chuyện đời sao còn tranh cao thấp, tham đủ thứ, quyền cước, âm mưu, đánh đấm cũng không khác chi ngoài đời?

Nhiều người cũng thấy vậy nhưng hồng biết tại sao, một người khác nêu lý do:

- Có lẽ bên Tàu các sư phải học võ để tự vệ.

Chợt có gã từ đâu bên ngoài xía vô:

- Chuyện phim kiếm hiệp dựng vậy để câu khách, đó là sáng tác của tác giả kịch bản và của những nhà viết tiểu thuyết. Tuy nhiên Phật giáo truyền đến Trung Hoa thì đã mang một diện mạo khác, thậm chí nội dung cũng đã lai tạp, bởi vậy người ta mới bảo: "Phật giáo mang màu sắc Trung Hoa".

THIẾU LÂM TỰ BẮC PHÁI VÕ TĂNG TUNG
QUYỀN CƯỚC ĐÁNH ĐẤM RỘN RÀNG TRANH Y
ĐOẠT VỊ TRÔNG DỮ DẪN QUÁ

ĐẠI TÔNG LÂM NAM BANG HÒA THƯƠNG THỤ
OAI NGHI NỘI NANG TỬ TÔN BUÔNG DANH BỎ
SẮC THẤY HIỀN LÀNH SAO.

BIÊN KIẾN

Thằng Matt Mỹ trắng chính hiệu nhưng tổ tiên có nguồn gốc Hồi giáo Libanon. Đi ăn phở Việt nó cần vẫn mộ chọn phở gà hay món gì không phải thịt heo. Mổ ghẹo:

- Heo, cừu, bò, gà... đều là sinh vật, khi giết thịt rồi thì có gì khác nhau?

Nó bảo:

- Heo là con vật dơ bẩn, giáo điều Hồi cấm ngặt!

- Giá mà giới luật Hồi coi tất cả các loài vật đều dơ bẩn thì thế gian này đồ sát sanh, mầy cũng ăn chay luôn.

- Ờ, tao có ăn chay mà, ăn chay cả tháng luôn đó! Tháng Ramadan từ bình minh đến hoàng hôn không được ăn, sau khi trời sập tối mới ăn.

- Mà mầy vẫn ăn tôm, cá, cua, cừu... và các loại thịt thì sao bảo là ăn chay?

- Thì giới luật quy định, dù có thể nào đi nữa tao vẫn tuyệt đối giữ đúng như thế!

Mổ cười thầm trong bụng nhưng không thể nói ra: "Đây là minh chứng cụ thể của biên kiến và giới thủ kiến."

LÝ

Thằng Lee T rất giỏi về máy móc cơ khí, nhanh nhạy trong công nghệ thông tin lại rất bén

trong việc cập nhật những kỹ thuật hiện đại. Nó là Phật tử, cũng giống nhiều Phật tử khác, rất mơ hồ chẳng biết giáo lý căn bản là gì, Phật dạy gì... Có lần nó nghe pháp đầu đó rồi thắc mắc:

- Tu Di chứa hạt cải thì có lý, còn hạt cải chứa Tu Di thì vô lý quá!

Thầy nhìn nó cười cười:

- Anh dùng cái lý thông thường để lý luận thì cũng hợp lý nhưng chân lý vốn dĩ như thế, không thể đem cái lý thấy biết của mắt trần mà đo cái lý của vũ trụ. Lý là vậy, sự là vậy, lý sự là vậy.

Thằng Lee T không hiểu dĩ nhiên không chịu cái lý mà ông thầy lý giải. Ông thầy bèn lấy cái lý thực tiễn:

- QR chỉ là cái hình bằng móng tay, ấy vậy mà khi scan thì ra bao nhiêu thứ từ thực đơn, giá cả, văn chương, kỹ thuật, toán, lý, sinh học, mọi thông tin... Có thể nói là vô số, chẳng khác gì đem cả thành tựu nhét vào QR, hay nói khác đi là QR chứa tất cả những thứ cần tìm. Ta tạm coi QR như hạt cải còn kiến thức, thông tin là Tu Di vậy!

Thằng Lee T gật gù:

- Bạch thầy, hạt cải ghê thật! Lý luận thế nào cũng không thể giải được, con cũng chẳng còn lý do hay lý lẽ gì để nghi ngờ!

DÙ CHƠI NHƯNG CŨNG CÓ ÍCH

Công ty xuống lệnh buộc mọi người ký cam kết, văn bản đưa ra có nội dung chính: "không được đem chuyện của công ty lên trên mạng xã hội... Ai vi phạm sẽ bị xử lý!"

Mồ nhìn quanh thấy từ lớn đến nhỏ ký cái rết; trắng, đen, nâu, vàng ký cái rụp; không có bất cứ một thắc mắc hay ý kiến gì. Mồ bực mình vì cái lối bịt miệng này nhưng tất cả im lặng đồng ý, mình mà phản ứng thì có vô số lý do để đuổi cổ nên đành bậm bụng ký luôn. Trong đầu mồi tư nghĩ hai giả thuyết: "Đã là cừu thì bên tây hay bên đông cũng ngậm miệng gặm cỏ cho nó lành, hoặc mạng xã hội chỉ là chuyện tâm phào vu vơ, có cũng được không có cũng xong, không đáng đánh đổi bằng công ăn việc làm."

Trên đường lái xe về, mồi lại chợt nghĩ: "Mạng xã hội là chuyện giải trí ở xứ này nhưng ở những xứ độc tài toàn trị, những xứ lạc hậu bưng bít thông tin thì mạng xã hội lại có công dụng lớn. Nó là cửa sổ mở ra bên ngoài, là mũi dùi xuyên thủng bức rèm sắt của những chế độ côn đồ".

VĂN HÓA ĂN NHẬU

Xứ bắc Chiêm vào thời hắc ám, xã hội nhiều nhượng, quan lại tham lam, nhóm lợi ích lũng đoạn kinh tế, người người sống vô cảm. Cả xã hội lao vào việc làm tiền, tình, ăn nhậu và lên mạng khoe của, khoe thân. Rượu bia chảy như nước lũ. Tai nạn giao thông cũng thảm thương, nhiều tài xế lỡ đụng phải người còn cổ de xe lại cán cho chết hẳn vì cái lý man rợ: "Thà bồi thường một lần hơn là để sống bị làm tiền". Nhiều ý kiến sô bất bình:

- Phải hạn chế bia rượu, phải trừng phạt bọn say xỉn!

Những tướng các ông nghị sẽ lên tiếng về nạn này, nào ngờ có kẻ tuyên bố ở nghị trường:

- Văn hóa ăn nhậu là đặc thù của ta, bia rượu làm nên văn hóa giao lưu!

Dân mạng và cư dân đời giận trần hồng nhưng không làm gì được. Họ chỉ có thể lên mạng xã hội để trút tâm sự:

- Sở dĩ mấy ông nghị ủng hộ bia rượu là vì các nhóm lợi ích mua cả rồi!

Bọn trí thức cười cợt mỉa mai:

- Nghị gật nói xàm

Cổng bọc nổ to

Ăn nhậu vô lo

Của kho vét sạch

Làm dở như hạch

Phách lối nhiều nhượng

Với dân thì cương

Đụng Tàu cầm nín

NHỘ NHÉP NHỒM NHÒAM NHAH ẮN HẾT SẠCH LẪN DƠ THỨ CHI CỪNG THAM LAM NGẬU NGHIÊN

LỜ LẮC LÁO LIỀNG LIỀC DÒM CẢ SAI VỚI ĐÚNG MỌI VIỆC ĐỀU NGHI NGỜ SẼM SOI.

ĐẦU NHỰA

Mấy chục năm nay môi trường thiên nhiên càng ngày càng bị ô nhiễm và tàn phá ghê gớm: núi rừng cạo sạch, đất đai hoang hóa, sông biển ô nhiễm, rải thải nhựa ngập ngụa trong đại dương... Những loài cá heo, cá voi, rùa... nuốt phải rác thải nhựa mà chết thảm. Các hoạt động vì môi trường kêu gọi:

- Tắt chạy túi nhựa, hộp xốp, bao bì nylon

- Hãy dừng ngay việc hủy hoại môi trường

Liên hợp quốc cũng khuyến cáo và tổ chức nhiều hội thảo về lộ trình cấm rác thải nhựa. Xứ quờn bị liệt vào năm nước có nguồn rác thải nhựa nhiều hàng đầu thế giới. Quan chức xứ ấy nghe vậy lập tức giấy nầy lên:

- Luận điệu của thể lực thù địch! Bao bì nhựa và các sản phẩm nhựa vẫn sản xuất đúng quy trình, môi trường ở ngưỡng an toàn.

Các ông nghị ở nghị trường tha hồ xàm ngôn nói bậy, toàn phát biểu chuyện linh tinh:

- Hợp quốc hội mặc áo dài tứ thân năm nút, môi trường là chuyện rồi hời.

Người yêu thiên nhiên, người biết trân quý sự sống, người hoạt động vì môi trường thất vọng. Trong số họ có người phản nản:

- Mấy ông nghị bị bọn đầu nậu nhựa đứng sau lưng giật dây!

Ô nhiễm môi trường thật thảm thương

Ngập ngụa rác nhựa khắp đại dương

Tiếng kêu tuyệt vọng không lời hưởng

Ông nghị xàm ngôn chốn nghị trường.

Steven N
Georgia, 0623





An lạc trong tâm

Cư Sĩ AN TƯỜNG ANH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngày tôi đến với Phật pháp là khi tôi cảm nhận được sự an tịnh khi quỳ dưới chân của Người, tìm đến Người bằng tất cả đức tin và lòng tin ngưỡng. Ngày đó, tôi đã hướng tất cả lòng thành của mình đến với Phật trong sự thuần khiết, đơn giản và mộc mạc. Tôi chưa từng tìm hiểu gì về Người, tôi chỉ đến với Người vì ở Người, tôi cảm thấy bình yên, an lạc và không còn những nhọc nhằn đau khổ.

Trước khi đến với những bài viết về đạo Phật, tôi là một người viết văn, và điều này đã hỗ trợ cho tôi trong khả năng diễn đạt, viết lách. Tôi tâm niệm mình sẽ mang những gì mình có được để phụng sự cho cuộc đời này, nhằm mục đích hướng thiện cho những ai chưa tốt sẽ trở thành người tốt, cho những ai chưa thiện sẽ trở thành người thiện. Tôi mong được góp một chút công sức nhỏ trong những ngày tôi còn được sống, như một cách để tôi đền đáp lại ơn đức mà tôi đã được Người ban tặng cho tôi, giúp tôi vượt qua bệnh tật, vượt qua những biến cố thăng trầm.

Tôi đã viết những bài viết bằng tất cả suy nghĩ của mình, không e dè, không sợ hãi. Tôi chưa từng nghĩ bài viết của mình sẽ được xuất hiện ở đâu và được trang nào đăng tải. Tôi chỉ viết bằng những gì tai mình nghe và mắt mình thấy, dù được dù không, dù thương dù ghét, tôi vẫn chấp nhận vì tôi đã viết bằng tất cả trái tim, suy nghĩ của mình.

Thế nhưng tôi nhận ra một điều rằng, không phải những gì mình mong muốn là mình có thể làm được một cách suôn sẻ, dễ dàng; không phải mình nghĩ điều mình làm sẽ mang lại điều tốt cho người khác thì nó sẽ tốt, bởi con người không phải là cái máy mà ai cài đặt thế nào nó sẽ thực hiện theo thế đó. Con người là một thực thể đầy rẫy những mâu thuẫn, tốt xấu, thiện ác đan xen, mình có thể đúng với người này nhưng có thể sai với người khác, mình có thể tốt với người này nhưng xấu trong mắt người khác và điều mình làm, có thể thiện với người này nhưng ác với người khác.

Đến với đạo Phật, tôi đã nhận ra một chân lý sâu sắc, đó là những mặt đối lập, đối lập giữa quan điểm, giữa góc nhìn, đối lập trong suy nghĩ, trong cách vận hành. Chúng ta có thể cùng một giáo án nhưng cách nghĩ, cách làm, cách sống sẽ khác nhau, dù nó là một đường thẳng, vẫn có

người nhìn thấy nó cong, không ai hoàn toàn nghĩ và hiểu giống như mình, và bản thân mình phải tập làm quen với những điều mình vốn nghĩ như vậy nhưng tại sao nó lại không phải như vậy!

Khi đến với đạo Phật, tìm hiểu sâu hơn và đọc những bài viết của nhiều Thầy, nhiều Phật tử, tôi đã ngộ ra một điều, đó là ở đâu cũng có những mâu thuẫn chứ không hẳn là đồng thuận hết như nhau. Và để mình an lạc thật sự, tĩnh tâm thật sự, chỉ có một cách là trung thành với những gì mình

cho rằng nó phù hợp với mình, an lạc với mình, dù điều đó có thể là không đúng với người khác, không hợp với quan điểm của người khác nhưng với mình, nó thật sự bình an là đủ. Nếu bản thân chúng ta bị chi phối bởi quá nhiều thứ, chúng ta sẽ chẳng còn biết cái nào là đúng, cái nào là sai, rồi mình sẽ rơi vào một mớ lùng nhùng, mu mè, khi đó dù có đến với Phật, mình cũng không tìm được sự thanh tịnh, giải thoát nào.

Đôi khi, có những lúc, điều mang lại hạnh phúc nhất, an lạc nhất và đúng đắn nhất là chúng ta yên lặng, đứng cố vùng vẫy hay xoay chuyển điều gì, yên lặng để soi lại bản thân mình và tháo gỡ những khúc mắc trong chính mình là điều cần thiết hơn những việc

làm nào khác.

Tôi tâm niệm mình sẽ làm được một điều gì đó ý nghĩa trong cuộc sống của mình nhưng rồi càng đọc, càng chiêm nghiệm, tôi càng nhận ra mình bé nhỏ và chưa đủ sức bởi tôi cũng chỉ là một con người phàm tục với những chấp ngã, vô minh chưa thật sự giải phóng được hết khỏi bản thân mình; tôi vẫn chưa đủ tử bi, bác ái để chuyển hóa những tâm lý tiêu cực trở nên hoàn toàn tích cực; như tôi đã viết rằng "Mình muốn trao cho ai đó điều gì, mình phải có đủ điều đó" và tôi thấy mình hiện tại vẫn còn quá nhiều những thiếu sót để có thể trao đi. Để khắc phục được những hạn chế này, tôi phải học cách im lặng và học tập nhiều hơn nữa bởi kiến thức là vô hạn mà hiểu biết của con người thì chỉ gói gọn trong một vài bài viết nào đó mà thôi.

Có thể tâm niệm của mình là tốt nhưng cách thực hiện của mình vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Nếu phải đánh đổi giữa sự an lạc và đấu tranh xung đột, có lẽ tôi sẽ chọn cho mình một cuộc sống an lạc nhiều hơn vì tôi không mong mình vì



điều gì mà phải mang lại sự xung đột với những quan điểm khác. Mọi sự đúng sai, nó chỉ dừng lại ở mức độ 50/50, có thể mình thấy đúng nhưng người khác thấy sai và ngược lại.

Sau tất cả những gì đúc kết được, tôi vẫn tín ngưỡng Phật bằng tất cả sự tôn kính tối thượng, dù ai có phân tích, lý luận, bày vẽ hàng trăm hàng nghìn điều gì từ những giáo lý và tư tưởng của Người thì tôi vẫn chỉ đến với Người bằng một sự đơn thuần độc nhất, đó là sự trong sạch, từ bi và tâm linh. Tôi sẽ không bận tâm đến bất kỳ điều gì khác nữa, như khi tôi thành kính quỳ dưới chân Người, trước mắt tôi là một Đức Thế Tôn không nhuộm màu trần tục mà thôi.

Thay vì cứ mãi mê để viết, tôi nhận ra rằng mình sẽ cần nhiều thời gian để tĩnh lặng, suy ngẫm và phát triển hạnh phúc trong chính nội tâm của mình chứ không phải là đi tìm một con đường để thay đổi người khác, khi mình chưa đủ sức để làm việc đó.

Chúng ta đến với điều gì cũng sẽ cho chúng ta những bài học để suy ngẫm, dù cuộc sống có phức tạp thế nào, dù những tranh luận, quan điểm có mâu thuẫn ra sao thì tôi vẫn đến với tinh thần Phật giáo bằng một sự đơn thuần tối giản nhất như ngày đầu tiên mình đã đến.

Một trong những cách để mang lại điều tốt cho người khác, đôi khi không phải là làm điều gì vĩ đại mà là im lặng để quán chiếu được chính mình, khai mở chính mình cũng là điều tốt cho mình và cho người khác rồi.

Trong thời gian qua, tôi luôn cố gắng làm tốt vai trò một Phật tử nhưng những gì mình làm, mình hiểu vẫn còn quá ít so với những gì người khác đã làm, đã hiểu, vì vậy tôi nghĩ mình cần có trách nhiệm hơn với cuộc sống của mình, với những gì mình đã viết vì nếu mình không hiểu, mình viết sai là mình đã tạo một nghiệp ác với người khác khi người ta không biết mà tin vào cái sai đó của mình. Cho nên tôi sẽ dừng lại những bài viết của mình để dành thời gian đọc và tự vận dụng những gì được đọc vào chính cuộc sống của mình thì mình mới hiểu được mình và hiểu được người khác nhiều hơn.

Kiến thức là vô hạn mà hiểu biết của con người luôn là hữu hạn.



SỤP ĐỔ

*Cả đất trời tan tành sụp đổ
Bao mê lầm dứt sạch từ đây
Vạn hữu không ra ngoài tâm Phật
Một khi ta thấu hiểu đạo vàng.*

VĂN BA NGÔI

*Xuân đến, xuân đi qua rồi lại
Hoa tàn, hoa nở mấy lần xuân
Thế gian vô thường luôn dời đổi
Tam Bảo thường còn vẫn Ba Ngôi.*

LÁ VÀNG RƠI

*Ông lão ngồi buồn than bóng xế
Mơ màng nhìn chiếc lá vàng rơi
Liên hỏi: Sao mau tàn ủa thế?
Lá rằng: Ông có khác gì tôi?*

KHẮC GHI

*Hãy sống sao để khi cuối đời
An nhiên tự tại lúc ra đi
Thù hận, tham sân phải diệt tận
Là lời chư Phật nhớ khắc ghi!*

thơ **DIỆU VIÊN**

Nhảy tàu

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Con tàu STN xinh xịch tiến vào khu vực đề pô Diêu Trì, nó đã giảm tốc độ trước khi ngừng lại trong vòng vài phút để báo cáo xin phép vào ga. Con tàu chậm dần thì những nhóm người trên tàu và dưới đất lại tăng tốc lên, tiếng la hét, tiếng chửi thề cùng bao nhiêu âm thanh hỗn tạp ồn ào như đàn ong vỡ tổ. Những người đi lậu vé chen lấn sát bậu cửa để chuẩn bị nhảy xuống đất, những người bán hàng rong với linh khinh tay xách nách mang cũng ào ạt tuôn khỏi con tàu. Trong khi đó thì những người vác hàng thuê ở dưới đất lại hùng hục chen lấn mang vác những bao tải hàng, sọt đựng đồ, đập cả lên người khác để vui hàng vào trong toa xe. Mạnh ai nấy quãng đồ, những đồng đồ loạn xà ngầu tưởng chừng như không phân biệt được nhưng thật ra thì bọn vác mướn nhận biết đâu là hàng của chủ mình. Những bao hàng đều có dấu hiệu riêng của mỗi chủ hàng.

Thằng Luân với vẻ mặt bưng bưng đỏ vì vừa chen lấn, vừa cắt lực nhồi hàng vào toa xe lửa. Nó

va chạm với mấy người khách lậu vé lại còn hồ đồ chửi đồng:

- Mẹ tui bay, sao ngu quá vậy? Đi lậu vé thì phải biết chứ, tàu tới đề pô thì ra gần cửa để mà nhảy xuống, lở ngớ tàu vào ga thì tui kiểm soát vé ở cổng nó phạt chết mẹ tui bay!

Người đi lậu vé có bảo kê dẫn lên tàu, sau khi chỉ cho tui soát vé trên tàu một món tiền bằng hai mươi phần trăm giá vé thôi và được xếp ngồi ở phòng của tui soát vé. Những người lậu vé tự do thì tự thân lo liệu, hoặc ngồi ở hai đầu toa xe lửa, hoặc ở trốn trong cầu tiêu, hoặc đi qua lại giữa hai toa khi mà tui soát vé đi kiểm tra.

Thằng Luân dắt mỗi khách lậu vé lên tàu, vừa vác hàng thuê cho các chủ buôn lậu. Hàng của Bảy Chủ rất phong phú nào là thuốc lá Jet, Captain, 555... hàng từ Thái Lan qua Sài Gòn rồi từ Sài Gòn tỏa đi khắp nơi. Có khi là hàng từ cảng Qui Nhơn lên, lại tỏa đi vô nam ra bắc. Hàng từ cảng Qui Nhơn chủ yếu là hàng điện tử được gom từ các nghĩa địa đồ điện tử ở Nhật, nào là: tivi,

đầu video, nồi cơm điện, xe đạp, tủ lạnh, máy giặt... Nhờ buôn hàng điện tử nghĩa địa mà cư dân làng chài Nhơn Lý trở nên giàu có. Những chủ hàng như Bảy Chủ cũng phất lên, cất nhà năm tầng, mua xe con, ăn chơi mát trời ông địa luôn.

Trong giới nhảy tàu thì tui hàng rong là hẻo nhất, ít vốn liếng, chủ yếu bán cơm, cháo, thuốc lá lẻ, cà phê, kẹo gum, trà đá, trà nóng... Người ta nói nước có quốc pháp, nhà có gia quy. Giang hồ cũng có luật của giang hồ, hàng rong cũng có luật của hàng rong. Luật bắt thành văn nhưng mọi người tự động tuân thủ, không kẻ nào dám vi phạm. Khu vực của bọn hàng rong ga Diêu Trì kéo dài từ đèo Bình Đê phía bắc vào đến đèo Cù Mông phía nam. Hễ tàu ra khỏi địa phận đó thì nhóm hàng rong Diêu Trì tự động xếp hết hàng hóa đồ đạc vào gầm ghế hoặc trong cầu tiêu, nếu kẻ nào tham dám bán ở ngoài khu vực thì bị đập không thương tiếc và cũng chẳng có ai giúp đỡ hay phân xử.

Những năm tháng ấy, ga Diêu Trì còn là một tụ điểm buôn dưa có tiếng trên cả nước. Dừa từ Tam Quan – Bồng Sơn và các nơi trong tỉnh, dừa từ các tỉnh lân cận và cả dừa trong nam ra... tập trung hết ở ga Diêu Trì để đưa lên tàu chuyển ra bắc. Những trái dừa già đã lột vỏ, chỉ còn sọ. Mỗi bao dừa chứa cỡ ba chục hay năm chục trái. Bao dừa khá nặng, ấy vậy mà những tay vác hàng mướn vác hàng chạy bằng đồng vượt cổng một cách khỏe re. Khi đoàn tàu chạy chậm lại hay dừng ở đề pô thì hàng được quăng lên tàu ầm ầm trông thật dễ sợ, cứ nghĩ bao dừa ấy mà đè phải mình thì có mà chết!

Con tàu chạy thật chậm, trưởng tàu phải gọi điện xin phép nhà ga trước khi vào, đó vừa là luật của ngành đường sắt lại vừa là sự điều khiển của các chủ hàng. Bọn chủ hàng góp tiền lại đưa cho các lái tàu,



“mua” lái tàu, để bọn họ nấn ná thêm thời gian. Đây là khoảng thời giờ vàng bạc, hàng họ của họ kịp đưa lên hoặc xuống tàu. Tàu ở khu vực đề pô thì tương đối an toàn cho giới nhảy tàu, nhưng khi nó bắt đầu tăng tốc để vào ga hay rời ga thì lúc ấy rất nguy hiểm. Với dân đi lậu vé thì không dám nhảy lên hay nhảy xuống nữa, tuy nhiên với dân vác hàng thuê hay dân bán hàng rong thì chẳng nhằm nhò gì, bọn họ coi nhảy tàu như trò chơi, một trò chơi để kiếm cơm mưu sinh, một trò chơi mà nhiều người đã để lại một phần thân thể của mình, thậm chí có kẻ bỏ lại cả mạng sống của mình. Sau khi tàu ra khỏi lãnh địa của mình, dân hàng rong leo lên nóc tàu nằm chơi, thậm chí chạy nhảy và ngủ trên ấy. Đời sinh nghề tử nghiệp, tuy nhảy tàu đầy kinh nghiệm nhưng thằng Hoàng Lai đã vĩnh viễn nằm lại với đường sắt, thằng Bình Lắc để lại một giò, thằng Tí Còi gởi lại cho tàu một cánh tay... Những cái chết hay những tai nạn thỉnh thoảng xảy ra chỉ đủ gợi lên một tí xót thương hay cảm thán nhưng rồi đầu cũng lại vào đây, cuộc sống bức bách cơm áo gạo tiền chẳng cho phép người ta sợ lâu, thế là lại nhảy tàu.

Cứ mỗi chiều về, khoảng năm hay sáu giờ thì đoàn tàu từ Sài Gòn xình xịch ra tới đề pô. Thời gian này cũng là lúc ngoại dắt gã đi ngang qua khu vực đề pô. Đề pô xe lửa Diêu Trì có từ thời Pháp thuộc, nó là xưởng sửa chữa, bảo trì và cả đóng mới toa tàu. Giờ đề pô xe lửa đã lùi vào dĩ vãng, tuy nhiên cái tên thì vẫn còn in đậm trên giấy tờ và trong tâm tư cư dân quanh vùng. Khu vực đề pô hàng rong rất nhiều, những người bán hàng rong ở đây hiền và nhát hơn những người bán hàng rong trên tàu, dĩ nhiên cũng ít tiền hơn, không chụp giựt, không cà chớn như hàng rong trên tàu. Những món thường thấy nhất là: cháo, chè, bánh hời, bánh bèo, bánh bò, xương xáo, trái cây ướp đá... Đã đi qua khu vực đề pô thì thể nào ngoại cũng mua đồ ăn cho gã. Ngoại biết gã thích ăn hàng, ngoại thương nên muốn ăn gì cũng mua cho. Mỗi chiều ngoại thường dắt gã về trên què để ngủ giữ nhà. Ngoại có nhà trong thị trấn để mua bán, còn nhà trên què là nơi thờ phượng và chôn giấu nhiều của cải, khoảng cách giữa hai ngôi nhà chừng ba cây số và phải băng qua khu vực đề pô xe lửa này.

Cũng như mọi đứa trẻ trên đời, gã có nhiều kỷ niệm nhưng nhớ nhất vẫn là những buổi chiều theo ngoại đi ngang qua đề pô xe lửa. Cứ mỗi lần như thế, nhìn những con tàu xình xịch chạy từ nam ra bắc hay từ bắc vào nam mà lòng buâng khuâng chi lạ. Những con tàu như con rắn khổng lồ bằng sắt, khi thì bò rù rì, khi thì phóng ào ào, tiếng bánh xe nghiêng vào đường sắt phát ra âm thanh ken két đến ghê cả người. Thỉnh thoảng con tàu lại kéo còi to to, nó phun những làn khói đen kịt bị gió quạt bay ngược theo thân tàu. Con tàu chạy sầm sập trên đường sắt, làn sóng động truyền xuống đất, lan tỏa rộng và xuyên qua bàn chân lên lõi khắp thân thể những người đứng nhìn tàu. Âm thanh và hình dáng con tàu in đậm vào tâm hồn, cứ mỗi buổi chiều nghe tiếng còi tàu, nhìn con tàu chạy mất hút về nẻo xa mà lòng man mác một nỗi buồn vô cớ.

Con tàu đi bỏ lại đường sắt nằm cô đơn dưới ráng chiều, con tàu qua rồi, tiếng còi tàu tan vào hư không, làn khói tàu cũng loãng mất bỏ lại đề pô xe lửa vang bóng một thời ở lại giữa đồng quê.



MÂY BAY

*Chẳng hồng nhan cũng không tri kỷ
Nâng bút , tay ghi xuống nét đời
Tiếng ai cười nói còn dư vị
Trần gian góp lại vẽ xuân vui*

*Vân tường y thường hoa tường dung *
Hôm nao ai khoác áo lên đường
Có người năm cũ mơ dáng cũ
Đâu hiểu hoa đà theo dấu sương*

*Thì thôi giữ nhé hồn thi sĩ
Áo mỏng như mây về một phương
Hoa vẫn là hoa trong mộng寐
Ngày sau thơ trả lại vô thường.*

thơ **QUY HỒNG**

* Lý Bạch (701-762).

CHÙA BÁT NHÃ LONG TRỌNG TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

PHẬT LỊCH 2567 DƯƠNG LỊCH 2023

Tường thuật và hình ảnh của **Thanh Huy**

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



Đại Đức Thích Đức Trí, điều hợp chương trình



HT. Thích Nguyên Siêu đọc diễn văn khai mạc

Santa Ana (VB) – Chùa Bát Nhã tọa lạc tại 4717 W. First, Santa Ana, CA 92703 do Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (HĐĐH-GHPGVNTN/HK) Viện Chủ Chùa Bát Nhã (Đây cũng là Trụ Sở Văn Phòng Thường Trục Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK) đã long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản PL. 2567-DL.2023- vào lúc 5 giờ chiều Thứ Sáu ngày 2 tháng 6 năm 2023 (nhằm ngày Rằm tháng Tư âm lịch năm Quý Mão). Tham dự buổi lễ có hàng trăm chư Tôn Đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử.

Chư Tôn Giáo Phẩm chứng minh có: Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; HT Thích Nguyên



Nghi thức chào cờ

Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều hành GHPGVNTN/HK Viện chủ Chùa Bát Nhã; HT. Thích Minh Tuyên, Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Hải Ngoại, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; Viện Chủ Tổ Đình Minh Đăng Quang; HT. Thích Nhật Quang, Đề Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Thông Hải, Đề Nhị Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK Viện Chủ Tu Viện Chơn Không Hawaii và Tu Viện An Lạc Ventura; HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; Viện Chủ Chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương; HT. Thích Minh Mẫn, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK Viện Chủ Tu Viện Phật Giáo Huệ Quang; HT. Thích Minh Hồi, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kiến Thiết GHPGVNTN/HK, Viện Chủ Như Lai Thiền Tự; HT. Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự GHPGVNTN/HK; HT. Thích Quảng Mẫn; Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ GHPGVNTN/HK, Ni Trưởng Như Tịnh, Viện Chủ Tu Viện Đại Bi, cùng các chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni giữ các chức vụ trong các tổng vụ thuộc GHPGVNTN/HK Đạo Hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTN/HK, Phụ Tá Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK cùng một số các chư tôn đức Tăng, chư tôn đức Ni đến từ các chùa và Tự Viện Nam California, quý huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Miền Quảng Đức, một số đại diện các hội đoàn, đoàn thể Phật Giáo, các cơ quan truyền thông.

Quan khách có ông Hauwie Tieu, Đại diện Dân Biểu Tạ Đức Trí, Cựu Thị Trưởng Thành Phố



Tiền Sĩ Huỳnh Tấn Lê giới thiệu quan khách tham dự



Đại diện dân biểu Tạ Đức trí trao bằng tưởng lệ

Fountain Valley ông Michael Võ và phu nhân, Nghị Viên Thành Phố Westminster BS. Kimberly Hồ...

Điều hợp chương trình Đại Lễ Phật Đản do Đại Đức Thích Đức Trí.

Mở đầu chương trình với phần cung thỉnh chư tôn đức, quang lâm lễ đài, Dẫn đầu đoàn cung thỉnh có quý Phật tử đạo tràng chùa Bát Nhã cùng các em gia đình Phật tử trong đồng phục đã sắp thành hai hàng đi hai bên để cung đón chư tôn đức.

Tiếp theo, nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút nhập Từ Bi Quán. Sau đó, các em Gia Đình Phật Tử lên Dâng Hoa Cúng Phật.

Sau lễ dâng hoa cúng Phật, HT. Thích Nguyên Siêu thay mặt HT. Viện Chủ lên đọc diễn văn khai mạc Đại Lễ Phật Đản PL. 2567-2023 trong đó có đoạn HT nói: "... Hôm nay, Chư Tăng Ni và Nam, Nữ Phật tử Chùa Bát Nhã trang nghiêm tổ chức Đại Lễ kính mừng ngày Đức Phật vào đời để cứu khổ độ mê, đưa người về bến giác. Đồng đạo chư tôn đức Tăng, Ni và cộng đồng Phật tử đã quang lâm về đạo tràng này mà thi thiết lễ nghi, sắm sửa hương hoa trà quả, nhất dạ chí thành dâng lên cúng dường mười phương chư Phật và ngày Phật Đản Sanh vô cùng trang nghiêm trọng thể. Từ những hình ảnh thăng trầm, huyền diệu. Từ những giá trị hiện bày thâm thiết, chân thành đã cho tất cả chúng ta những cảm xúc mà tư duy, chiêm nghiệm giá trị thực hữu, tối tôn của ngày Đản Sanh Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Tư duy và chiêm nghiệm rằng:

- Kỷ niệm ngày Phật Đản Sanh, hãy giữ tròn thân tâm thanh tịnh, ba nghiệp lắng trong để ban rải một từ trường an lạc cho nhân quần xã hội.

- Kỷ niệm ngày Phật Đản Sanh, tất cả chúng ta chí tâm nguyện cầu cho nhân loại giảm thiểu khổ đau, chấm dứt chiến tranh, tái lập hòa bình cho người người ấm no hạnh phúc, cho nhà nhà được bình yên, an vui. Chất liệu sống bình yên, an vui là chất liệu tình người được tôn trọng trên nền tảng nhân bản, văn hiến. Chất liệu gầy dựng đại khối nhân loại trong ý thức yêu chuộng cái vị tha, cái hòa bình, bao dung tha thứ... Cái tối tôn, tối quý của con người được thăng hoa thánh thiện trong một thế giới đại đồng Từ, Bi, Hỷ, Xả...

"Kỷ niệm ngày Đức Phật Đản Sanh trong ý nghĩa chánh niệm và tỉnh thức. Trong tình thương yêu được cho mà không giữ lại. Được cấy trồng

bằng hạt giống nhân bản, vị tha hương thơm và trái ngọt. Vì chúng ta đang sống trong một quốc độ văn minh, giàu đẹp về kỹ thuật khoa học mà cũng là tự do tâm linh, hướng thượng, vượt thoát trên mọi dị biệt, từ đó mở rộng con đường phụng sự vị tha vô ngã...

"Chùa Bát Nhã thành kính tổ chức chương trình kỷ niệm ngày Đức Phật Đản Sanh, nhân đây, chúng con nhất tâm, cúi xin Chư Tôn Đức Tăng, Ni bằng tánh đức hòa hiệp, thanh tịnh bản thể trong sáng của Tăng Già mà nguyện cầu cho Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK được cứu trụ Ta Bà làm thạch trụ trong chốn Thiền Môn để Tăng, Ni quy ngưỡng. Và Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, Viện Chủ Chùa Bát Nhã bệnh duyên được tiêu trừ, thân tâm thường an lạc để mọi Phật sự của chùa được thành tựu viên mãn, vì ngôi Tam Bảo Bát Nhã là mái nhà tâm linh của tứ chúng đệ tử Phật..."

Sau đó là nhạc phẩm "Bát Nhã Chùa Tôi".

Tiếp theo HT. Thích Thông Hải, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK lên tuyên đọc Thông Bạch Phật Đản 2567-2023 của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK, trong Thông Bạch có đoạn Ngài nói:

"Thật là hy hữu và phước báo cho nhân loại khi được đăng Đại Giác Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni



Từ trái HT. Nguyên Trí, Trưởng Lão HT. Thắng Hoan cắt bánh sinh nhật



từ Cung Trời Đẩu Suất thị hiện đàn sanh vào thế giới bất an này cách nay 2647 năm! Trong giờ phút thiêng liêng và màu nhiệm đón mừng sự đàn sanh của Đức Thế Tôn, Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK cùng với hàng trăm triệu Tăng, Ni và Phật tử trên toàn thế giới nhất tâm cung kính đánh lễ xưng tán bậc Đại Trí và Đại Bi đã vì chúng sinh khổ đau mà thị hiện giáng trần để khai mở con đường giác ngộ và giải thoát cứu cánh mà trong lịch sử của nhân loại từ trước tới nay chưa từng chứng kiến...

Trong thế giới đầy bất an và biến động ngày nay, với vô vàn thiên tai và nhân họa thì giáo pháp giác ngộ và giải thoát của Đức Phật là giải pháp khả thi để làm vơi bớt khổ đau đang đè nặng lên thân phận bé bỏng của con người. Vì thế, mỗi người con Phật hãy tinh tấn nhiều hơn nữa để duy trì và truyền bá Chánh Pháp. Đó cũng là cách để xưng tụng và báo đáp thâm ân giáo hóa cao dày mà Đức Phật đã thị hiện đàn sanh trong đời ác trược của thế gian.

Mùa Phật Đản năm nay cũng đánh dấu 60 năm biến cố pháp nạn xảy ra cho Phật Giáo Việt Nam, với hai sự kiện đáng ghi nhớ: Vụ đàn áp Phật Giáo tại đài phát thanh Huế vào đêm ngày 9 tháng 5 năm 1963 đã châm ngòi cho cuộc vận động đòi quyền bình đẳng và tự do tôn giáo, và ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu để cầu nguyện cho pháp nạn sớm chấm dứt vào ngày 11 tháng 6 năm 1963 đã đánh thức lương tri của cả nhân loại về khát vọng tự do và bình đẳng của Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam.

Từ bài học của biến cố pháp nạn 1963 và cả đoạn đường lịch sử 60 năm qua giúp chúng ta nhận thức được rằng các chế độ chính trị nếu không kiểm soát được đại khối Phật Giáo đồ thì họ sẽ thăng tay triệt hạ. Vì thế, xin nghe theo lời Phật dạy rằng hãy nương tựa chính mình, nương tựa chánh pháp, không nương tựa ai khác. Và thêm nữa, chúng ta nên học bài học lịch sử hơn hai ngàn năm của Phật Giáo Việt Nam mà qua đó yếu tố then chốt để Phật Giáo tồn tại chính là sống trong lòng Dân Tộc. Dân Tộc ở đây là đại khối quần chúng đồng bào không phải là các thế lực chính trị hay các cơ chế chính trị cai trị đất nước. Đừng nhầm lẫn việc Phật Giáo đồng hành với Dân Tộc qua việc đồng hành với chế độ, vì dân là vạn đại còn chế độ là nhất thời..." Tiếp theo, Tiến Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTN/HK lên giới thiệu quan khách, các hội đoàn và các cơ quan truyền thông tham dự. Sau đó ông mời ông



Hauwie Tieu, Đại diện Dân Biểu Tạ Đức Trí, Cựu Thị Trưởng Thành Phố Fountain Valley ông Michael Võ lên lễ đài, trong dịp này ông Hauwie Tieu thay mặt Dân Biểu Tạ Đức Trí trao bằng Tưởng Lệ của Hạ Viện Tiểu Bang đến Ni Sư Thích Huệ Chiêu, Trụ Trì Chùa Bát Nhã để ghi nhận những đóng góp giá trị của chùa trong sinh hoạt chung của cộng đồng đa sắc tộc tại địa phương.

Trong lời phát biểu cựu Thị Trưởng Michael Võ, ông đã cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni, cảm ơn ban tổ chức đã chọn ông lên có đôi lời tâm sự cùng quý đồng hương. Ông cho biết là ông sẽ ra ứng cử Giám Sát Viên Địa Hạt 1 Quận Cam trong kỳ bầu cử 2024, ông nói: "... Với 12 năm trong hội đồng thành phố và 3 nhiệm kỳ thị trưởng, tôi đã đem lại sự phồn thịnh rõ nét trong thành phố Fountain Valley vào những nhiệm kỳ qua, Với kinh nghiệm này nếu được sự ủng hộ của cư dân trong kỳ bầu cử 2024, chúng tôi sẽ tiếp tục phục vụ cho cư dân trong Địa Hạt 1 Quận Cam mỗi ngày một tốt hơn..."

Tiếp theo là "Liên Khúc Khánh Đản" do ban hợp ca Đạo Tràng Bát Nhã thực hiện.

Sau đó là nghi thức Lễ Khánh Đản, Ban tổ chức cung thỉnh chư tôn đức lên lễ đài để cử hành lễ khánh đản, mở đầu với bản nhạc "Trầm Hương Đốt" tiếp theo là trang kinh Khánh Đản, sau nghi thức Khánh Đản là Lễ Tắm Phật và thả chim bồ câu cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Sau đó ban tổ chức cung thỉnh chư tôn đức trở lại trai đường thọ trai, đồng hương Phật tử dùng bữa cơm chay thân mật do Đạo Tràng Bát Nhã khoản đãi. Để cùng thưởng thức chương trình nhạc hội mừng Đức Phật đản sinh qua sự trình diễn của của anh chị em nghệ sĩ thân hữu và Phật tử chùa Bát Nhã trình diễn.

Như thông lệ hằng năm cũng vào ngày Rằm Tháng Tư là ngày Khánh Tuế Trưởng Lão HT. Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm và cũng là ngày sinh nhật của Hòa Thượng Viện Chủ Thích Nguyên Trí.

Nghi thức diễn ra thật cảm động với lời chúc thọ và dâng quà chúc thọ của đại diện chư tôn đức Tăng, Ni môn đồ pháp quyến, và Phật tử Chùa Bát Nhã.

Sau đó cung thỉnh hai Hòa Thượng cùng cắt bánh mừng sinh nhật trong tiếng hát vang ca khúc "Happy Birthday" hòa lẫn tiếng pháo chúc mừng sinh nhật. Trong lúc này Nhị vị HT. cũng đã phát quà cho đồng hương Phật tử tham dự.

MÙA QUA MIỀN KÝ ỨC

Nỗi nhớ theo cơn mưa trôi qua miền ký ức
Lênh loang không bóng không hình
Khúc nhạc chợt ngân lên
Quán cà phê buồn lặng lẽ
Ngày chợt đi qua
Chiếc lá cuối thu vô tình rụng xuống
Đá sỏi lẫn trầm
Bờ vai ngày xưa không còn thấp nắng.

Mưa ký ức như người tình hoang tưởng
Về thấp ngọn đèn khuya
Khao khát nụ hôn
Trong tiếng đàn lạc điệu
Vết thương sao còn hằn sâu đến thế
Đâu bờ tóc rối
Đâu ngón tay mềm
Mưa sẽ làm cho em rất nhớ
Khúc hát đi qua đời nhau
“Thà như giọt mưa...
...có còn hơn không, có còn hơn không.”

Khi bàn tay chạm vào hư vô
Sẽ không ai ngoài đầu nhìn lại
Mọi thứ rồi cũng trở thành góc khuất
Theo chuyến tàu đi không về
Chỉ còn lại cơn mưa ngủ quên bên thềm ký ức
Đợi một ngày mùa xuân
Bừng sáng lên
Thành đóa hoa tình yêu bất tử.

MÙA HÈ GỖ CỬA

Đằng sau hạt mưa xanh ngắt
Tiếng gõ cửa mùa hè
Ân sâu tàn me lá nõn. Một tiếng ve
Giấc mơ nào có thật?

Mưa không còn ẩm môi người
Trốn trong bao tầng lá mục
Tay chạm vào thời gian. Bật khóc
Rêu dày trên thềm xưa
Ngậm sương năm tháng.

Giọt nắng vô tình
Lay phay ủa vào ký ức
Tám gương không còn phản chiếu
Sợi tóc của ngày xưa
Khi mùi hương đã nhạt.

Tôi tìm lại chính mình
Năm tháng bỏ quên trong nhật ký
Đỏ rục một màu hoa
Bàn tay người vậy gọi. Bên sông
Mùa hè của tôi lạc về đâu?

thơ

TÔN NỮ MỸ HẠNH



The Story of Bhikkhu Kokalika

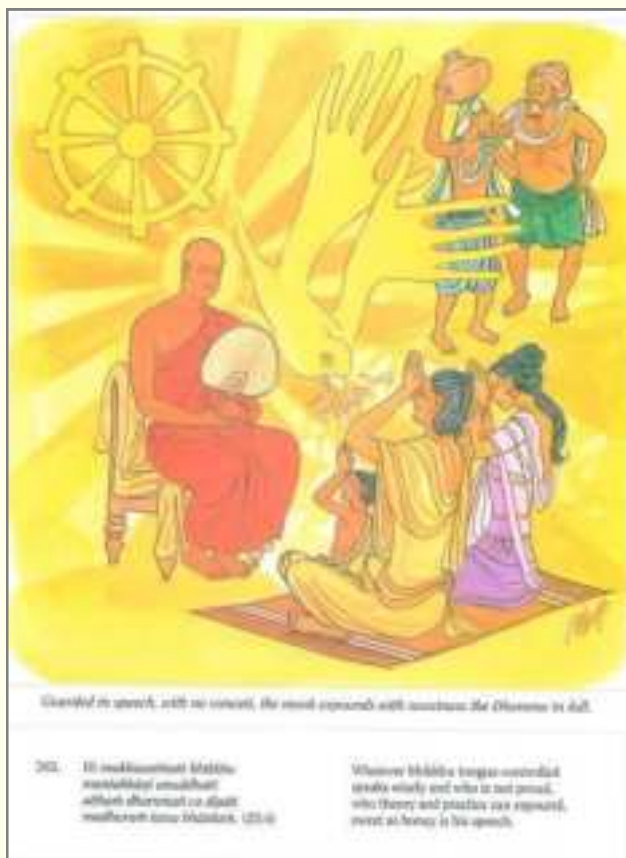
Dhammapada, Verse 363

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (363) of this book, with reference to Bhikkhu Kokalika.

Bhikkhu Kokalika had abused the two Chief Disciples, the Venerable Sariputta and the Venerable Maha Moggallana. For this evil deed Kokalika was swallowed up by the earth and had to suffer in Paduma Niraya(hell). Learning about his fate, the bhikkhus remarked that Kokalika had to suffer grievously because he did not control his tongue. To those bhikkhus, the Buddha said, "Bhikkhus! A bhikkhu must have control over his tongue; his conduct must be good; his mind must be calm, subdued and not flitting about as it pleases."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 363: The bhikkhu who controls his mouth (speech) who speaks wisely with his mind composed, who explains the meaning and the text of the Dhamma, — sweet are the words of that bhikkhu.



Translated by
Daw Mya Tin, M.A.,
Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.

MƯA TRÊN SỎI ĐÁ

Hôm nay tâm tã hạt mưa rơi!
Mây đen giăng mắc khắp bầu trời,
Giọt mưa... tí tách trên sỏi đá!
Nặng trĩu hạt sâu tỏa khắp nơi...

Hạt mưa trên cát hạt ngoài khơi
Hạt rớt vườn hoa hạt xuống đồi,
Dù mưa nơi nào hạt rơi xuống
Thì cũng quay về đại dương thôi!

Mưa rơi... rơi mãi suốt canh thâu,
Tí tách mưa rơi nặng giọt sâu,
Mưa rớt mưa rơi... từng hạt nhỏ,
Mưa buồn vui khóc hạt lệ sâu!

Mưa rơi... tí tách khắp thôn làng,
Mưa đem mạch sống trái thế gian
Lạy Trời thương xót cho nhân loại!
Hồ cạn, sông khô, ruộng héo tàn...!

Tại sao mưa xuống chẳng đồng đều?
Có nơi lũ lụt... đất lở sâu!
Có vùng rừng cháy, sông hồ cạn
Có nơi bão tố, biển dâng tràn!

Động đất nhiều nơi trên địa cầu,
Nhà sập, biển xoáy nước dâng cao
Muôn triệu người dân trong cảnh khổ!
Lũ lụt người dân khóc lệ trào...!

Trong Kinh Phật Tổ đã dạy rằng:
Bề dâu trần thế bởi do Tâm,
Nhân gian phong cách suy đồi trụy...!
Đạo đức giảm suy, phúc lợi tàn!

Trong Kinh Phật Tổ... dạy rất nhiều,
Nhân loại cần bồi dưỡng thiện căn.
Tu Tâm dưỡng tánh, tạo công đức,
Thiên tai dịch bệnh sẽ hóa không...



Lạy Trời mưa xuống khắp năm châu,
Trái đều dòng nước xuống địa cầu,
Mỗi giọt mưa rơi... trên cỏ lá,
Là giọt tình thương, rất nhiệm màu.

Lạy Trời thương xót... khắp thế gian!
Nhân loại ngày nay quá khổ nàn!
Nhiều nước chìm trong cơn lụt lũ!
Dân tình trong cảnh khổ... ngút ngàn!

Lạy Trời thương xót khắp dân lành,
Chở che nuôi dưỡng tử sinh linh
Cứu cho nhân loại thoát biển khổ,
Chiến tranh, bão tố hóa hư không...

Ngoài hiên mưa tuôn mãi thành dòng
Hạt mưa sẽ được chuyển ra sông
Dòng nước sẽ được trôi ra biển
Hơi nước sẽ trở về Hư Không.



Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BỐN

(tiếp theo)

Hai ngày kế tiếp nhằm cuối tuần, cán bộ quản giáo chỉ xuống mở cửa buổi sáng, đóng cửa buổi chiều, chứ không cho chúng tôi ra sân chơi. Hai ngày đó, tôi không còn bị bệnh kiết lỵ đầy đọa nữa. Tôi trở lại bình thường thật nhanh chóng.

Qua ngày đầu tuần, quản giáo xuống mở cửa gọi trưởng phòng ra ngoài làm việc đầu chừng một giờ đồng hồ. Trả trưởng phòng về phòng giam, quản giáo gọi Dương, anh phó phòng, ra làm việc nửa giờ; sau đó, gọi cả Lý, anh chàng đan lưới lập công. Trả Lý về phòng, quản giáo gọi Quái ra ngoài. Vậy là chúng tôi đoán biết có chuyện sắp xảy ra.

Quái theo quản giáo mấy tiếng đồng hồ rồi mà chẳng thấy trở lại. Đến xế chiều, quản giáo đến phòng một mình, bảo đưa giỏ đồ của Quái cho anh đem đi. Trong phòng biết rằng Quái đã bị phạt kỷ luật. Một là tội chủi thề,

“phạm thượng” đối với anh trưởng phòng; hai là, có ý bênh vực một thành phần tu sĩ phạm trọng tội đối với chính quyền như tôi.

Quái bị kỷ luật, tôi đoán là sẽ đến lượt tôi một lúc nào đó. Tôi chờ đợi, nhưng chẳng thấy gì xảy ra. Từ ngày tôi nhập trại này, chỉ có cán bộ thụ lý hồ sơ gọi tôi đi khai cung chứ chưa bao giờ quản giáo gọi tôi ra làm việc về chuyên sinh hoạt trong phòng giam cả. Theo thông lệ, bất cứ người tù nào, nhất là tù mới, cũng đều bị quản giáo gọi ra ngoài để vận hỏi thêm các chi tiết cần thiết có liên quan đến tội trạng của người ấy hầu cung cấp cho cán bộ thụ lý hồ sơ; có khi quản giáo muốn khai thác tin tức trong phòng giam nơi từng cá nhân bị gọi ra; có khi quản giáo tìm thêm người để giao công tác làm ăng-ten. Vậy mà quản giáo chưa hề đá động gì đến tôi từ hơn một tháng nay. Tôi có cảm giác là anh quản giáo này vì lý do gì, muốn tránh né nói chuyện với tôi. Dù vậy, qua các bạn tù nói

lại, tôi biết anh gọi ai ra ngoài cũng hỏi người đó một cách cặn kẽ về tôi.

Tôi có ý chờ đợi quản giáo gọi ra nói chuyện để may ra có thể hiểu thêm về chuyện Quái bị kỷ luật biệt giam. Tôi ấy này mãi trong lòng là Quái đã vì chuyện của tôi mà chịu phạt.

Quả nhiên, hai ngày sau khi Quái bị biệt giam, quản giáo Khoa gọi tên tôi. Anh dẫn tôi ra khỏi khu nhà giam tập thể, đến một dãy bàn bằng gỗ thô kệch, bằng ghế dài đóng dính vào bàn, đặt ngoài trời, ở một khoảng khá vắng vẻ dưới bóng mát của mấy cây trướng cá. Theo hướng dẫn của anh, tôi ngồi vào băng ghế đối diện. Anh ngấp ngừng một lúc, hai tay xoa vào nhau, nở một nụ cười cố gắng thân thiện, khá hiền lành. Tuổi anh khá lớn, xấp xỉ bốn mươi. Cầm vuông, trán hơi vồ, mắt lớn và lộ. Anh có một mụn ruồi đen khá to mọc ở gần khoe miệng bên trái, ngang cánh mũi. Có lẽ mụn ruồi làm cho nét mặt anh có một vẻ dịu dàng giống đàn bà. Trước mặt anh không có hồ sơ hay bất



Ngôi chánh điện xưa của chùa Hải Đức trên đồi Trại Thủy, Nha Trang

cứ mảnh giấy nào. “Làm việc” với quần giáo là vậy, không giống như lúc đi khai cung với các cán bộ thu lý hồ sơ, lúc nào cũng thấy biển bản, giấy má, bút, tập...

“Anh Khang năm nay bao nhiêu tuổi rồi?”

“Hai mươi sáu,” tôi đáp.

“Anh còn trẻ lắm. Nghe nói anh là nhà sư trụ trì của chùa gì đó trên Long Thành, phải không? Anh ở chùa thì lo tu niệm, dính dáng làm gì đến bọn Phục quốc phản động để rồi cản trở chuyện tu hành!... Theo tôi biết, anh vẫn còn trong thời kỳ khai cung, vì hồ sơ của anh chưa chuyển qua viện Kiểm sát tỉnh. Chuyện khai cung của anh kéo dài, không đơn giản như các bị can khác, có phải vì anh không thành thật khai báo?”

“Tôi có làm điều gì thì đã khai và nhận biết điều đó, chỉ tại cán bộ chưa muốn kết thúc đó thôi.”

“Anh chỉ thành thật phần nào về bản thân và các hoạt động của anh thôi, chứ chưa thành thật về các tên đồng lõa khác. Nếu anh tăng gia sự thành thật đúng mức thì may ra hồ sơ kết thúc sớm, từ đó anh mới được phép liên lạc với gia đình để được thăm nuôi, lo học tập cải tạo tốt mà trở về với xã hội làm người công dân mới.”

Tôi lặng thinh. Anh cũng im một lúc như lựa lời, rồi tiếp:

“Anh thấy sinh hoạt trong phòng giam thế nào? Có thoải mái không?”

“Cũng thường. Tôi mới vào, chưa nắm rõ sinh hoạt trong phòng lắm.”

“Nhưng chắc anh cũng cảm thấy có những chuyện lộn xộn này nọ xảy ra trong phòng giam chứ?”

Câu hỏi của anh làm tôi sức nhớ đến Quái. Tôi nghĩ thật nhanh trong đầu, rồi hỏi lại:

“À, anh muốn nói đến chuyện lộn xộn của anh Cang trưởng phòng và anh Quái, phải không?”

“Không phải chỉ chuyện đó, tôi muốn hỏi chung về tình hình trong phòng, anh thấy có gì bất thường không?”

“Tôi chưa rõ tình hình trong phòng, tôi chỉ biết cái chuyện vừa xảy ra giữa anh Cang và anh Quái. Chuyện đó, tôi nghĩ chắc có hiểu lầm.”

“Lầm làm sao được. Anh Quái có chút thề, lớn tiếng đôi co với trưởng phòng, chuyện rõ ràng như vậy mà.”

“Chẳng qua anh Quái lớn tiếng vì muốn bênh vực tôi thôi. Nếu cán bộ cũng như anh trưởng phòng, cho rằng chuyện tôi ngồi thiền suốt đêm là vi phạm nội qui thì xin phạt tôi, cho anh Quái được trở về phòng. Tôi nói thực đó.”

Khoa có vẻ tái mặt thấy rõ. Anh không ngờ tôi dám cả gan đòi đi biệt giam kỷ luật. Anh nhìn tôi một lúc rồi nói:

“Đâu được. Chuyện kỷ luật trong trại giam, ai vi phạm người ấy bị phạt, không có chuyện thay thế. Nếu cả anh và

anh Quái vi phạm thì hai người cùng chịu kỷ luật. Vậy tôi hỏi, có phải anh nhận là anh có ngồi cầu nguyện trong phòng giam không?”

“Tôi có ngồi thiền chứ không ngồi cầu nguyện.”

“Thì ngồi thiền hay cầu nguyện có khác gì đâu.”

“Khác chứ. Cầu nguyện là xin xỏ phép lạ hay quyền năng của một đấng thần linh nào đó ở ngoài, đến cứu rỗi hay giải thoát cho hoàn cảnh của mình; ngồi thiền là hình thức trau luyện tâm, phát triển sức mạnh tinh thần. Điều này tôi nghĩ rất cần thiết, giống như con người cần thiết chuyện tập thể dục để bảo vệ sức khỏe của thân xác vậy.”

“Tập thể dục thì đúng rồi, đảng và nhà nước rất sáng suốt, theo đúng nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, mỗi ngày đều cho các anh ra sân chơi để tập thể dục năm phút. Chứ còn chuyện phát triển sức mạnh tinh thần, anh muốn nói cái tinh thần nào đây? Ở đây chỉ có duy nhất cái tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, biết hối cải, ăn năn, học tập tốt theo đường lối chính sách của nhà nước; chỉ duy nhất con đường cải tạo tinh thần đó, các anh mới được trở về xã hội, phục hồi quyền công dân mà thôi. Tóm lại là ngồi thiền hay ngồi cầu nguyện đều là các hình thức sinh hoạt tôn giáo bị cấm trong nội qui của trại. Anh không được áp dụng bất cứ thứ lễ nghi tôn giáo nào trong phòng giam.”

“Đó là anh giải thích thêm vậy thôi chứ trong bản nội qui mà tôi nghe trong phòng đọc, ở phần nói về các lễ nghi tôn giáo, không hề nhắc đến hai chữ ‘ngồi thiền.’ Chỉ cấm cầu nguyện, tụng kinh, chấp tay hay làm dấu thánh giá... Mà ngồi thiền, thực ra không phải lễ nghi tôn giáo. Ngồi thiền cũng giống như tập thể dục thôi, một cái thì tập cho tâm, một cái thì tập cho thân, cán bộ khuyến khích tôi mới phải chứ.”

Anh lúng túng một hồi, rồi bất chợt dịu giọng hỏi:

“Vậy cách ngồi thiền của anh thế nào, anh diễn tả lại tôi xem thử.”

“Đại khái là tôi chỉ ngồi xếp bằng, im lặng, không bật lên một tiếng tụng kinh hay cầu nguyện nào. Tôi cũng không chấp tay, không làm dấu, không cúi lạy ai. Tôi chỉ ngồi như thế.”

“Trong khi ngồi anh suy nghĩ cái gì?”

"Không suy nghĩ gì cả. Tôi dẹp hết mọi suy nghĩ tính toán thường ngày."

"Như vậy thì... vô ích quá! Có lợi gì đâu mà anh phải làm thế."

"Những suy nghĩ làm mệt nhọc đầu óc, ảnh hưởng không tốt đến thể xác. Dẹp bỏ suy tưởng cũng giống như dọn dẹp sạch sẽ một căn phòng. Phòng sạch sẽ thì mát mẻ, thoải mái. Thân và tâm đều thoải mái thì hết bệnh."

"Cái đó có vẻ duy tâm quá, chẳng thực tế chút nào. Mà anh ngồi không như vậy cả đêm à?" quản giáo hỏi lại.

"Vâng, cứ ngồi như vậy. Cán bộ nghĩ xem, ngồi như vậy có làm thiệt hại ai đâu chứ."

"Ồ, không thiệt hại ai, nhưng... người khác nhìn thấy hình như trong lòng có nảy sinh một sự cảm mến nào đó... mà như vậy thì không tốt cho chuyện học tập cải tạo của anh và cho những người trong phòng giam."

"Cán bộ nói sao, tôi không hiểu."

"Vì... vì nếu ai trong phòng giam cũng có cảm tình riêng với anh thì sinh hoạt trong phòng không còn bình thường nữa, sẽ có sự thiên vị, mất đi tính cách bình đẳng."

Tôi cười thầm trong lòng, chẳng biết nói gì nữa, làm bộ gật gù lấy lệ. Quản giáo chớp chớp mắt, nói:

"Cho nên, nghe nói là ngày thăm nuôi vừa rồi, tự dưng nhiều người mang quà đến biếu tặng anh, cả một giỏ đầy, vừa có thăm là nghĩ ngay đến anh, chẳng cần ai kêu gọi mà anh cũng chẳng cần mở miệng. Anh cứ ngồi một chỗ mà mọi người tự động đem quà đến, trong khi xưa nay, trưởng phòng kêu gọi đóng góp giúp các anh em chưa có thăm nuôi khác thì chẳng ai chịu đóng góp, hoặc có đóng góp thì đóng góp cho có lệ thôi. Anh có thấy sự việc này là trở ngại cho đời sống tập thể phòng giam không?"

Tôi giật mình, tự thấy cái lý do tôi muốn ẩn mình che giấu tông tích tu sĩ của tôi trước đây quả thật là hợp lý. Rõ ràng là trên thực tế, khi tôi lộ diện là một tu sĩ, sự tiếp xử của những người chung quanh trở nên khác, không còn bình thường nữa. Tôi ăn cơm không, ngồi im lìm một đồng, nằm liệt một chỗ, đứng trần truồng trong nhà tắm

như mọi tù nhân, đi cầu hôi thối như mọi người, chẳng ai thêm để ý; nhưng khi tôi ngồi thiền-chưa biết là tôi ngồi thiền có tập trung hay không-cả phòng đã thay đổi thái độ.

Bây giờ thì tôi gật gù thật, tôi nói:

"Tôi không để ý chuyện đó. Chẳng qua chỉ tại tôi bị kiết lỵ kéo dài gần hai mươi ngày, không có thuốc chữa trị, tôi bèn dùng phương pháp ngồi thiền để tự điều chỉnh sự bất ổn của thân xác và tinh thần của tôi mà thôi. Tôi không cố ý chinh phục cảm tình của người khác. Còn nếu chuyện ngồi thiền của tôi phạm nội qui, xin cứ phạt. Tôi chỉ xin cán bộ một điều là trả anh Quái trở về phòng, bởi tôi không muốn bị chuyện của tôi mà anh ấy phải bị phạt."

"Thôi, anh hiểu điều đó và đừng tái phạm là được rồi. Chuyện của anh không đáng bị kỷ luật đâu. À, anh nghĩ là anh Quái có chữ thề với anh trưởng phòng không?"

"Anh ấy không vắng tục, chỉ nói với giọng bất bình, hơi cộc thôi."

Quản giáo gục gặc, xoa hai bàn tay, nhìn đồng hồ, nói:

"Thôi, được rồi. Tôi chỉ yêu cầu là anh đừng bao giờ ngồi thiền trong phòng giam nữa, dù chuyện ngồi thiền không phải là nghi thức tôn giáo."

"Tôi hứa."

"Tôi đưa anh về phòng," vừa nói, quản giáo đứng dậy.

Tôi đứng dậy theo. Khoa bảo tôi đi trước, về hướng phòng giam. Đi một đoạn, anh bỗng kêu tôi đứng lại, hỏi:

"Anh có biết là trong phòng giam có sự căng thẳng ngầm ngầm giữa nhóm này nhóm nọ không?"

Tôi biết anh thừa sức để có nhận xét ấy, nhưng cứ nói "không." Anh hơi ngờ vực nhìn tôi một lúc, nói:

"Tôi hỏi điều này chẳng phải là hại gì các anh em trong đó đâu. Tôi muốn phòng giam do tôi quản lý phải có không khí vui vẻ, anh em bạn tù phải hòa hợp với nhau, vui vẻ cùng học tập tốt, đừng vi phạm nội qui kỷ luật của trại, vậy là tốt rồi; chứ nếu cứ căng thẳng xảy hết chuyện này đến chuyện nọ, người này vừa hết bị kỷ luật lại đến người khác, vậy thì chán quá. Các phòng giam khác đâu có tình trạng đó. Tôi bị ở trên

khẩn trách là không biết cách quản lý các anh. Anh nói thật tôi nghe ý kiến của anh đi. Anh là thầy tu mà, tôi nghĩ anh có thể góp ý kiến tốt."

"Tôi chưa hiểu cán bộ muốn nói về chuyện gì. Tôi muốn biết rõ ràng hơn thì mới góp ý được."

"Vậy tôi hỏi anh, theo anh nghĩ, anh Cang làm trưởng phòng có được anh em mến phục, chịu nghe không?"

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

"Theo tôi thì phòng giam hay cả trại giam này cũng giống như đất nước xã hội bên ngoài, nếu người lãnh đạo không đủ tài đức thì khó tạo được đời sống vui vẻ hòa thuận."

"Anh muốn nói rằng anh Cang không đủ tài đức?"

"Tôi mà nói thẳng ra thì e cán bộ cho rằng tôi thiên vị, hoặc cho là tôi có thành kiến với anh Cang hay cả anh Đường nữa."

"Không, anh cứ nói. Tôi đã nói tôi tin tưởng anh mà."

"Vậy tôi xin nói ý kiến của tôi vậy: phòng giam của tôi ba phần tư là thành phần có ăn học, có đời sống xã hội ổn định, chỉ bất đồng quan điểm với nhà nước... ý tôi muốn nói là làm những việc trái với đường lối chính sách nhà nước, nên phải vào tù thôi; vậy mà phải chịu sự kiểm soát và răn dạy của hai người ăn cướp như Cang và Đường, thử hỏi không khí trong phòng làm sao khỏi căng thẳng!"

"Phải rồi, anh nói đúng, ủa, mà này giờ anh nói vậy là có ý gì đây?"

"Là ý như vậy đó, Cang và Đường không đủ tài đức để làm gương cho tập thể, bảo sao có sự ổn định cho phòng giam. Tình trạng này kéo dài, sẽ còn nhiều người khác bị kỷ luật nữa chứ không phải chỉ anh Quái. Mà không chừng ngày nào đó có thể nguy hiểm cho anh Cang anh Đường nữa đó!"

Khoa nhìn tôi với đôi mắt nửa nghi ngại nửa tin tưởng. Một lúc sau, anh mới gật đầu, ra dấu bảo tôi tiếp tục đi về hướng phòng giam.

(còn tiếp)

Văn Minh Rạp Chiếu Bóng

MÃ NHƯỘC MAI

(cảm nghĩ về rạp chiếu bóng ở Việt Nam)

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Đã lâu rồi không còn dịp được ngồi trong một rạp chiếu bóng lịch sự, yên tĩnh để xem một cuốn phim hay, với những khán giả cũng lịch sự và yên tĩnh như vậy. Hồi đó, khi biết sắp có trình chiếu một bộ phim hay thuộc hàng kinh điển của Âu, Mỹ hay Nhật, tôi thường nán lại đợi đến ba ngày sau mới đi xem. Qua ba ngày chiếu, bộ phim, qua truyền tai truyền miệng, dở quá với người này, hoặc hay quá với người khác, tự nó đã chắt lọc được một lượng khán giả vừa phải, “đủ độ” cho những ngày tiếp theo (mà thường thì những phim xuất sắc lại kén chọn một lượng khán giả ít ỏi nhưng có trình độ thưởng thức, cũng như vậy với nhạc classic hay tranh Picasso).

Khi ấy, tôi sẽ chọn một chỗ ngồi tốt, riêng rẽ càng hay, để có thể đắm mình theo dõi bộ phim từ đầu đến cuối mà không ngại bị xáo trộn tư tưởng. Khán giả trong những ngày cuối (một bộ phim thường được chiếu trong một tuần lễ chứ không hơn) không còn đông đảo, hay quá đông như những ngày đầu. Phần đông đều là những người lớn. Họ đến rạp để cùng thưởng thức bộ phim như tôi một cách êm ả, hòa thuận và đồng cảm... Không sợ đang ngồi coi bỗng có một hay hai bàn chân gác lên lưng ghế của mình ngồi, ngo nguẩy ngay trên đầu mình. Cũng không lo có người đi bằng qua mặt mình bằng cách hất hay hích một cái, thậm chí còn lấy tay xô mạnh vào đầu gối mình để dọn đường đi qua. Hồi trước đâu có vậy? Người ta muốn đi qua trước mặt bạn, họ sẽ lịch thiệp nói: “Xin phép” hoặc “Xin lỗi, cho qua”. Bạn cũng xem phim mà ít ngại cổ những người ngồi kế bên nói chuyện to quá hay cười đùa ầm ĩ quá. Cũng không lo có người ngồi kế vách rằng họ đã biết hết các diễn biến tiếp theo sau đó của cuốn phim (chẳng hạn “Anh ta sẽ bị giết chết” hoặc “Chị ấy sắp sửa bị bắt cóc khi đi qua chỗ này”) đơn giản vì họ đã xem rồi, xem lần thứ hai, thứ ba rồi nên muốn chứng tỏ mình giỏi!!?

Một bộ phim hay cần có một lớp khán giả biết thưởng thức nó một cách tôn trọng và trang trọng.

Văn minh rạp chiếu bóng không còn được như xưa. Có lẽ vì thế mà đã lâu rồi, tôi không được dịp ngồi trong một khán phòng văn minh để thưởng thức một bộ phim hay hạng kinh điển nào nữa. Hay có lẽ bây giờ ít còn rạp chiếu bóng chăng?



NỢ ĐÒI, OÁN BÁO ĐỨNG HÀNG ĐẦU

Tâm lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

*Chồng vợ, các con đến với nhau.
Nợ Đòi, Oán Báo đứng hàng đầu.
Gia đình thường xảy ra điều xấu.
Chính thật Quả đền, có lạ đâu!
Biết vậy, đừng thù người tạo khổ.
Cốt không Báo Oán kiếp mai sau.
Ai làm được vậy, nơi lòng nhẹ.
Tìn Quả, tại Nhân, hạnh phúc sao!*

Theo Luật Nhân Quả, vợ chồng, con cái đến với nhau phần nhiều qua hai con đường ĐÒI NỢ và OÁN BÁO. Nhiều người không hiểu như vậy nên khi trong nhà xảy ra nhiều chuyện không ưng ý thì than trời trách đất và khổ sở khôn cùng.

(1): Chẳng hạn, chuyện lớn như người phối ngẫu: bỏ đi theo người khác; hoặc bài bạc, rượu chè, hút xách...

Xin góp ý thực tập qua phần sau đây:

Bài thơ dưới đây chỉ viết từ "bạc bài" để tiêu biểu chứ thật ra nếu có người thân vấp phải những lỗi lầm lớn như bỏ đi theo người khác; hoặc rượu chè, hút xách... đều áp dụng theo một cách. Nếu người gặp hoàn cảnh trở trêu thực hành với tâm tha thiết, hy vọng sẽ có kết quả tốt đẹp là nhờ đức Thần Chú Đại Bi rồi hồi hướng liên tục cho họ. Xin mời quý vị đọc bài thơ thất ngôn bát cú sau đây để thực tập:

*Có Vợ hoặc Chồng "nghiện" bạc bài.
Ấy là nỗi khổ quá bi ai.
Đại Bi Thần Chú trì tha thiết
Hồi hướng cho người làm việc sai.
Cứ vậy hàng ngày luôn tiếp tục.
Thần giao cách cảm đến người này:
Tự nhiên lòng thấy nao nao lạ.
Duyên đủ họ thành người tốt ngay.*

Xin mời đọc Hiện tượng Thần giao cách cảm dưới đây để thấy khi nhắc tên người thân yêu nhiều lần với tâm tha thiết sẽ làm lòng họ nôn nao, bồn chồn thật khó tả qua đường dẫn:

<https://tuoitre.vn/than-giao-cach-cam-co-that-20190201220003018.htm>

Khả năng thần giao cách cảm cũng được cho là thường xuất hiện ở các thành viên trong một gia đình có mối quan hệ tình cảm sâu sắc và gần bó, như giữa cha mẹ và con cái, anh chị em (nhất là những cặp sinh đôi), vợ chồng.

Có một số trường hợp thường thấy và có thể là một dạng thần giao cách cảm, mà người ta thỉnh thoảng gặp phải là cảm giác bất an, bồn chồn như lửa đốt trong lòng khi người thân ở xa qua đời hay gặp tai nạn hiểm nghèo. Có người thì

bị giật một bên mí mắt hoặc bắp thịt co giật liên tục khá mạnh trong những trường hợp khá là tương phản (tùy người).

(2): Chuyện nhỏ như vợ, chồng, con cái có những tính xấu khó bỏ gây sự buồn bực cho người trong gia đình. Chẳng hạn:

- Có người suốt ngày miệt mài hay quát tháo;
- Có người hay chê bai, trách móc, chỉ trích...
- Có người lăm lăm hiện ra sờ sờ nhưng chẳng bao giờ chịu nhận lỗi;
- Có người nếu ai làm điều sai, liền thẳng thừng mắng la hết sức gay gắt.
- Có người chỉ thấy lỗi người, không biết lỗi mình.

- Có người tính nết rất độc đoán, hễ nói ra điều gì người nghe phải tuân theo răm rắp, không ai được cãi lại.

- Có người xem "Cái Tôi" rất lớn, không muốn ai nêu cái sai của mình, lại ưa lời nịnh hót.

- v.v... và v.v...

Trong trường hợp này, hãy thực tập tin luật Nhân Quả qua những đoạn thơ dưới đây, hy vọng mọi việc sẽ trở nên ổn thỏa:

*Xảy ra việc, chẳng ngẫu nhiên đâu.
Quả trở do Nhân, nhớ thuộc lâu.
Biết vậy, không buồn điều xấu đến.
Người tu được thế, khổ tiêu mau.*

*Chồng khó tính, ôi thật chán thay!
Làm sao cũng chẳng hợp lòng này.
Một lời nói, tức thời la quát.
Nhẫn nhịn, vợ khen điệp khúc hay.
Sự thật, ban đầu lòng ảm ức.
Thế rồi, cô nhủ: nghiệp đền vay.
Mối hay, im lặng là thần dược.
Chồng nản, về sau, bớt mắng ngay.*

*Có vợ cay chua, chán lắm thay!
Tôi ngày mở miệng: trách, chê hoài.
Ban đầu giận tức thành tranh cãi.
Kính nghiệm, chồng im hết trách dai.
Nhẫn nhịn nhưng chưa tin Quả báo.
Nên sao lòng thấy khó người ngoại.
Mãi sau, luật ấy thấm vào lòng
Cuộc sống gia đình, hạnh phúc ngay.*

*Các bà khó tính hãy thương chồng,
Bắt bẻ tôi ngày có tốt không?!
Bực bội khởi lên, sinh tật bệnh.
Chi bằng tính dễ, rất an lòng.*

Các ông đọc 4 câu trên cũng nên thương vợ.

Muốn được vậy, hãy tự xét xem, nếu bà vợ mình tối ngày cứ biểu lộ sự khó tính, mình có chịu được không?!

*Có kẻ thật cay nghiệt quá chừng.
Người làm sai trái chẳng bao dung.
Tầm từ con Phật, đâu không thấy.
Để thỏa lòng sân: mắng cứ dùng.*

*Thấy lỗi người, không biết lỗi mình.
Ấy là ngã mạn, lắm người khinh.
Từ nay cố tập không cao ngạo.
Phước báo tăng lên, tâm rất bình.*

*Sửa lỗi người sai nếu nặng lời.
Họ nghe, cơn giận chẳng hề vơi.
Lời êm cảm hóa, lòng khâm phục.
Lỗi phạm sửa ngay, họ nhớ đời!*

*Mọi việc bức mình đã xảy ra,
Nhủ rằng trả Quả chớ chi mà.
Ban đầu làm vậy thật là khó
Kết quả lâu ngày, khổ lánh xa.*

*Trung ngôn, nghịch nhĩ chẳng hề ưa.
Ninh bợ, ngọt ngon, mấy cũng vừa.
Xem lớn "Tôi" nên tâm ngã mạn.
Tính này rất xấu, chết không chữa.*

*Có kẻ mắng ta... cứ ngậm thinh.
Nghĩ do Nhân Quả, lỗi nơi mình.
Thế là mọi việc qua êm ả.
Tu được thế này, mới thật tình!*

*Điều xấu đến do lỗi ở mình.
Nhận rồi, xong cứ việc làm thinh.
Cái Ta khó ngóc đầu lên được.
Nhân Quả tin sâu, tâm rất bình.*

Thành tâm kính mong quý ông, quý bà gặp hoàn cảnh như trên, xin cố làm đúng điều chúng tôi đề nghị, hy vọng cuộc sống vợ chồng sẽ có những ngày êm ả. Nếu được vậy, xin được đem phước lành này hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sanh tương lai đều sanh về Tịnh độ.

Chân thành cảm ơn Quý vị đã đọc bài viết và thực hành./.



ĐƯỜNG THỂ NHÂN MUÔN THUỞ

*Tôi loay hoay giữa hai thái cực
Làm tay chơi mặc sức tung hoành
Hưởng lạc thú sớm tối nhất khoan
Hay du tử vuông tròn đạo hạnh?*

*Đam mê nào cũng không đủ mạnh
Nên tiến lui cứ mãi loanh quanh
Bao mộng mơ dang dở không thành
Mây trắng bay trời xanh bất tận.*

*Đạo chẳngặng mà đòi lẫn thân
Toan tính hoài trời sụt lún thân
Muốn đổi thay mở lối thanh tâm
Ý chí yếu, tình thân kém cỏi.*

*Muốn vượt thoát, tâm thường mong mỏi
Đời du phương rộng lối đường mây
Ngày tháng dài hành cước đó đây
Chẳng ràng buộc, vui thay du sĩ!*

*Tiếc một nỗi vì non ý chí
Đường quang minh không chịu bước đi
Để cho đời trầm trệ mê si
Quen sắc dục từ khi nhập cuộc.*

*Trong lục trần, thân tâm ràng buộc
Dòng tử - sanh quyến thuộc hợp - tan
Thăng hay đoạ, bất định lang bang
Kiếp nhân sinh vô vàn cười khóc*

*Lời hý luận tịnh thanh - ô trọc
Những hân hoan - phiền nhọc trong đời
Lý thuyết nhiều miệng lưỡi hao hơi
Duy dân bước, phương trời cao rộng.*

*Đời liên li thịnh - suy loạn động
Cuộc tuần hoàn có đó lại không
Tân trào tây, truyền thống phương đông
Đều luân hồi quay vòng vô tận*

*Đường không tiến nên đạo - đời lận đận
Những cơ duyên dang dở đã bao lần
Muốn hay không vẫn phải phong trần
Giữa con đường thể nhân muôn thuở.*

thơ THANH NGUYỄN